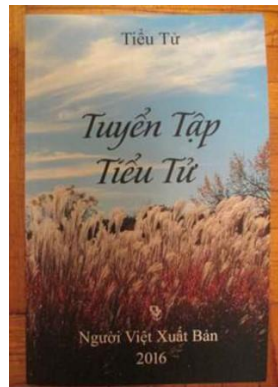


Tác Giả và Tác Phẩm

Tiểu Tử (III)

Tiểu sử & Tác phẩm
(xem *Vài hàng về tác giả*).



Mục Lục

Giới thiệu truyện ngắn “Nội” của Tiểu Tử Võ Hoài Nam- Lê Tấn Tài - 2

Nội – 3

Thằng chó đẻ của má – 9

Con rạch nhỏ quê mình – 12

Đọc “Tuyển tập Tiểu Tử” – Trần Văn Canh – 15

Chị Tư ù - 20

Thằng đi mắt biệt – 29

Đá mòn nhưng dạ chẳng mòn - 32

Phụ đính:

Cái loa – Những hình ảnh đẹp

Ông già ngồi bươi đồng rác

Thèm – Cơm nguội - Chuyện giả tưởng

Đèn trung thu – Vẫn còn cái gốc

(Tim bài đọc: ở “Keyboard”, nhấn nút “F5”, đánh số trang, rồi “Enter”)

Giới thiệu truyện ngắn “Nội” của Tiểu Tử Võ Hoài Nam Lê Tấn Tài

Nhà văn Tiểu Tử, tên thật là Võ Hoài Nam. Ông là con trai duy nhất của giáo sư Võ Thành Cứ, cựu giáo sư trường trung học Pétrus Trương Vĩnh Ký, Sài Gòn. Ông sinh ngày 19 tháng 7 năm 1930 tại quận Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh, Việt Nam.

Ông tốt nghiệp kỹ sư tại Marseille, Pháp quốc năm 1955. Ông về Việt Nam, dạy tại trường trung học Pétrus Trương Vĩnh Ký niên khóa 1955-1956. Tháng 10 năm 1956, ông vào làm việc tại hãng xăng Shell Việt Nam cho đến ngày 30 tháng 4 năm 1975. Năm 1979, ông vượt biên và định cư tại Pháp. Sau đó, ông nhận làm việc cho công ty Đường Mía của nhà nước tại Côte d'Ivoire, Phi Châu, từ 1979 đến 1982. Ông qua làm hãng xăng Shell Côte d'Ivoire cho đến khi về hưu (1982-1991). Hiện ông đang nghỉ hưu tại Paris, Pháp quốc.

Trước 1975, ông phụ trách mục biếm văn “Trò đời” trên nhật báo Tiến, với bút hiệu Tiểu Tử. Bút hiệu này ông vẫn dùng cho những bài tạp văn và truyện ngắn của ông tại hải ngoại, sau 1975. Ông đã xuất bản tập truyện ngắn “Những mảnh vụn” năm 2004 và “Bài ca vọng cổ” năm 2006. Ngoài “Bài ca vọng cổ” ông đặt tựa cho tập truyện ngắn, còn các truyện ngắn khác mà ông rất tâm đắc, như “Nội”, “Thằng chó đẻ của má”. Thật vậy, đọc truyện ngắn “Nội”, “Thằng chó đẻ của má”, độc giả có cảm giác như lảng đãng hình bóng của bà mẹ quê của mình trong đó. Nó gần gũi và thân thương. Độc giả có cảm tưởng như tác giả nói giùm hoàn cảnh thương tâm của chính gia đình mình: Mẹ già gần tám mươi tuổi, cam tâm chịu đựng nỗi đau cắt ruột để khuyên con, cháu mình vượt biên.

Tiểu Tử tâm sự:

“Và tôi thật xúc động với hình ảnh bà mẹ già phải đẩy đưa con duy nhất đi vượt biên để vui mà sống với ít nhiều hy vọng! Thật là ngược đời: có người mẹ nào lại muốn xa con? Chỉ có ở chế độ xã hội chủ nghĩa mới xảy ra những chuyện “đổi đời” như vậy!”

Sau khi định cư ở xứ người, Tiểu Tử trông ngóng về người mẹ già ở tại quê nhà hiu quạnh, luôn nhớ mong con và cháu ở phương xa:

“Tôi biết: Má tôi là cây cau già – quá già, quá cũ – nhưng vẫn cố bám lấy đất, chỉ vì trên thân cây còn mấy dây trầu... Hình ảnh đó bỗng làm tôi ứa nước mắt. Thương má tôi và nhớ cả quê hương. Cái quê hương tuyệt đẹp của tôi, mà Việt Cộng đã cướp mất. Cái quê hương mà trên đó tôi không còn quyền sống như ý mình muốn, phát biểu những gì mình nghĩ, ca tụng những gì mình thích. Ở đó, ở quê hương tôi, tôi còn bà mẹ già, bà mẹ tám mươi đã cắt ruột đuổi con đi, bỏ quê hương mà đi, để bà còn chút gì hy vọng sống thêm vài ba năm nữa! Bây giờ, vợ con tôi cũng đã đi hết. Má tôi còn lại một mình. Thân cây cau giờ đã nhẵn dây trầu, thêm tuổi đời một nắng hai mưa. Tôi biết! Má ơi! Con biết: Cây cau già bây giờ đang nhớ thắt thẻo mấy dây trầu non...”

Tiểu Tử có văn phong đặc biệt “miền Nam”. Ông xử dụng một bút pháp rất tài tình, ngắn gọn, nhưng cô đọng, ý xúc tích mà gợi hình. Từ ngữ ông dùng rất gần gũi với người miền Nam, một thứ từ ngữ đi thẳng vào lòng người, đem đến cho người đọc cảm xúc trọn vẹn và mãnh liệt, nhưng thân quen....

.....

Truyện của Tiểu Tử càng đọc càng thích thú, say mê, dù độc giả về những kỷ niệm thân yêu của một thời trên quê hương Tây Ninh yêu dấu. Ông Vương Văn Ký, người cùng sinh trưởng tại quận Gò Dầu với Tiểu Tử, đã viết tặng ông câu đối, như sau:

“Cổ quốc đậm đà tình Tiểu Tử,
Trời tây thấm thía điệu Hoài Nam”

Nội

- Nội xuống kia!
- Nội xuống! Ê! Nội xuống!
- Nội xuống!

Bầy con tôi reo mừng, chạy ùa ra ngõ. Ngoài đó, tiếng xích lô máy cũng vừa tắt.

Trong buồng, vợ tôi gom vội mấy giấy tờ hồ sơ nhét vào xách tay, nhìn tôi, im lặng. Tôi hiểu: bà già xuống như vậy, làm sao giấu được chuyện tôi và hai đứa lớn sẽ vượt biên? Sáng sớm mai là đi rồi ...

Tôi choàng tay ôm vai vợ tôi, siết nhẹ:

- Không sao đâu. Để anh lựa lúc nói chuyện đó với má.

Khi vợ chồng tôi bước ra hiên nhà thì bầy nhỏ cũng vừa vào tới sân. Đứa xách giỏ, đứa xách bao, đứa ôm gói, hí hửng vui mừng. Bởi vì mỗi lần bà nội chúng nó từ Gò Dầu xuống thăm đều có mang theo rất nhiều đồ ăn, bánh trái thịt thà ... Những ngày sau đó, mâm cơm dưa muối thường ngày được thay thế bằng những món ăn do tay bà nội tụi nó nấu nướng nêm-ném. Nhờ vậy, mấy bữa cơm có cái phong vị của ngày xưa thuở mà miền Nam chưa mất vào tay Việt Cộng ... Mấy con tôi thường gọi đùa bà Nội bằng "trường ban hậu cần" hoặc chị "nuôi" và lâu lâu hay trông có bà nội xuống. Và lúc nào câu chào mừng của chúng nó cũng đều giống như nhau: "Nội mạnh hả Nội? Nội có đem gì xuống ăn không Nội?". Mới đầu, tôi nghe chường tai, nhưng sống trong sự thiếu thốn triền miên của chế độ xã hội chủ nghĩa, lần hồi chính bản thân tôi cũng chỉ nghĩ đến miếng ăn thôi!

Con gái út tôi, mười một tuổi, một tay xách giỏ trái của bà nội, một tay cặp-kè với bà nó đi vào như hai người bạn. Bà nó cưng nó nhưt nhà. Lúc nào xuống, cũng ngủ chung với nó để nghe nó kể chuyện. Nó thích bà nội ở điều đó và thường nói: "ở nhà này chỉ có nội là thích nghe em kể chuyện thôi!". Thật ra, nó có lối kể chuyện không đầu không đuôi làm mấy anh mấy chị nó bực. Trái lại, bà nó cho đó là một thi vị của tuổi thơ, nên hay biểu nó kể chuyện cho bà nghe, để lâu lâu bà cười chảy nước mắt.

Tôi hỏi má tôi:

- Sao bữa nay xuống trưa vậy nội?

Vợ chồng tôi hay gọi má tôi bằng "nội" như các con. Nói theo tụi nó, riết rồi quen miệng. Lâu lâu, chúng tôi cũng có gọi bằng "má" nhưng sao vẫn không nghe đậm-ấm nồng-nàn bằng tiếng "nội" của các con. Hồi cha tôi còn sống, tụi nhỏ còn gọi rõ ra "ông nội" hay "bà nội". Cha tôi mất đi, ít lâu sau, chúng nó chỉ còn dùng có tiếng "nội" ngắn gọn để gọi bà của chúng nó, ngắn gọn nhưng âm thanh lại đầy triu mến.

Má tôi bước vào nhà, vừa cởi áo bà ba vừa trả lời:

- Thôi đi mày ơi! ... Mấy thằng công an ở Trảng Bàng mắc dịch! Tao lên xe hời sáng chở bộ. Tới trạm Trảng Bàng tụi nó xét thấy tao có đem một lon ghi-gô mỡ nước, vậy là bắt tao ở lại. Nói phải quấy bao nhiêu cũng không nghe. Cứ đề quyết là tao đi buôn lậu!

Rồi má tôi liệng cái áo lên thành ghế bàn ăn, nói mà tôi có cảm tưởng như bà đang phân trần ở Trảng Bàng:

- Đi buôn lậu cái gì mà chỉ có một lon mỡ nước? Ai đó nghĩ coi! Nội tiền xe đi xuống đi lên cũng hơn tiền lon mỡ rồi. Đi buôn kiểu gì mà ngu dại vậy hồng biết!

- Dễ hôn! Nội đâu có để cho tụi nó "ăn" lon mỡ, con! Mỡ heo nội thắng đem xuống cho tụi con chở bộ.

Ngừng lại, hớp một hớp nước mát mà con út vừa đem ra, xong bà kể tiếp, trong lúc các con tôi quây quần lại nghe:

- Cái rồi ... cứ dan ca riết làm nội phát ghét, nội đồ lì, ngồi lại đó đợi tụi nó muốn giải đi đâu thì giải.

Nghe đến đây, bầy con tôi cười thích thú. Bởi vì tụi nó từng nghe ông nội tụi nó kể những chuyện "gan cùng mình" của bà nội hồi xưa khi cùng chồng vào khu kháng chiến, nhưt là giai đoạn trở về

hoạt động ngầm ở thành phố sau này, trước hiệp định Genève ...

Con út nóng nảy giục:

- Rồi sao nữa nội?

- Cái rồi ... lồi mườì một mườì hai giờ gì đó nội hồng biết nữa. ... cở đứng bóng à. Có thằng cán bộ đạp xe đi ngang. Nó đi qua khỏi rồi chớ, nhưng chắc nó nhìn thấy nội nên hoành xe lại chào hỏi: "Ủa? Bà Tám đi đâu mà ngồi đó vậy?". Nội nhìn ra là thằng Kiêu con thầy giáo Chén ở Tha-La, tụi bây không biết đâu. Kể nội kể hết đầu đuôi câu chuyện cho nó nghe. Nó cười ngất. Rồi nhờ nó can thiệp nên nội mới đi được đó. Lên xe thì đã trưa rồi ... Ti! Kiểm cây quạt cho nội, con!

Ti là tên con út. Cây quạt là miếng mo cau mà má tôi cắt, vanh thành hình rồi đem ép giữa hai tấm thớt dày cho nó bót cong. Má tôi đem từ Gò Dầu xuống bốn năm cây quạt mo phân phát cho mấy cháu, nói: "Nội thấy ba má tụi con gỡ bán hết quạt má, nội mới làm thứ này đem xuống cho tụi con xài. Kệ nó, xấu xấu vậy chớ nó lâu rách".

Con út cầm quạt ra đứng cạnh nội quạt nhẹ nhàng mà mặt mày tươi rói: tụi nay nó có "bạn" ngủ chung để kể chuyện! Vợ tôi đem áo bà ba của má tôi vào buồng mấy đứa con gái, từ trong đó hỏi vọng ra:

- Nội ăn gì chưa nội?

- Khỏi lo! Tao ăn rồi. Để tao tằm miếng trà rồi tao với mấy đứa nhỏ soạn đồ ra coi có hư bề gì không cái đã.

Rồi mấy bà cháu kéo nhau ra nhà sau. Tôi nhìn theo má tôi mà bỗng nghe lòng dào dạt. Từ bao nhiêu năm nay, trên người má tôi chẳng có gì thay đổi. Vẫn loại quần vải đen lưng rút, vẫn áo túi trắng ngắn tay có hai cái túi thật đặc biệt do má tôi tự cắt may: miếng túi cao lên tới ngực chớ không nằm dưới eo hông như những áo túi thường thấy. Mấy đứa nhỏ hay đùa: "Cha ... bộ sợ chúng nó móc túi hay sao mà nội làm túi sâu vậy nội?" Má tôi cười: "Ày! Vậy chớ túi này chứa nhiều thứ quý lắm à bây". Những thứ gì không biết, chớ thấy má tôi còn cẩn thận ghim miếng túi lại bằng cây kim tây!

Tôi là con một của má tôi. Vậy mà sau khi cha tôi chết đem về chôn ở Gò Dầu, quê tôi, má tôi ở luôn trên đó. Nói là để chăm sóc mồ mả và vườn tược cây trái. Thật ra, tại vì má tôi không thích ở Sài Gòn, mặc dù rất thương mấy đứa cháu. Hồi còn ở chung với vợ chồng tôi để tránh pháo kích - dạo đó, Việt cộng hay bắn hỏa tiễn vào Gò Dầu về đêm má tôi thường chắc lưỡi nói: "Thiệt ... không biết cái xứ gì mà ăn rồi cứ đi ra đi vô, hồng làm gì ráo". Cái "xứ" Sài Gòn, đối với má tôi, nó "tù chân tù tay" lắm, trong lúc ở Gò Dầu má tôi có nhà cửa đất đai rộng rãi, cây trái xum xuê, và dù đã cao niên, má tôi vẫn thường xuyên xách cuốc xách dao ra làm vườn, làm cỏ. Vả lại chung quanh đất má tôi, là nhà đất của các anh bà con bên ngoài của tôi, thành ra má tôi qua lại cũng gần. Các anh chị bà con tới lui thăm viếng giúp đỡ cũng dễ. Cho nên, dù ở một mình trên đó, má tôi vẫn không thấy cô đơn hiu quạnh. Lâu lâu nhớ bầy con tôi thì xuống chơi với chúng nó năm bảy bữa rồi về. Má tôi hay nói đùa là "đi đổi gió"!

Mấy năm sau ngày mất nước, cuộc sống của gia đình tôi càng ngày càng bần chật. Cũng như thiên hạ, vợ chồng tôi bán đồ đạc trong nhà lần lần để ăn. Má tôi biết như vậy nên xuống thăm mấy đứa nhỏ thường hơn, để mang "cái gì để ăn" cho chúng nó. Nhiều khi nằm đêm tôi ứa nước mắt mà nghĩ rằng lẽ ra tôi phải nuôi má tôi chớ, dù gì tôi cũng mới ngoài bốn mươi lăm còn má tôi thì tuổi đã về chiều. Vậy mà bây giờ, mặc dù là công nhân viên nhà nước xã hội chủ nghĩa với lương kỹ sư "bật hai trên sáu", tôi đã không nuôi nổi má tôi, mà trái lại chính má tôi phải cắt-cà cắt-cùm mang đồ ăn xuống tiếp tế cho gia đình tôi, giống như má tôi mớm cơm đút cháo cho tôi thuở tôi còn thơ ấu! Thật là một "cuộc đổi đời" (Việt Cộng thường rêu rao: "Cách mạng là một cuộc đổi đời"). Nhưng cuộc đổi đời của mẹ con tôi thì thật là vừa chua cay vừa hài hước!

Lắm khi tôi tự hỏi: "Rồi sẽ đi đến đâu?". Bảy giờ tôi đã trở thành "trưởng ban văn nghệ" của cơ quan, một lối đi "ngang" mà nhờ đó tôi còn được ở lại với sở cũ. Bởi vì mấy chục năm kinh nghiệm trong nghề nghiệp chánh của tôi, nhà nước cách mạng cho là vô dụng, không "đạt yêu cầu". Thành ra, tụi ngày tôi chỉ lo cho đoàn "nghệ dư" của cơ quan tập dượt hát múa. Thật là hề. Còn về phần các con tôi, tương lai gần nhứt là đi đánh giặc Kampuchia, tương lai xa hơn thì

thật là mù mịt!

Trong lúc tôi không có lối thoát thì một người bạn đề nghị giúp chúng tôi vượt biên, nhưng chỉ đi được có ba người. Vậy là chúng tôi lấy quyết định cho hai đứa lớn đi theo tôi. Chuyện này, chúng tôi giấu má tôi và mấy đứa nhỏ, kể cả hai đứa đã được chọn. Phần vì sợ đổ bể, phần vì sợ má tôi lo. Ai chẳng biết vượt biên là một sự liều lĩnh vô cùng. Rủi đi không thoát là bị tù đầy chẳng biết ở đâu, may mà đi thoát cũng chưa chắc là sẽ đến bờ đến bến. Người ta nói trong số những người đi thoát, hai phần ba bị mất tích luôn. Thành ra, "vượt biên" là đi vào miền vô định ...

Theo chương trình thì sáng sớm ngày rằm cha con tôi đi xe đò xuống Cần Thơ rồi từ đó có người rước qua sông ông Đốc để xuất hành ngay trong đêm đó. Tôi thắc mắc hỏi: "Tổ chức gì mà đi chui nhằm ngày rằm cha nội?". Bạn tôi cười: "Ai cũng nghĩ như anh hết. Tụi Việt Cộng cũng vậy. Cho nên hễ có trăng sáng là tụi nó nằm nhà nhậu, không đi tuần đi rôn gì hết. Hiểu chưa?" Bữa nay là mười bốn ta nhằm ngày thứ Bảy, vợ chồng tôi định không nói gì hết, chờ sáng sớm mai gọi hai đứa lớn dậy đi với tôi xuống Cần Thơ. Như vậy là chúng nó sẽ hiểu. Và như vậy là kín đáo nhất, an toàn nhất. Rồi sau đó vợ tôi sẽ liệu cách nhắn tin về cho má tôi hay. Chừng đó thì "sự đã rồi" ...

Bây giờ thì má tôi đã có mặt ở đây, giấu cũng không được. Đành phải nói cho má tôi biết. Nhưng nói lúc nào đây? Và nói làm sao đây? Liệu má tôi có biết cho rằng tôi không còn con đường nào khác? Liệu má tôi có chấp nhận cho tôi không giữ tròn đạo hiếu chỉ vì lo tương lai cho các con? Liệu má tôi ... liệu má tôi ... Tôi phân vân tự đặt nhiều câu hỏi để chẳng thấy ở đâu câu trả lời ... Tôi ngồi xuống thêm nhà, nhìn ra sân. Nơi đó, bờ cỏ lá gừng xanh mướt ngày xưa đã bị chúng tôi đào lên đắp thành luống để trồng chút đỉnh khoai mì, một ít khoai lang, vài hàng bắp. Không có bao nhiêu nhưng vẫn phải có. Cho nó giống với người ta, bởi vì nhà nào cũng phải "tặng gia" cho đúng "đường lối của nhà nước". Thật ra, trồng trọt bao nhiêu đó, nếu có ... trúng mùa đi nữa, thì cũng không đủ cho bầy con tôi "nhét kẻ răng"! Vậy mà tên công an phường, trong một dịp ghé thăm, đã tấm tắc khen: "Anh chị công tác tốt đấy chứ. Tặng gia khá nhất khu phố đấy! Các cháu tha hồ mà ăn". Anh ta không biết rằng mấy nhà hàng xóm của tôi, muốn "tặng gia", họ đã phải đào cả sân xi-măng hoặc sân lót gạch, thì lấy gì để "làm tốt"?

Khi tôi trở vào nhà thì con út đang gãi lưng cho nội. Nó vén áo tui nội lên đến vai, để lộ cái lưng gầy nhom, cong cong và hai cái vú teo nhách. Tôi tự hỏi: "Lạ quá! Chỉ có mình mình bú hồi đó mà sao làm teo vú nội đến như vậy được?". Rồi tôi bồi hồi cảm động khi nghĩ rằng chính hai cái núm đen đó đã nuôi tôi lớn lên với dòng sữa ấm, vậy mà chẳng bao giờ nghe má tôi kể về công lao. Tôi cảm thấy thương má tôi vô cùng. Tôi len lén từ phía sau lòn tay mần vú má tôi một cái. Má tôi giật mình, rút cổ lại:

- Đùng! Nhột! Thăng chơi đại mậy!

Rồi má tôi cười vắng cốt trầu. Con Ti la lên:

- Má ơi ! Coi ba mần vú nội nè!

Tôi cười hả hê thích thú. Trong khoảnh khắc thật ngắn ngủi đó, tôi bắt gặp lại những rung động nhẹ nhàng sung sướng khi tôi mần vú mẹ thuở tôi mới lên ba lên năm ... Và cũng trong khoảnh khắc đó, tôi đã quên mất rằng má tôi đã gần tám mươi mà tôi thì trên đầu đã hai thứ tóc! Và cũng quên mất rằng từ ngày mai trở đi, có thể tôi sẽ không bao giờ còn gặp lại má tôi nữa, để mần vú khi bắt chợt thấy má tôi nhờ cháu nội gãi lưng như hôm nay ...

Chiều hôm đó, khi ngồi vào bàn ăn, mắt bầy con tôi sáng rỡ. Bữa cơm thật thơm mát, đầy đủ món ăn như khi xưa. Có gà nấu canh chua lá vang, một loại giầy leo có vị chua thật ngọt ngào mà hình như chỉ ở miệt quê tôi mới có. Món này, bà nội mấy đứa nhỏ nấu thật đậm đà. Bà thường nói: "Canh chua phải nêm cho cứng cứng nó mới ngon". Mà thật vậy. Tô canh nóng hổi, bốc lên mùi thơm đặc biệt của thịt gà lẫn với mùi chua ngọt của lá vang, mùi mặn đậm thấm của nước mắm và mùi tiêu mùi hành ... Húp vào một miếng canh chua, phải nghe đầu lưỡi ngậy ngậy cứng cứng và chân tóc trên đầu tăng tăng, như vậy mới đúng. Nằm cạnh tô canh chua là tô cá kèo kho tiêu mà khi mang đặt lên bàn ăn nó hãy còn sôi kêu lộp-bộp, bốc mùi thơm phức vừa mặn vừa nồng cay lại vừa béo, bởi vì trong cá kèo có tóp mỡ và trước khi bắt xuống, bà nội có cho vào một muỗng mỡ nước gọi là "để cho nó dần"! Đặc biệt, khi làm cá kèo, bà không mổ bụng cá,

thành ra khi cắn vào đó, mật cá bể ra đặng đặng nhẹ nhàng làm tăng vị bùi của miếng cá lên gấp bội. Ngoài hai món chánh ra, còn một đĩa măng luộc, tuy là một món phụ nhưng cũng không kém phần hấp dẫn nhờ ở chỗ sau khi luộc rồi măng được chiên lại với tỏi nên ngả màu vàng sậm thật là đậm đà ...

Sau khi và vài miếng, vợ tôi nhìn tôi rồi rút nước mắt. Nội hỏi:

- Bộ cay hả?

Vợ tôi "ạ", tiếng "ạ" nằm đâu trong cổ. Rồi buông đũa, mếu máo chạy ra nhà sau. Tôi hiểu. Bữa cơm này là bữa cơm cuối cùng, bữa cơm mà cả gia đình còn xum họp bên nhau. Rồi sẽ không còn bữa cơm nào như vậy nữa. Gia đình sẽ chia hai. Những người đi, rồi sẽ sống hay chết? Còn những người ở lại, ai biết sẽ còn tan tác đến đâu? Tôi làm thình, cảm đầu ăn lia lia như mình đang đói lắm. Thật ra, tôi đang cần nuốt thật nhanh thật nhiều, mỗi một miếng nuốt phải thật đầy cổ họng ... để đê xuống, nén xuống một cái gì đang trào trực từ dưới dâng lên. Mắt tôi nhìn đồ ăn, nhìn chén cơm, nhìn đôi đũa, để khỏi phải nhìn má tôi hay nhìn bầy con, ngàn đó khuôn mặt thân yêu mà có thể tôi sẽ vĩnh viễn không còn thấy lại nữa. Trong đầu tôi chợt hiện ra hình ảnh người đang hấp hối, trong giây phút cuối cùng lưỡi đã cứng đơ mắt đã dại, vậy mà họ vẫn nhìn nuốt những người thương để rồi chảy nước mắt trước khi tắt thở. Rồi tôi thấy tôi cũng giống như người đang hấp hối, không phải chết ở thể xác mà là chết ở tâm hồn, cũng một lần vĩnh biệt, và cũng sẽ bước vào một cõi u-minh nào đó, một cõi thật mơ hồ mà mình không hình dung được, không chủ động được!

Má tôi gấp cho tôi một cái bụng cá to bằng ngón tay cái:

- Nè! Ngon lắm! Ăn đi! Để rồi mai một hồng chắc gì có mà ăn!

Ý má tôi muốn nói rằng ở với Việt Cộng riết rồi đến loại cá kèo cũng sẽ khan hiếm như các loại cá khác. Nhưng trong trường hợp của tôi, lời má tôi nói lại có ý nghĩa của lời tống biệt. Nó giống như: "Má cho con ăn lần này lần cuối. Ăn đi con! Ăn cho ngon đi con!". Tôi ngậm miếng cá mà nước mắt trào ra, không kèm lại được. Nếu không có mặt bầy con tôi, có lẽ tôi đã cầm lấy bàn tay của má tôi mà khóc, khóc thật tự do, khóc thật lớn, để với bớt nỗi thống khổ đã dần vật tôi từ bao nhiêu lâu nay ... Đàng này, tôi không làm như vậy được. Cho nên tôi trào trực nuốt miếng cá mà cảm thấy như nó thật đầy xương xóc!

Má tôi nhìn tôi ngạc nhiên:

- Ủa? Mà cũng bị cay nữa sao?

Rồi bà chồm tới nhìn vào tộ cá. Các con tôi nhao nhao lên:

- Đâu có cay, nội.

- Con ăn đâu thấy cay. Hai có nghe cay hôn Hai ?

- Chắc ba má bị gì chứ cay đâu mà cay.

- Con ăn được mà nội. Có cay đâu?

Các con tôi đâu có biết rằng cái cay của tôi không nằm trên đầu lưỡi, mà nó nằm trong đáy lòng.

Cái cay đó cũng bắt trào nước mắt!

Tôi đặt chuyện, nói tránh đi:

- Hôm rày nóng trong mình, lưỡi của ba bị lở, nên ăn cái gì mặn nó rát.

Rồi tôi nhai thật chậm để có thời gian cho sự xúc động lắng xuống. Miếng cơm trong miệng nghe như là sạn sỏi, nuốt không trôi ...

Sau bữa cơm, bà cháu kéo hết vào buồng tụi con gái để chuyện trò. Thình thoảng nghe cười vang trong đó. Chen trong tiếng cười trong trẻo của các con, có tiếng cười khọt khọt của nội, tiếng cười mà miếng trầu đang nhai kèm lại trong cổ họng, vì sợ văng cốt trầu. Những thanh âm đó toát ra một sự vô tư, nhưng lại nghe đầy hạnh phúc. Lúc này, có nên nói chuyện vượt biên với má tôi hay không? Tội nghiệp bầy con, tội nghiệp nội ... Ngoài phòng khách, tôi đi tới đi lui suy nghĩ đắn đo. Vợ tôi còn lục đục sau bếp, và cho dù vợ tôi có mặt ở đây cũng không giúp gì tôi được với tâm sự rối bời như mớ bông bong. Tôi bèn vào buồng ngủ, trải chiếu dưới gạch-từ lâu rồi, vợ chồng tôi không còn giường tủ gì hết- rồi tắt đèn nằm trong bóng tối, gác tay lên trán mà thờ dài ...

Thời gian đi qua ... Trăng đã lên nên tôi thấy cửa sổ được vẽ những làn ngang song song trắng

đục. Trong phòng bóng tối cũng lợt đi. Không còn nghe tiếng cười nói ở phòng bên và tôi nghĩ chắc đêm nay vợ tôi ngủ với hai đứa lớn ngoài phòng khách, để trần trọc suốt đêm chờ sáng. Bỗng cửa phòng tôi nhẹ mở, vừa đủ để tôi nhìn thấy bóng má tôi lom khom hướng vào trong hồi nhỏ :

- Ba con Ti ngủ chưa vậy?

Tôi hơi ngạc nhiên, nhưng cũng trả lời nho nhỏ vừa đủ nghe :

- Dạ chưa, má.

Má tôi bước vào đóng cửa lại, rồi mò mẫm ngồi xuống cạnh tôi, tay cầm quạt mo quạt nhẹ nhẹ lên mình tôi, nói:

- Coi bộ nực hả mây ?

- Dạ. Nhưng rồi riết cũng quen, má à.

Tôi nói như vậy mà trong đầu nhớ lại hình ảnh tôi và thằng con trai hè hụi tháo gỡ mấy cây quạt trần để mang đi bán. Im lặng một lúc. Tay má tôi vẫn quạt đều.

Rồi má tôi hỏi:

- Tụi bây còn gì để bán nữa hông?

- Dạ ...

Tôi không biết trả lời làm sao nữa. Chiếc xe hơi bây giờ chỉ còn lại cái sườn, không ai chịu chở đi. Trong nhà bây giờ chỉ còn bộ bàn ăn, cái tủ thờ nhỏ và bộ xa-long mây "sứt cầm gãy gọng". Ngoài ra, trên tường có chân dung "Bác Hồ" dẹt bằng lụa và nhiều "băng khen", "băng lao động tiên tiến" ... những thứ mà nhà nào cũng có hết, cho, chưa chắc gì có ai thèm lấy! Bỗng tôi nhớ có một hôm tôi nói với bầy con tôi: "Ba tự hào đã giữ tròn liêm sỉ từ mấy chục năm nay. Bây giờ, đổi lấy cái gì ăn cũng không được, đem ra chợ trời bán cũng chẳng có ai mua. Sao ba thấy thương các con và tội cho ba quá!". Lúc đó, tôi tưởng tượng thấy tôi đứng ở chợ trời, dưới chân có tấm bảng đề "Bán cái liêm sỉ, loại chánh cống. Bảo đảm đã hai mươi năm chưa sứt mẻ". Thật là khủng nhưng cũng thật là chua chát!

Nghe tôi "dạ" rồi nín luôn, má tôi hiểu, nên nói:

- Rồi mày phải tính làm sao chớ chẳng lẽ cứ như vậy hoài à? Tao thấy bầy tụi bây càng ngày càng trộm lợ, còn mày thì cứ làm thịnh tao rầu hết sức.

Má tôi ngừng một chút, có lẽ để lấy một quyết định:

- Tao xuống kỳ này, cốt ý là để nói hết cho mày nghe. Tao già rồi, mai mốt cũng theo ông theo bà. Mày đừng lo cho tao. Lo cho bầy con mày kìa. Chớ đừng vì tao mà bắt mấy đứa nhỏ phải hy sinh tương lai của tụi nó. Mày liệu mà đi, đi! Kiếm đường mà kéo bầy con mày đi, đi! ở đây riết rồi chết cả chùm. Không chết trận trên Miền thì cũng chết khủng chết đói. Thà tụi bây đi để tao còn thấy chút đỉnh gì hy vọng mà sống thêm vài năm nữa. Mày hiểu hôn?

Nghe má tôi nói, tôi rớt nước mắt. Chuyện mà bao lâu nay tôi không dám nói với má tôi thì bây giờ chính má tôi lại mở ngõ khai nguồn. Và tôi thật xúc động với hình ảnh bà mẹ già phải đẩy đứa con duy nhứt đi vượt biên để vui mà sống với ít nhiều hy vọng! Thật là ngược đời: có người mẹ nào lại muốn xa con? Chỉ có ở chế độ xã hội chủ nghĩa mới xảy ra những chuyện "đổi đời" như vậy!

Tôi nắm bàn tay không cầm quạt của má tôi, lắc nhẹ:

- Má à! Lâu nay con giấu má. Bây giờ má nói, con mới nói. Sáng sớm mai này, con và hai đứa lớn sẽ xuống Cần Thơ để vượt biên.

Tôi nghe tiếng cây quạt mo rơi xuống gạch. Rồi yên lặng. Một lúc lâu sau, má tôi mới nói:

- Vậy hà ...

Tôi nghe có cái gì nghẹn ngang trong cổ. Tôi nuốt xuống mấy lần, rồi cố gắng nói:

- Con đi không biết sống hay chết. Con gửi má vợ con và ba đứa nhỏ, có bề gì xin má thương tụi nó ...

Nói tới đó, tôi nghẹn ngào rồi òa lên khóc ngất. Tôi nghe có tiếng quạt phe phẩy lại, nhanh nhanh, và bàn tay má tôi vuốt tóc tôi liên tục giống như hồi nhỏ má tôi dỗ về tôi để tôi nín khóc.

Một lúc sau, má tôi nói:

- Thôi ngủ đi, để mai còn dậy sớm.

Rồi bước ra đóng nhẹ cửa lại. Sau đó, có tiếng chẹt diêm quẹt rồi một ánh sáng vàng vọt rung rinh lòn vào khuôn cửa, tôi biết má tôi vừa thắp đèn cầy trên bàn thờ. Tiếp theo là mùi khói nhang, chắc bà nội mấy đứa nhỏ đang cầu nguyện ngoài đó.

Tôi thở dài, quay mặt vào vách, nhắm mắt mà nghe chơi vơi, giống như đang nằm trong một cơn mộng ...

Năm giờ sáng hôm sau, má tôi kêu tôi dậy đi. Hai con tôi đã sẵn sàng, mỗi đứa một túi nhỏ quần áo. Chúng nó không có vẻ gì ngạc nhiên hay xúc động hết. Có lẽ mẹ tụi nó đã gọi dậy từ ba bốn giờ sáng để giăng giã và chuẩn bị tinh thần. Riêng tôi, thật là trầm tĩnh. Nước mắt đêm qua đã giúp tôi lấy lại quân bình. Thật là mâu nhiệm!

Tôi vào buồng hôn nhẹ mấy đứa nhỏ đang ngủ say, xong ôm vợ tôi, ôm má tôi. Hai người thật là can đảm, không mảy may bị rịn.

Tôi chỉ nói có mấy tiếng:

- Con đi nghe má !

Rồi bước ra khỏi cổng.

* * *

Lần đó, tôi đi thoát.

Rồi phải ba bốn năm sau, tôi mới chạy chọt được cho vợ con tôi rời Việt Nam sang sum họp với tôi ở Pháp. Má tôi ở lại một mình.

Mấy ngày đầu gặp lại nhau, vợ con tôi kể chuyện "bên nhà" cho tôi nghe, hết chuyện này bắt qua chuyện nọ. Bà Nội được nhắc tới nhiều nhứt và những chuyện về bà nội được kể đi kể lại thường nhứt.

Tụi nó kể:

"Ba đi rồi, mấy bữa sau cơ quan chỗ ba làm việc cho người đến kiểm. Tụi con trốn trong buồng, để một mình nội ra. Nội nói rằng nội nhờ ba về Tây Ninh rước ông Tư xuống bởi vì trên đó đang bị Cao Miên pháo kích tơi bời, tới nay sao không thấy tin tức gì hết, không biết ba còn sống hay chết nữa. Nói rồi, nội khóc thật mùi-mẫn làm mấy cán bộ trong cơ quan tin thiệt, họ an ủi nội mấy câu rồi từ đó không thấy trở lại nữa".

Rồi tụi nó kết câu chuyện với giọng đầy thán phục :

"Nội hay thiệt !"

Nghe kể chuyện, tôi bồi hồi xúc động. Tôi biết lúc đó má tôi khóc thiệt chớ không phải giả khóc như các con tôi nghĩ. Bởi vì, trong hai trường hợp dù sự việc xảy ra có khác nhau, nhưng hoàn cảnh sau đó vẫn giống nhau y hệt. "Ba con Ti đi không biết sống hay chết" vẫn là câu hỏi lớn đè nặng tâm tư của má tôi. Bề ngoài má tôi làm ra vẻ bình tĩnh để an lòng con dâu và cháu nội, nhưng là một cái vỏ mỏng manh mà trong khi kể chuyện cho các cán bộ, nó đã có dịp bể tung ra cho ưu tư dâng đầy nước mắt ...

"Rồi sau đó -tụi con tôi kể tiếp- nội ở lại nhà mình để chờ tin tức và cũng để ra tiếp chuyện hàng xóm và chánh quyền địa phương, chớ má thì ngày nào cũng đi chùa, còn tụi con nội sợ nói hé ra là mang họa cả đám. Lâu lâu, nội về Gò Dầu bán đồ rồi mua thịt thà đem xuống tiếp tế cho tụi con. Thấy nội già mà lên lên xuống xuống xe cộ cực nhọc quá, tụi con có can ngăn nhưng nội nói nội còn mạnh lắm, nội còn sống tới ngày con Ti lấy chồng nội mới chịu theo ông theo bà!".

Tôi biết: má tôi là cây cau già - quá già, quá cỗi - nhưng vẫn cố bám lấy đất chỉ vì trên thân cây còn mấy dây trầu ... Hình ảnh đó bỗng làm tôi ứa nước mắt. Thương má tôi và nhớ cả quê hương. Cái quê hương tuyệt đẹp của tôi mà Việt Cộng đã cướp mất. Cái quê hương mà trên đó tôi không còn quyền sống như ý mình muốn, phát biểu những gì mình nghĩ, ca tụng những gì mình thích. Nơi đó, ở quê hương tôi, tôi còn bà mẹ già, bà mẹ tám mươi đã cắt ruột đuối con đi, bỏ quê hương mà đi, để bà còn chút gì hy vọng sống thêm vài ba năm nữa! Bây giờ, vợ con tôi cũng đã đi hết. Má tôi còn lại một mình. Thân cây cau giờ đã nhổ dây trầu, thêm tuổi đời một nắng hai mưa. Tôi biết! Má ơi! Con biết: cây cau già bây giờ đang nhớ thất thểu mấy dây trầu non

...

Theo lời các con tôi kể lại, hôm tiếp được điện tín của bạn tôi ở Pháp đánh về báo tin tôi và hai

đứa lớn đã tới Mã Lai bình yên, cả nhà tung bừng như hội. Tụi nó nói: "Nội vội vàng vào mặc áo rồi quì trước bàn thờ Phật gõ chuông liên hồi. Đã giấu không cho ai biết mà nội gõ chuông giống như báo tin vui cho hàng xóm!"

"Mấy hôm sau, bỗng có công-an phường lại nhà. Công an đến nhà là lúc nào cũng có chuyện gì đó cho nên nội có hơi lo. Thấy dạng tên công an ngoài ngõ, trong này nội niệm Phật để tụi trấn an. Sau đó, nội cũng kể chuyện ba về Tây Ninh rồi nội kết rằng ba đã chết ở trên đó. Rồi nội khóc ..."

Mấy con tôi đâu biết rằng đối với má tôi, dù tôi còn sống, sống mà vĩnh viễn không bao giờ thấy lại nhau nữa thì cũng giống như là tôi đã chết.

"Sau đó nội than không biết rồi sẽ ở với ai, rồi ai sẽ nuôi nội, bởi vì má buồn rầu đã bỏ nhà đi mất. Nghe vậy, tên công an vội vàng an ủi:

- Bà cụ đừng có lo! Rồi chúng cháu sẽ đem bà cụ về ở với chúng cháu. Cứ yên chí!". Sau khi tên công an ra về, nội vào buồng kể lại chuyện đó cho tụi con nghe, rồi nói: "Nội nghe thằng công an đòi đưa nội về nuôi mà nội muốn xỉu luôn! Không phải vì cảm động mà vì sợ! ở với tụi nó, thà chết sướng hơn!"

Vợ con tôi được đi chánh thức nên hôm ra đi bạn bè thân quyến đến chia tay đầy nhà. Lúc mẹ con nó quì xuống lạy má tôi để giả biệt -hay đúng ra để vĩnh biệt- tất cả mọi người đều khóc. Đó là lần cuối cùng mà má tôi khóc với bầy cháu nội. Và tôi nghĩ rằng má tôi khóc mà không cần tìm hiểu tại sao mình khóc, chỉ thấy cần khóc cho nó hả, chỉ thấy càng khóc thân thể gầy còm càng nhẹ đi, làm như thịt da tan ra thành nước mắt, thứ nước thật nhiệm màu mà Trời ban cho con người để nói lên tiếng nói đầy tâm lặng.

Bầy bạn học của các con tôi đứng thành hai hàng dài, chuyền nước mắt cho nhau để tiễn đưa tụi nó ra xe ngoài ngõ. Tôi hình dung thấy những cặp mắt thơ ngây mọng đỏ nhìn các con tôi đi mà nửa hồn tê-dại, không biết thương cho bạn mình đi hay thương cho thân phận mình, người ở lại với đầy chua xót ...

Mấy con tôi nói:

"Nội không theo ra phi trường. Nội ở nhà để gõ chuông cầu nguyện".

* * *

Tôi làm việc ở Côte d'Ivoire (Phi Châu), cách xa vợ con bằng một lục địa, và cách xa mẹ tôi bằng nửa quả địa cầu. Những lúc buồn trống vắng, tôi hay ra một bãi hoang gần sở làm để ngồi nhìn biển cả. Mặt nước vượt ve chân cát, tiếng sóng nhẹ nghe như thì thào ... những thứ đó làm như chỉ dành cho riêng tôi. Tự nhiên tôi cảm thấy như được dỗ về an ủi. Những lúc đó, sao tôi nhớ má tôi vô cùng. Trên đời này má tôi là người duy nhất an ủi tôi từ thuở tôi còn ấu thơ cho đến khi trên đầu tôi đã hai thứ tóc. Ngay đến đêm cuối cùng trên quê hương, cũng chính trong vòng tay khẳng khiu của má tôi mà tôi khóc, khi gọi vợ gọi con ... Lúc nào tôi cũng tìm thấy ở má tôi một tình thương thật rộng rãi bao la, thật vô cùng sâu đậm, giống như đại dương mà tôi đang nhìn trước mặt.

Bây giờ tôi hiểu tại sao tôi hay ra ngồi đây để nhìn biển cả ...

Thằng chó đẻ của má

Má ơi ! Bữa nay là ngày 23 tháng chạp, ngày đưa ông Táo . Không biết những người Việt lưu vong như tụi con có còn giữ phong tục hằng năm cúng đưa ông Táo về Trời hay không, chớ vợ của con năm nào đến ngày này cũng mua hoa quả bánh ngọt cúng đưa ông Táo, cũng thành khẩn như ngày xưa, hồi còn ở bên nhà.

Năm nay, nhờ vợ của con lau dọn bàn thờ ông Táo để sửa soạn bày lễ vật ra cúng, nên con mới nhớ ra là ngày 23 tháng chạp. Ngày này cũng là ngày sanh của má. Hồi đó, má hay nói: « Ngày

sanh của đứa nào còn khó nhớ, chớ ngày sanh của tao là ngày ông Táo về Trời, không dễ gì quên ! ». Và ngày này hồi đó, khi cúng vái, má hay cầu khẩn : « Ông về ở trên nhờ tâu lại bữa nay tôi lên thêm một tuổi, cầu xin Ngọc Hoàng bớt cho tôi chút đỉnh khổ cực ... ». Hồi đó, nghe má cầu xin, con phì cười. Bây giờ, nhớ lại, con bỗng ứa nước mắt...Cuộc đời của má - theo lời tí tía kể - cũng lắm gian truân từ ngày má bỏ cái làng quê ở bờ sông Vàm Cỏ để đi theo tí tía dần thân làm cách mạng vào những năm 1928/29. Gia đình giòng họ từ bỏ má cho nên hồi sanh con, tí tía bận đi xa, má nằm chèo queo một mình trong nhà bảo sanh, chẳng có người nào đi thăm hết. Vậy mà sau đó, má vẫn tiếp tục bôn ba ...Mãi về sau, khi con lên sáu bảy tuổi, có lẽ chỉ vì sanh có một mình con nên tí tía má mới « trụ hình » - vẫn theo lời tí tía kể - với nhiều cực nhọc và khó khăn tiếp nối dài dài...Hỏi sao sau này mỗi lần đưa ông Táo má không có lời cầu khẩn nghe tội nghiệp như vậy ?

Nhớ lại, cách đây ba năm má thọ tròn trăm tuổi. Tính ra, từ ngày con đi chui theo ý má muốn - má nói : « Mày đem vợ con mày đi đi, để tao còn hy vọng mà sống thêm vài năm nữa » ! – cho đến năm đó, con xa má 25 năm. Con mới 72 tuổi mà cứ bệnh lên bệnh xuống nhưng năm đó con quyết định phải về. Và con đã về ...

Thằng Bảy, con chị Hai Đầy ở Thị Nghè nghĩ chạy xe ôm một bữa để đưa con về cái làng quê nằm bên sông Vàm Cỏ. Nó nói : « Đi xe đò chi cho tốn tiền, để con đưa cậu Hai về, sẵn dịp con thăm bà Tám luôn ».

Hồi tụi con bước vào nhà, cả xóm chạy theo mừng. Con nhỏ giúp việc vội vã đỡ má lên rồi tấn gối để má ngồi dựa vào đầu giường : « Thừa bà cố, có khách ». Má nhưén mắt nhìn, hai mắt sâu hóm nằm trên gương mặt gầy nhom đầy vết nám thâm thâm : « Đứa nào đó vậy ? ». Con nghẹn ngào : « Dạ, con... ». Chỉ có hai tiếng « Dạ, con » mà má đã nhận ra con ngay mặc dầu đã xa con từ 25 năm ! Má nói : « Mồ tổ cha mày ! Trời sông lạc chợ ở đâu mà bây giờ mới đi ? Mà đi sao không cho tao hay ? » Con ngồi xuống cạnh má : “ Sợ cho hay rồi má trông ” Má nói mà gương mặt của má nhăn nhúm lại : “ Tao trông từ hai mươi mấy năm nay chớ phải đợi đâu tới bây giờ ! ” Rồi má nhắm mắt một vài giây mới để lẫn ra được hai giọt nước mắt. Cái tuổi một trăm của má chỉ còn đủ hai giọt nước mắt để cho má khóc mừng gặp lại thằng con ... Xúc động quá con gục đầu vào vai má khóc ngất, khóc lớn tiếng, khóc mà không cần biết cần nghe gì hết. Cái tuổi bảy mươi hai của con còn đầy nước mắt để thấm ướt cái khăn rằn má vắt trên vai...

Suốt ngày hôm đó, má con mình nói biết bao nhiêu chuyện, có sự tham dự của họ hàng chòm xóm. Nhớ gì nói nấy, đặng đâu nói đó ...vui như hội. Vậy mà cuối ngày, không thấy má mệt một chút nào hết. Con nhỏ giúp việc ngạc nhiên : “Bình thường, bà cố nói chuyện lâu một chút là thở ồ ồ. Bữa nay sao thấy nói hoài không ngừng ! Có ông Hai đi chắc bà cố sống thêm năm bảy năm nữa à ông Hai !”

Đêm đó, má “đuối” con vô mừng sớm sợ muỗi cắn. Con nằm trên bộ ván cạnh cái hòm dưỡng sinh của má. Con hỏi : “Bộ cái hòm hồi đó má sắm tới bây giờ đó hả ?” Má cười khịt khịt vài tiếng rồi mới nói : “Đâu có. Cái hòm này nói, tao cho cậu Tư rồi. Hồi Cao Miên pháo kích quá, tao đem cậu Tư về đây ở, rồi ông bệnh ông chết. Tao có sắm cái hòm khác, cái đó tao cho thằng Hai con cậu Tư. Tội nghiệp thằng làm ăn suy sụp nên rầu riết rồi chết !” Con nói chen vô : “ Vậy, cái này má sắm sau đám của anh Hai ” Má lại cười khịt : “Đâu có. Cái hòm sắm sau cái hòm cho thằng Hai, tao cho đi Sáu rồi. Hồi chỉ năm xuống, nhà chỉ không có tiền mua hòm thì lấy gì làm đám ma ? ”Ngừng lại một chút rồi má mới nói : “ Còn cái hòm này chắc tao không cho ai nữa. Họ hàng quyến thuộc lần hồi chết hết, còn lại có mình tao thôi, có nó nằm gần tao cũng yên bụng !”

Nằm lơ mơ một lúc bỗng nghe má hỏi : “ Thằng chó đẻ ... ngủ chưa ? ” Con trả lời : “ Dạ chưa ” Má tăng hăng : “ Tao tụng kinh một chút nghe ” Con : “ Dạ ” mà nghe tiếng “ Dạ ” nghẹn ngang trong

cổ. Mấy tiếng “Thằng chó đẻ” của má kêu con đã làm cho con thật xúc động. Hồi đó – lâu lắm, cách đây sáu mươi mấy bảy chục năm, hồi con còn nhỏ lặn – má hay gọi: “Thằng chó đẻ, lại hun cái coi!”. Hồi đó, mỗi lần cưng con, nựng con, ôm con vào lòng má luôn luôn gọi con bằng “thằng chó đẻ” ! Mà con thì chỉ biết sung sướng khi nghe má gọi như vậy. Rồi con lớn dần, má không còn gọi con bằng “thằng chó đẻ” nữa. Con không để ý và chắc má cũng không để ý đến chuyện đó. Mãi đến bây giờ má lại gọi con bằng “thằng chó đẻ”, gọi tự nhiên như hồi còn nhỏ. Chỉ có mấy tiếng thật thô thiển bình dị, nghe khỗ khan như vậy mà sao con cảm nhận tình thương thật là tràn đầy. Và đối với má, dầu tuổi đời của con có cao bao nhiêu nữa, con vẫn là “thằng nhỏ”, “thằng chó đẻ cưng”. Con bắt gặp lại sự sung sướng của hồi đó khi được má gọi như vậy. Rồi bao nhiêu hình ảnh thuở ấu thời hiện về trong đầu con, liên miên chớp tắt. Đêm đó, con trần trọc tới khuya...

Sáng hôm sau, má biểu con đẩy xe lăn đưa má đến từng bàn thờ để má thắp nhang tạ ơn Trời Phật, Ông Bà. Cuối cùng, đến bàn thờ của tía, má nói: “Ông ơi, Có thằng nhỏ nó đi đi đó. Ông độ cho nó được mạnh giỏi, độ cho vợ con nó ở bên tây được sướng sẽ trong công việc làm ăn...” Đứng sau lưng má, con phải cắn môi thật mạnh để khỏi bật lên thành tiếng nức !

Đẩy má ngang bàn viết cũ của tía, con thấy trên tường có treo hai khuôn kiếng lọng văn bằng đồ chói có đóng dấu cũng đồ chói của Nhà Nước. Con ngừng lại đọc: một tấm là huân chương hạng nhứt và một tấm là huy chương hạng ba cấp cho Lê thị Ráng. Con hỏi: “ Cái gì vậy, má ?” Má nói: “ Mề-đai của tụi nó cho tao. Tụi nó bươi chuyện thời ông Nhạc nào đâu hồi mấy năm 1928-29 rồi chạy lại cho. Cái hạng nhứt đó cho năm ngoái, còn cái hạng ba mới cho đây” Con cười: “ Vậy là họ hạ cấp má rồi” Má hỏi: “Sao mày nói vậy ?” Con giải nghĩa: “Thì từ hạng nhứt tuột xuống hạng ba là bị hạ cấp chứ gì nữa ?” Má cười: “Mày không biết. Cái đầu hạng nhứt đó, cho treo chơi chứ không có tiền. Cái hạng ba đó mới có cho tiền” Con đùa: “Vậy má chia cho con chút đỉnh lấy hên coi !” Má khoát tay: “Ồi ...từ ngày nhận cái mề-đai đó tới nay đã ba tháng rồi mà có thấy tụi nó đưa tiền đâu. Nghe nói còn mấy khâu gì gì đó chưa thông nên có hơi trễ !” Thấy trên văn bằng đề “Lê Thị Ráng” con thắc mắc: “Ừa ! Mà Lê Thị Ráng đâu phải là tên của má. Trong khai sanh của con, má là Lê Thị Láng mà !” Má cười khục khục mấy tiếng rồi mới nói: “Để tao nói cho mày nghe. Hồi đó tao sanh mày ở gần nhà thờ Cha Tam, trong Chợ Lớn. Cô mụ người tàu, nói tiếng Việt còn lơ lớ. Cổ hỏi tao tên gì để làm khai sanh. Tao nói tao tên Ráng, mà R cổ nói không được, nên ra sờ khai sanh, cổ nói Ráng thành Láng là như vậy” Mãi tới bảy mươi hai tuổi con mới biết tên đúng của má là “Ráng” !

Hôm đưa ông Táo, con có tổ chức một bữa tiệc để ăn mừng một trăm tuổi của má, có họ hàng tham dự đầy nhà. Vừa ngồi vào bàn, di Bảy Giang nói: “Theo phong tục mình, con cái phải qui lạy để chúc thọ mẹ cha. Bây giờ, chị Tám được một trăm tuổi, hiếm lắm, quý lắm. Mày phải lạy má mày đi rồi ăn uống gì ăn” Mọi người vỗ tay tán thành. Má cũng cười, nói: “Ồ phải ! Hồi năm, đám cưới của mày, mày có đi học lạy với cậu Bảy Dinh, nhưng bên đảng gái miễn lễ chỉ bắt xá thôi, rồi về đây tía mày cũng miễn luôn. Cho nên tao chưa thấy mày lạy ra sao hết. Đâu ? Mày lạy tao coi !” Mọi người lại vỗ tay nữa. Con đứng trước mặt má, chắp tay ấp úng: “Thưa má. Hôm nay là ngày sanh thứ một trăm của má, con xin lạy mừng thọ má” Rồi con lạy ba lạy, cũng đủ điệu bộ lên gối xuống gối như con đã học lạy cách đây gần năm chục năm. Con lạy mà nước mắt chảy quanh. Con biết rằng lần lạy đầu tiên này có thể là lần lạy cuối cùng, bởi vì qua Tết, con sẽ trở về Pháp với cái lạnh cắt da của mùa đông, rồi sau đó biết có còn về nữa hay không ? Sức khỏe của con càng ngày càng kém, bao nhiêu thứ thuốc uống vô hằng bữa liệu kéo dài sự sống của con được đến bao lâu ? Điều này, con đâu dám cho má biết. Mọi người lại vỗ tay khi con lạy xong. Rồi thì nhập tiệc. Bữa tiệc hôm đó thật là vui. Người vui nhứt là má.

Má ơi ! Bữa nay là ngày sanh thứ 103 của má, ngày đưa ông Táo về Trời. Vậy là ba năm qua rồi, con đã không về thăm má. « Thằng chó đẻ » của má vẫn còn « trôi sông lạc chợ », để cho má cứ

phải trông nó về, trông hằng ngày, trông mòn con mắt, trông khô nước mắt !

Má thương con , xin má tha thứ cho con... tha thứ cho con

Con rạch nhỏ quê mình

Truyện này tôi viết theo lời yêu cầu của người kể. Ông đó nói : "Nhờ ông viết lại dùm. Biết đâu chừng thằng Cương sẽ đọc. Để nhắc nó đừng quên con rạch Cồn Cỏ, đừng quên thằng Đực Nhỏ, thằng Lân, con Huê ".

Mày còn nhớ không ? Hồi tụi mình còn nhỏ, thời tiểu học, có ngày nào mà tụi mình không đùng xuống con rạch trước nhà để tắm. Mày còn nhớ con rạch đó không? Nó có cái tên cục mịch và quê mùa : rạch " Cồn Cỏ ". Người ta gọi như vậy bởi vì ở phía sông cái có một cái cồn khá lớn - gần như là một cái cù lao - làm tách con rạch ra làm hai nhánh. Có lẽ hồi xưa, trên cồn chỉ có cỏ nên họ gọi là " Cồn Cỏ ", chớ hồi thời tụi mình, trên đó thấy đầy cây cối mà một số là cây ổi " chim ăn " và cây xoài hột. Mày bỏ xứ ra đi lâu quá, không biết còn nhớ " ổi chim ăn " và xoài hột không ? " Ổi chim ăn " là loại ổi nhỏ bằng trứng chim cút, bên trong toàn hột là hột nên không có ai trồng. Chim hay mổ ăn mấy trái chín, còn tha đi chỗ này chỗ nọ. Hột ổi rớt mọc lên cây, nhà vườn chặt bỏ để lấy đất trồng thứ khác. Còn " xoài hột " thì như tên của nó nói : trái nhỏ bằng nắm tay con nít, bên trong chỉ có cái hột lớn với chút xíu cơm ! Người ta cũng gọi là " xoài mút " bởi vì muốn ăn loại xoài đó phải lựa trái chín muồi, lột vỏ rồi mút cái hột với lớp cơm mỏng đánh dính chung quanh. Người lớn không ai thèm ăn bởi vì ăn không đã miệng mà mút xong một trái là hai bàn tay dơ đầy ! Chỉ có con nít là khoái ! Cho nên vào mùa xoài - cũng là mùa mưa - khi thấy trời nổi gió, trẻ con thường lội qua cồn để lượm xoài, được trái nào là đứng ngay dưới cây xoài mút lia mút lịa. Tao nhớ có lần mày với tao cời quần đội lên đầu rồi lội qua cồn cỏ lượm xoài. Mày nhớ không ? Mình phải đội quần để quần xà lỏn đừng bị ướt bởi vì tụi mình " lội chó " đầu lòi ra khỏi nước. Mới nút được có mấy trái thì trời mưa ụp xuống làm hai đứa ướt ngoi. Lần đó về nhà tao bị bắt quì gối gần nửa tiếng. Tao tưởng mày là cháu đích tôn của ông Cả, được cưng nhưt nhà không ai dám rờ. Té ra hôm sau đi học, mày kể lại mày cũng bị ông nội mày bắt quì cũng như tao ! Mày coi ! Cái xã hội của mình hồi đó nó tốt như vậy. Quan quyền hay dân dã gì cũng dạy con dạy cháu na ná như nhau hết.

Trở lại với con rạch của tụi mình. Con rạch cong cong quanh quanh chạy tuốt vô xóm chợ, chui qua cây cầu đúc của con lộ cái rồi đi mất hút ra ruộng và rừng tràm. Hai bên bờ rạch là hai con đường đất dùng cho người đi bộ và xe đạp. Nhà cửa cất dài theo hai con đường đất. Mỗi nhà nằm trong một khu vườn đầy cây ăn trái và hoa kiểng. Hai bờ, lâu lâu, được nối với nhau bằng một cây cầu khỉ. Mỗi cây cầu khỉ đều có một cái tên : cầu cây gừa (vì nó nằm cạnh cây gừa), cầu cây trôm (cạnh cây trôm), cầu bà Sáu Lộc (nằm trước nhà bà Sáu Lộc, chớ không phải bà dựng cây cầu đó !), cầu ván (làm bằng hai tấm ván thay vì hai cây tre) v.v...? Tía tao nói về sau, ông nội mày bỏ tiền ra xây một cây cầu đúc, giúp cho dân chúng đi lại dễ dàng. Mày nhớ cái cầu đúc nằm ở xóm chợ không ? Đó, cái cầu đó, đó ! Người ta gọi là " cầu ông Cả ". Không biết mày có biết rằng ông nội mày hồi đó được dân chúng thương lắm không ? Tía tao nói rằng ông thôi làm " Cả " từ thời Tây lặn, nhưng dân trong vùng vẫn gọi ông là " ông Cả ". Hồi trào Việt Minh, ông nội của mày là người chức sắc cũ duy nhất không bị cho đi " mò tôm ". Để thấy ông ăn ở có nhơn biết chừng nào.

Nói đến cầu khỉ, tao nhớ hoài chuyện bà Năm Chiện té rạch. Bả té đâu hồi tụi mình chưa sanh. Lớn lên nghe kể lại mà bắt tức cười. Mà biết không ? Hồi xưa, rạch Cồn Cỏ chỉ có loại cầu khỉ " một cây tre ", trơn trượt khó đi (Về sau, dân chúng cặp thêm một cây tre như tụi mình đã thấy) Một hôm bà Năm Chiện đi tới giữa cầu, hụt chân té xuống rạch. Người ta nghe tiếng bà Năm la chói lói : " Bớ làng xóm ! Bớ làng xóm !" Rồi giọng bả bỗng thấp xuống : " Ủa mà cạn !" Thì ra bả không biết lội, hồi té là la làng kêu cứu, chừng coi lại thấy nước mới tới lưng quần, bả té nhằm nước ròng. Bà con lối xóm nghe la, chạy ra thì thấy bà Năm Chiện lóp ngóp bò lên bờ rạch, miệng cười lớn lên mắc cỡ ! Chuyện này về sau khi tao đi làm việc ở Sài Gòn, tao có nghe kể nhiều lần. Họ kể " có bà đó " chứ không nói là bà Năm Chiện, và họ kể như là chuyện tiếu lâm đặt ra để cười chơi. Đâu có ai biết là chuyện tiếu lâm đó xuất xứ từ con rạch Cồn Cỏ của quê mình ! Ở làng Nhơn Hoà Cồn Cỏ, trẻ con chia ra thành bọn để đi chơi với nhau. Bọn mình có ba đứa : thằng Đực Nhỏ, mày, tao. Mày còn nhớ thằng Đực Nhỏ không ? Cái thằng học dở ẹc, tánh tình thì ngổ ngáo, học chung với tụi mình nhưng lớn hơn tụi mình tới ba tuổi. Vậy mà chơi với bạn, nó tốt vô cùng. Có cái gì ăn nó cũng chia và nó hay bày đặt trò chơi này trò chơi nọ. Nó lúc nào cũng ra vẻ đàn anh bảo vệ mày với tao. Nó nói với bọn trẻ khác : " Thằng Cương, thằng Lân là bạn của tao, đứa nào đụng vô là biết !". Mày có biết nó nói với tao làm sao không ? Nó nói : " Thằng Cương hiền khô nhất hít . Nó là cháu ông Cả chứ tụi xóm Chợ đâu có coi ra gì. Tụi nó không nề nang ai hết, bắt nạt được là tụi nó bắt nạt. Tao phải dẫn mặt tụi nó trước như vậy ". Rồi nó nhìn tao : " Còn mày thì tao khỏi lo ". Nó biết rằng tao cũng không vừa gì !

Không biết mày còn nhớ vụ bọn mình đi ăn cắp tôm không ? Bọn mình ở xóm Cồn, gần sông cái, nên biết mặt gần hết mấy ông thợ câu. Một bữa nọ thằng Đực Nhỏ hỏi : " Tụi bây muốn ăn tôm nướng không ? ". Tụi mình hỏi lại : " Tôm ở đâu mà nướng ? Mày câu hả ? ". Nó nói : " Muốn ăn thì đi theo tao ". Nó dẫn tụi mình ra ngoài vàm, chỉ tay ra đó : " Tôm cả đồng ở ngoài ". Tụi mình nói nó xí gạt nên vừa " xì " một tiếng vừa quay trở về định về. Nó níu lại : " Thiệt mà ! Ông Hai Sầm câu tôm ông rộng tôm ngoài đó đó ". Rồi nó giải nghĩa : " Tao thấy ông đi câu về là ông thả cái rọ tôm có treo cục đá xuống sông. Cái rọ có sợi dây dính vô khúc củi nổi trên mặt nước để làm dấu. Tụi bây dòm coi ". Nước đang ròng. Cách bờ độ ba thước có khúc củi nhỏ lác lác như muốn trôi mà bị cái gì rì lại phía dưới. Mày nói : " Tôm của người ta, ăn cắp chúng bắt chết ". Nó cười : " Mình lặn xuống xin mỗi đứa một con ăn chơi. Ăn nhằm gì ? Chừng nào rình hết cái rọ của ông mới là ăn cắp chứ !". Ba đứa dợm bước xuống sông để lội ra đó thì tao khựng lại : " Không được ! Phải có một thằng đứng canh. Rủi có người thấy tưởng tụi mình ăn cắp cái rọ thì khổ ". Vậy là mày được chỉ định đứng canh trên bờ. Tao lại nghĩ lại : " Không được ! Nước ròng chảy mạnh, ba con tôm, tay nào cầm tay nào lội ? ". Thằng Đực Nhỏ " Ờ " rồi ngồi bẹp xuống như cái bong bóng xì. Bỗng nó đứng phắt lên chỉ vào cái quần dài bằng vải đen nó đang mặc : " Tao cột túm ống quần lại, mình bỏ tôm vô quần rồi lội vô !". Rồi nó vừa cười ha hả vừa chạy lại mấy cây chuối hoang gần đó tét mấy sợi dây thân chuối cột ống quần. Mày nói : " Mẹ ! Coi chừng còng tôm nó kẹp cho thấy bà !". Đực Nhỏ vừa nói vừa ra dấu : " Mình bẻ còng nó !". Tao chen vô : " Ờ? mà còn cái răng cưa trên đầu nó nữa ". Nó dứt khoát : " Thì cũng bẻ luôn !". Vậy là hai đứa tao ùng xuống sông, lội ra khúc củi, mò theo sợi dây lặn xuống. Như đã giao hẹn hồi lội ra, tao lãnh phần bắt tôm, nó lãnh phần bẻ còng bẻ răng cưa rồi " nhót " vô quần. Đang làm tới con tôm thứ hai thì bỗng thằng Đực Nhỏ trôi lên mặt nước la làng chói lói. Tao hết hồn nắm đầu nó vừa lội vừa kéo vô bờ. Nó vùng vẫy như điên, hất tay tao ra rồi chìm xuống nước. Trên bờ, mày nhớ không, mày vừa nhảy đồng đồng, vừa la : " Chết cha ! Thằng Đực Nhỏ bị ma da rút rồi ! Chết cha !". Vô tới bờ, tao chưa biết phải làm sao thì thằng Đực Nhỏ trôi đầu lên, mặt mài nhăn nhó, vừa lội vô vừa rên : " Đau thấy mẹ ! Trời ơi ! Rát thấy mẹ !". Chừng nó đứng lên mới thấy cái quần nó tuột xuống hai ống chân, còn hai bên bắp vế của nó thì máu me tùm lum như bị đâm bị cắt. Nó nói như mếu : " Mẹ bà nó ! Mình quên con tôm còn có cái đót giấu ở dưới đuôi nữa ! Nó búng đuôi chém tao đau thấy ba bốn ông Trời ! Tao phải lặn xuống cởi quần cho nó phóng ra sông !". Thằng Đực Nhỏ vừa nói vừa khoát nước rửa máu chừng đó mới thấy cái đùm giữa của nó còn nguyên chỉ bị thương ở

đùi. Hú vía ! Thằng Đực Nhỏ sau này đi lính đánh giặc rồi chết trận ở Kontum. Nó chưa vợ chưa con, cũng may cho nó.

Trở về với con rạch của tụi mình. Trẻ con đi học về là nhảy ùm xuống tắm. Người lớn còn đợi nước lớn mới tắm chớ con nít thì nước lớn nước ròng gì cũng tắm được hết, bởi vì tắm lội là một trò chơi. Nhắc đến vụ tắm rạch, tao còn nhớ tới chuyện này. Chắc, tao nghĩ, mày cũng còn nhớ. Hôm đó, mày bận cái quần xà lỏn mới tinh của má mày vừa may cho. Mày sợ quần ướt nên cởi quần vắt lên cây gừa, ở trường nhào xuống lội. Hồi thời tuổi nhỏ, tụi mình tắm ở trường là thường. Tắm giỡn đã rồi leo lên bờ thì đứa nào đã ăn cắp cái quần mới. Mày méo máo khóc, tao phải qua nhà tao lấy cái quần cho mày mượn mà mặc đi về. Hôm sau đi học, mặt mày buồn xo. Mày trật đít ra cho tao coi hai lần roi đỏ ửng ! Vụ đi tắm mất quần đó, chắc mày còn nhớ mà ! Cho dù đã mấy chục năm, hai lần roi đó làm sao quên được ?

Vậy mà đã mấy chục năm ! Tụi mình xa lần con rạch Cồn Cỏ từ hồi lên tỉnh học trung học. Rồi xa luôn từ ngày mày đi Tây, còn với tao thì kể cũng gần như xa luôn từ ngày tao đi lính. Mày không biết chớ hồi tao đi lính, tao đánh giặc lì lấm. Bạn đồng đội nói tao là : " Thằng Lân ăn pháo, chỗ nào Việt Cộng bắn rất là có nó lặn tới ". Rồi tụi nó đặt cho tao cái hõn danh " Lân pháo ", hõn danh này tao mang tới ngày mất nước. Suốt cuộc đời nhà binh của tao, tao đánh giặc không biết bao nhiêu trận, có vào sanh ra tử, có thắng có thua?nhưng không hiểu sao tao chưa hề bị thương một lần ! Vậy mà hôm tao phải liệng súng đầu hàng vào cuối tháng tư 75, tao nghe đau điếng như vừa lãnh một viên đạn. Lần đó, tao không đánh giặc vậy mà tao lại bị thương, bị thương ở trong lòng. Vết thương đó, bây giờ, gần hai mươi năm sau, vẫn chưa chịu lành. Mày thấy không ? Kể lại cho mày nghe mà tao vẫn còn rơm rớm nước mắt.

Bên vợ tao có cơ sở làm ăn ở Marseille. Nhờ vậy, tao mới qua Pháp theo diện đoàn tụ gia đình bên vợ. Mày thấy không ? Cuối cùng rồi tao cũng được đi Tây như ai ! Trước khi đi, tao có về thăm Cồn Cỏ. Con rạch nhỏ bây giờ nó rộng huỵch, tại vì ghe thuyền bây giờ toàn chạy máy nên sóng đập lở bờ. Cầu khỉ được thay bằng cầu ván. Cầu Ông Cả gãy hết một chân lõi cốt sắt rỉ sét. Người ta nói hồi mới vô, mấy cha Việt Cộng thách đố nhau bắn chơi ! Cái cồn đã được một ông lớn nào đó chiếm ngụ. Ông xây bờ kè, xây tường rào kiên cố, phía sông có cầu tàu, nhà thủy tạ, bên trong là nhà lầu kiểu cộ theo điệu Tàu. Bây giờ mày có về mày nhìn không ra đâu ! Người cũ chết bết, đi bết. Người mới, phần đông là dân cách mạng tụi mình không quen, về cất nhà lầu dài theo rạch. Tao có đến thăm con Huê, cái con nhỏ má lúm đồng tiền học chung với tụi mình đến hết lớp nhứt, đó, rồi về sau nó bán vải ở chợ nhà lồng, có năm đó trong dịp Tết nó tặng mày một cái mu-soa thêu trước khi mày đi Tây, mày nhớ hôn ? Con nhỏ đó, đó ! Bây giờ nó vẫn bán vải, vẫn chưa có chồng, coi hơi già hơn tao một chút nhưng vẫn còn có duyên. Nó với tao nhắc không biết bao nhiêu chuyện cũ, để lâu lâu thờ dài. ?Khi con Huê tiễn tao ra đến cổng, nó đứng ngật ngưỡng một chút rồi bỗng nói một mạch lè lẹ như tụi mình trả bài thuộc lòng thuở nhỏ : " Anh qua bên Tây, có gặp anh Cương nói em gửi lời thăm ảnh ". Nói rồi nó bỏ chạy vội vào trong, tao thấy nó đưa tay lên quẹt mắt mấy lần. Tao đứng chết trân, nhớ lại lời con Nhàn, em con Huê, nói với tao cách đó khá lâu hồi tao gặp nó bán vải ở chợ An Đông : " Anh Lân biết không ? Chị Huê thương anh Cương từ hồi còn học lớp nhứt lặn ! ". Nó vừa nói vừa cười, tao tưởng nó nói chơi, té ra nó nói thiệt. Tao kể lại chuyện con Huê cho mày nghe, tao biết mày không làm gì được, nhưng tao vẫn kể. Để cho mày thấy người con gái ở dưới quê mình nó thật thà trung hậu đến mức độ mà khi đã trót thương ai thì thương cho đến chết. Họ coi đó là sự tự nhiên. Cũng như, hể đã là con rạch thì tự nhiên phải có nước lớn nước ròng.

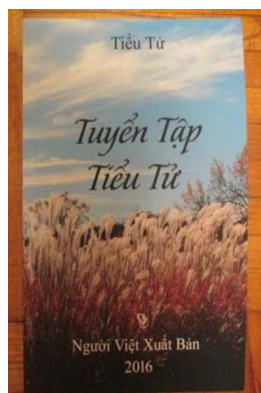
Hồi hôm, coi télé chương trình văn nghệ đài TF1, nghe hát bài " Dòng sông tuổi thơ ", tao bỗng nhớ tới con rạch nhỏ quê mình. Rồi tao nhớ mày Cương ơi ! Bây giờ mày ở đâu ?

Độc “Tuyển tập Tiểu Tử” Trần Văn Canh



Trần Văn Canh

Để tìm hiểu, nghiên cứu và phê bình một tác phẩm văn chương, một trong những phương pháp là dùng ba tiếp cận: xem tài khéo của tác giả sáng tác, xét chất lượng của tác phẩm hoàn thành và nhìn sự thỏa mãn và mến phục của những người đọc. Hôm nay, chúa nhật 05.06.2016, được mời phát biểu trong buổi ra mắt sách «Tuyển tập Tiểu Tử», tôi đã đọc sách này và xin góp vài ý mọn, dựa vào cái khung ba tiếp cận nêu trên. Về độc giả, chúng ta đã biết những ai đã đọc các sách đã phát hành của Tiểu Tử. Về tác giả, chúng ta cũng đã biết Tiểu Tử là ai. Về tác phẩm ra mắt hôm nay, chúng ta chưa biết nội dung sách «Tuyển Tập Tiểu Tử». Vì vậy, tôi đề nghị về độc giả và về tác giả, chúng ta sẽ vấn tắt nhắc lại, mà để dành nhiều thời giờ hơn tìm hiểu nội dung của cuốn sách được ra mắt hôm nay.



A. Những ai đã đọc Tiểu Tử ?

Đông đảo bà con người Việt ở khắp nơi, trong đó có nhiều người trẻ, biết đến nhà văn Tiểu Tử và tìm đọc sách của ông. Chẳng những họ đọc mà còn chuyền tay, biếu tặng nhau sách của ông. Hoặc hăng hái và quý mến hơn nữa, họ lập những trạm tin học để viết và nói về Tiểu Tử.

Cách đây ba năm, vào tháng 02 năm 2013, tôi hết sức ngạc nhiên, khi một anh bạn lái taxi trẻ đưa tặng tôi cuốn sách «Chị Tư Ú» và nói với tôi: «Cháu xin biếu bác tập sách này. Hay lắm. Bác về đọc xem có đúng vậy không» ?

Được mời tham dự buổi ra mắt sách của Tiểu Tử, tôi tìm đọc Tiểu Tử và rất ngỡ ngàng khi khám phá ra 24 mạng lưới tin học viết và nói về Tiểu Tử, trong đó, 14 mạng trình bày những tác phẩm viết của Tiểu Tử. Ai muốn đọc thì tha hồ lên đọc. Đó là: vnthuquan, quehuongta, vietnamdaily, daihocsuphamsaigon, taberd75, baovecovang2012, vietbao, vulep, ngoctrac, phusaonline, lamtamnhu tháng 2.2016, lamtamnhu tháng 4.2016, aejjrsite và khoaocnet. Số bài trình bày trên các mạng này biến thiên từ 1 đến 42 bài ; 4 mạng đọc truyện Tiểu Tử dưới dạng «Youtube» để ai thích, có thể nghe và 6 mạng trình bày những ý kiến phân tích hay phê bình về những tác phẩm

của Tiểu Tử.

Nhìn qua những người hay cơ quan, hội đoàn phổ biến về Tiểu Tử như vậy, rõ rệt ai cũng đã thấy rằng đã có rất nhiều người đọc những sách truyện ngắn của Tiểu Tử. Tương lai, chắc chắn sẽ còn có nhiều người hơn sẽ đọc Tiểu Tử. Trong giới trẻ mà tôi giao tiếp, trước đây 10 năm, tôi hay nghe họ nhắc đến nhà văn Hồ Trường An. Từ đám bảy năm nay, tôi hay nghe họ nhắc đến nhà văn Tiểu Tử hơn.

B. Tác phẩm «Tuyển tập Tiểu tử», ra mắt hôm nay ở Paris, viết gì?



«Tuyển tập Tiểu Tử» ra mắt hôm nay ở Paris là một tập sách được «Người Việt» xuất bản in tại Mỹ, năm 2016. Sách dày 200 trang, gồm 14 truyện ngắn: Bài ca vọng cổ, Chị Tư Ú, Con Mén, Làm thính, Made in Vietnam, Mùa Thu Cuộc Tình, Người viết mướn, Nội, Ông già ngồi bươi đồng rác, Tám vạc giường, Thăng đi mất biệt, Tô cháo huyết, Xíu, Thăng chó đẻ của má.

Để tìm hiểu kỹ hơn nội dung của Tuyển Tập Tiểu Tử, sau đây chúng ta sẽ phân tích cấu trúc truyện ngắn thứ nhất «Bài ca vọng cổ» để tìm hiểu cái văn phong độc đáo trong cấu trúc truyện ngắn của Tiểu Tử. Sau đó chúng ta sẽ phân tích tóm lược từng truyện của tất cả 14 truyện. Rồi tóm kết bằng một cái nhìn tổng hợp về cái nội dung chung của 14 truyện ngắn ấy.

B1- Phân tích cấu trúc truyện ngắn «Bài ca vọng cổ»

Tiểu tử là nhà văn có biệt tài viết truyện ngắn. Chúng ta thử cùng nhau phân tích truyện «Bài ca vọng cổ», để khám phá cấu trúc kể chuyện, mà tìm ra cái văn phong độc đáo mà Tiểu Tử đã dùng để chuyên chở nội dung ông muốn trình bày. Truyện ngắn này dài 10 trang, khổ A5, từ trang 7 đến 16, được bố cục một cách mạch lạc và rất giáo khoa, qua bốn phần.

Phần 1 nhập truyện (tr. 7-11): giới thiệu hai nhân vật, một người Việt nam lưu vong ở Côte d'Ivoire Phi châu, là «ông chủ» làm việc cho Công ty Đường Mía của Nhà Nước, trên đường về thủ đô Abidjan dự họp, gặp một «anh đen còn trẻ», hát vọng cổ Miền Nam tại phi trường quận Touba. Qua vài câu giới thiệu, mỗi người đều xưng mình là người Việt Nam. «Tôi là người Việt Nam» - "Trời ơi! ... Bác là người Việt Nam hả? Con cũng là người Việt Nam nè! Trời ơi! Con mừng quá! Trời ơi! Bác biết không? Bao nhiêu năm nay con thèm gặp người Việt để nói chuyện cho đã. Bây giờ gặp bác, thiệt... con mừng «hết lớn» bác à!"

Phần 2 khai truyện (tr. 11-14) chứng minh mình là «Người Việt Nam». «Anh đen còn trẻ» nêu ra 14 điều chứng minh anh ta là Việt Nam, Việt Nam lai đen qua ba giai đoạn. Những lý chứng khởi

dầu về cách sống, văn hóa Việt Nam: Cách mời thuốc bằng hai tay, cách chẹt quẹt máy Việt Nam, quẹt máy là quà tặng của ông ngoại cho khi còn sống, khoe được ông ngoại thương, Xác nhận mình lai Việt Nam. Những lý chứng khắc phụ về lịch sử, sinh lý và xã hội: sinh và lớn lên ở Sài Gòn, có má quê ở Nha Trang, đã chết ở Nha Trang khi Việt Cộng vô năm 1975, Nhờ có dân Tây, sau 1975 được hồi hương, đi quân dịch cho Pháp xong rồi, *Con có lai chớ. Bên nội (đen) của con là nằm ở bên ngoài (đen) đây nè! Còn bên ngoài của con (trắng), nó nằm ở bên trong. Ở đây, ở đây nè bác. Con lai Việt Nam chớ bác!* Những lý chứng quyết liệt: *Ở đây người ta nói con không giống ai hết, bởi vì con hành động, cư xử không giống họ. Bà nội con cũng nói như vậy nữa! Còn con thì mỗi lần con nhìn trong kiếng, con vẫn nhận ra con là người Việt Nam. Bác coi có khổ không*

Phần 3 kết truyện Tìm ra đồng thuận (tr. 14-15): Gặp một người giống mình, *thiệt là Trời còn thương con quá*, Cả hai (hắn và tôi) cùng một tâm trạng, *Nhớ Sài Gòn quá nên con hay ca vọng cổ, Con đang ca bài «Đường về quê ngoại» đó bác, Vọng cổ là cái chất của Miền Nam mà bác, Thôi, bác đi mạnh giỏi. Con tên là Jean. Ở đây ai cũng biết «Jean le vietnamien» hết. Bồng hẳn ôm chặt lấy tôi. Tôi nghe giọng hắn lạc đi: Ghé con nghe bác...ghé con.*

Phần 4 Vấn nạn giáo dục có tính cách tự kiểm (tr. 15-16): Bây giờ viết lại chuyện thằng Jean mà tôi tự hỏi:

«Trong vô số người Việt Nam lưu vong hôm nay, còn được bao nhiêu người khi nhìn trong gương, vẫn nhận ra mình là người Việt Nam» ?

«Và có được bao nhiêu người còn mang ménh trong lòng bài ca vọng cổ, để thấy hình ảnh quê hương vẫn còn nằm nguyên trong đó» ?

B2- Phân tích tóm lược từng truyện của 14 truyện trong «Tuyển Tập Tiểu Tử»

1. «Bài ca vọng cổ» (tr. 7-16): truyện tác giả gặp một «anh lai đen còn trẻ», ở Abidjan có biệt danh là «Gioan, người Việt Nam», «má Việt Nam chết ở Nha Trang, hồi Việt Cộng vô năm 1975». Anh ta «biết nói tiếng Việt Nam, và biết nhận mình là người Việt Nam», thềm gặp người Việt Nam để nói chuyện cho đã... Nhớ Sài Gòn quá nên hay ca vọng cổ cho đỡ buồn.

2. «Chị Tư Ủ» (tr. 19-41): truyện một thiếu phụ bán cá ở chợ, tính tình đôn hậu, chứng kiến cảnh «thằng cha Bắc kỳ công an ác ôn, dám gọi thằng con của chị, liệt sĩ (VNCH) ở Kontum là lính đánh thuê. Nó còn dám bắt giam, rồi giết anh Út Cón, bạn bỏ tù nhỏ của chị. Thấy rằng mình phải bảo vệ gia đình Út Cón, nửa đêm khuya, chị đã đến nhà tên công an «bỏ con dao phay vào ngay giữa đầu, nhanh gọn và chính xác như chị bỏ cái đầu cá». Thằng «Trời đánh» nằm một đống, không nhúc nhích.

3. «Con Mén» (tr. 43-67): truyện một cô gái quê, mà bà nội gọi là «con Mén», vì khi sinh ra, nhỏ xíu như con mèo. Việt Cộng tràn về chiếm hết Miền Nam. Mấy ngày cuối tháng tư 75 thật là kinh hoàng. Ba nó tả tơi, rồi bị công an đưa bộ đội đến bắt dẫn đi. «Má nó bị họ cho nghỉ việc. Sợ mấy đứa cháu ở lại sẽ bị cùi, bị ngu, bà chị má con Mén quyết định cho má con con Mén phải qua Phi Châu ở với bà. Con Mén kể hết chuyện đời nó cho tác giả và xin ông dạy nó học chữ quốc ngữ để viết thơ cho ba nó. Tác giả rất cảm động, và đã nhận lời dạy nó học chữ quốc ngữ.

4. «Làm thính» (tr. 69-84): Ngày 30 tháng tư đến, ai cũng muốn di tản. Nhưng ông Lê Tư không chịu đi, cậy công rất giàu có, từ bao lâu nay đã gửi tiền giúp cách mạng và đã được «họ» liên lạc cách đây hơn tháng xin ông ở lại giúp xây dựng đất nước... Nào ngờ, đánh xong Mỹ Ngụy, cách mạng quay sang đánh tư sản: Ông Lê Tư bị mời tới mời lui «làm việc», bị lấy hết tài sản: các văn phòng, kho lẫm, biệt thự, dụng cụ, chương mục ngân hàng,... Ông Lê Tư «làm thính». Bà Lê Tư chạy chọt, dứt lốt xin được xuất cảnh cho hai ông bà sang Pháp với con trai là Lê Tuấn, được ông bà gửi đi du học từ hồi 15 tuổi, mà nay đã thành đạt, có vợ đầm và 2 con, ở khu nhà giàu Neuilly. Nhưng rồi sau khi nói chuyện trên xe và về nhà, ông bà Lê Tư đã thấy rằng thằng con của ông bà đã đứng hẳn về "phía bên đó" rồi. Cách mạng đã cướp hết tài sản của ông và cướp luôn thằng con của ông. Ông «làm thính» nữa. Ông được con trai chở ra nhà nghỉ mát riêng của

mình ở vùng biển, có thuê người coi giữ. Sau hai tháng ở đây, một hôm ông Lê Tư chống ba-toong đi ra biển. Đứng trên mép bờ đá dựng, ông liệng cây ba-toong, rồi hít một hơi dài, bước thẳng vào khoảng không trước mặt. Từ bây giờ, ông «làm thình vỉnh viễn».

5. «Made in Vietnam» (tr. 87-98): Truyện một cô gái Việt ở Mỹ có số phận hẩm hiu: mẹ thì bỏ đi lấy Mỹ, bố thì ôm được bà Mỹ góa chồng có tài sản. Một bác sĩ Việt Nam khám bệnh cho cô, cảm động vì dòng chữ cô xăm trên mình "Made in Vietnam" và về hoàn cảnh cô. Bác sĩ kể chuyện cô gái cho vợ nghe. Bà đề nghị giúp tiền cho cô học nghề. Mãi sau nhờ bà bác sĩ mời, khuyên nhủ, thân tình, cô mới chịu. Bây giờ vừa làm thợ vừa làm chủ. Khá lắm. "Cô đến thăm ông bà hoài và làm nail cho vợ và các con gái con dâu tôi. Ngày giỗ, ngày Tết, cô đều mang quà đến tặng vợ chồng tôi." Cô là «Con người ở có tình có nghĩa».

6. «Mùa thu cuộc tình» (tr. 99-118): Truyện ông Năm vượt biên 2 năm sau ngày mất nước, bà bị bắt lại. Ông lưu vong sống cô đơn giản dị và đều đặn ở Paris. 10 năm sau, vợ ông được chiếu khán xuất cảnh. Ông bà hạnh phúc gặp lại nhau. Nhưng thực tế khắc nghiệt hơn. Một tháng sau bệnh ung thư phổi của bà tái phát ở thời kỳ chót. Bà mới cho ông Năm biết lý do bà được xuất cảnh là nhờ khám thấy bị ung thư, chứ không như họ bảo «nhờ lòng khoan hồng nhân đạo của nhà nước cách mạng». Ông Năm ngồi bên giường vợ suốt thời gian cuối cùng của mùa thu cuộc tình đầy hạnh phúc.

7. «Người viết mướn» (tr. 119-131). Truyện ông già bị «cách mạng tịch thu tài sản, sống cầu bơ cầu bất ở vùng kinh tế mới. Ông biên thơ cho tổng thống Côte D'Ivoire, nhận được visa và luôn 3 vé máy bay cho ba cha con. Ông và hai con lưu vong ở Abidjan, Phi Châu. Ông biên thơ báo tin cho các bạn bè cũ ở Pháp ở Mỹ, nhưng chẳng có ai trả lời. Ông được một anh da đen cho phụ giúp làm nghề viết mướn. Thành công trong nghề viết mướn, hai năm sau ông định viết thơ cho mấy thằng bạn hồi đó, báo tin làm nghề viết mướn với người đen, mà lòng không đen.

8. «Nội» (tr. 133-149): Truyện một người mẹ lo cho con trai độc nhất của mình và cho các cháu của bà. Trong sự thiếu thốn triền miên của chế độ xã hội chủ nghĩa, Bà đặc biệt lo miếng ăn cho con cháu, mà không quên lo xa cho tương lai con cháu, thúc dục con "đừng vì tao mà bắt mấy đứa nhỏ phải hy sinh tương lai của tụi nó. Mày liệu mà đi đi". Đi thoát lần đầu. Rồi ba bốn năm sau chạy chọt cho vợ con rời Việt Nam, sang xum họp ở Pháp. Nhớ lại những lời vợ con kể, người con trai lưu vong thương má và quê hương vô cùng.

9. «Ông già ngồi bươi đồng rác» (tr. 151-157). Truyện một ông Đại Doanh thương, nuôi Việt cộng trong nhà, cho đến năm 73 họ mới lần lượt rút đi. Hồi tháng tư 75, ông không di tản. Sau đó, khi cách mạng «đánh tư sản mại bản», ông cũng bị đánh tơi bời, bị tịch thu tài sản, bị đi tù cải tạo. Và như vậy, bây giờ ông ngồi bươi lại đồng rác, giống như bươi lại dĩ vãng của ông.

10. «Tám vạc giường» (tr. 159-169). Truyện một chàng làm mướn coi vườn được chủ thương cho đất và cất nhà cho nữa. Rồi chàng gặp một nàng, tên Huệ. Rồi chàng và nàng quen nhau, nghĩ đến tám vạc giường, đặt một tám bằng tre, chở về nhà trải lên cái giường gỗ. Rồi chàng và nàng thường hay gặp nhau, tỏ tình, xin cưới, được nàng trả lời «Tính sao cũng được». Nhưng vụ tháng tư 75, chủ sai đưa tiền về cho em gái ông ở Cần Thơ. Chồng bà này là thiếu tá hải quân hốt cả nhà, kể cả chàng làm mướn lên tàu đi Mỹ. Lo làm ăn để dành tiền, chàng về Việt Nam tìm lại người yêu. Nhưng trễ rồi, Huệ đã đi theo một ông người Á Đông. Chàng lấy máy bay trở về Mỹ mà nghe buồn rười rượi.

11. «Thằng đi mất biệt» (tr. 171-176). Truyện bà mẹ đợi con trai út, sĩ quan của quân đội cũ, sau ngày giải phóng. Tối ngày làm thình, bà ngồi bó gối trên bộ ván ngoài hiên, ăn trầu, nhìn đăm đăm ra phía rạch, như đợi như chờ cái gì: Tao đợi thằng Trục, «Thằng đi mất biệt». Thời gian sau, khi trời nắng ráo, bà hay đi tuốt ra ngoài vòm rạch, lên ngồi trên mộ đất để có thể nhìn thẳng qua bên kia sông. Người mẹ đợi con đó ngã bệnh rồi chết, hai năm sau. Bà nhắm mắt mà trong lòng chắc vẫn trách thằng con sao đi mất biệt. Lúc hấp hối, bà còn rán thì thào: «Bây chôn tao ở đâu vòm cho tao thấy thằng Trục trở về».

12. «Tô cháo huyết» (tr. 177-182). Truyện bà xẩm (bán cháo huyết ở Đa Kao) đầy tình người trước cái đói sau ngày «giải phóng», và vẫn xưng hô theo thói quen cũ, chứ không trịch thượng, hay bình đẳng mà xưng «anh», «chị».

13. «Xíu» (tr. 183-190). Truyện tình giữa một chàng trai Việt với một cô gái Tàu đổ nát ngay cách mạng thành công, 30 tháng tư. Những người «cách mạng» xông vào nhà ngang nhiên và hùng hổ như một bọn cướp. Gặp gì kiếm kê nấy. Vậy rồi...hốt hết. Rồi cán bộ cách mạng «nhào ra làm ăn». Họ cũng tổ chức đi chui, nhưng là một loại đi chui không sợ bị bắt, vì có chánh quyền... hộ tống.

14. «Thằng chó đẻ của má» (tr. 191-196). Truyện một người con đi chui. 25 năm sau, tuy mới 72 tuổi, mà cứ bệnh lên bệnh xuống, đã quyết chí phải về mừng thọ 100 tuổi của má. Rồi từ đó, ba năm rồi, đã không về thăm má. «Thằng chó đẻ của má» vẫn còn «trôi sông lạc chợ». Má thương con, xin má tha thứ cho con... tha thứ cho con.

B3- Tổng hợp tóm tắt nội dung của 14 truyện ngắn trong «Tuyển Tập Tiểu Tử»

Tất cả 14 truyện ngắn này đều xoay quanh một đề tài chung là «Nước Việt, Người Việt và Tiếng Việt». Một nước Việt rút nhỏ vào Miền Nam Việt Nam, Việt Nam Cộng Hoà cũ, sau ngày 30 tháng 04 năm 1975. Những người Việt gồm hai loại chính. Một là công an quân đội Bắc Việt «ác ôn» tràn vào Miền Nam Việt Nam, dụ thêm những người Miền Nam, những người «ăn ở bất nhơn thất đức, đi rêu rao, đâm thọc» làm tay sai; Hai là những người Miền Nam chân chính, thật thà, nhân hậu. Họ gồm nhiều chức bậc và qui chế khác nhau, có thể là dân thường, cựu quân nhân, sĩ quan, hay công chức chế độ cũ. Họ ở vào những hoàn cảnh khác nhau, có thể là đã vượt biên, lưu vong bên Tây, bên Phi, bên Mỹ rồi, hay còn kẹt trên đất nước Việt Nam. Tất cả những người Miền Nam chân chính này đều bị đánh. Đánh như đánh Mỹ Ngụy, trong các trại tù cải tạo. Đánh như đánh tư sản trong nhà, bị tước đoạt mọi tài sản, mọi nhà cửa, mọi vật dụng, bị tơi bời, đói khổ. Nhưng tất cả, họ đều có lòng yêu thương Nước Việt, yêu thương Người Việt và yêu thương Tiếng Việt.

Biết cái nội dung các truyện ngắn của Tiểu Tử như vậy, chúng ta mới hiểu tại sao Tiểu Tử là nhà văn rất được yêu chuộng hiện nay, đặc biệt là ở hải ngoại.

C. Tiểu Tử là ai ?



Tiểu Tử là nhà văn có biệt tài viết truyện ngắn, với bầy nét văn phong độc đáo. Thứ nhất là dùng từ ngữ bình dân chân thật Miền Nam. Ngôn ngữ bình dân này đã được nhận ra ngay từ các tên đề truyện, cho thấy rõ nét sống động, thực tế, khách quan của hết các truyện ngắn của Tiểu Tử. Thứ hai là sự giản dị, nhưng đầy đủ của các tình tiết trong truyện kể, khiến người đọc có cảm tưởng rằng những sự kiện thực tế hằng ngày đã được một cái óc phân tích hóa học phân tích ra và thu thập được hết các yếu tố cần thiết. Thứ ba là sự tổng hợp minh bạch của cấu trúc mạch lạc rõ ràng dễ hiểu của truyện viết. Độc giả nhận ra đâu đây có một bộ óc tổng hợp vật lý đã theo dõi các biến chuyển rồi thu nhận, ghi nhớ, xếp đặt, tổng hợp và trình bày ra trong các truyện ngắn được viết. Thứ tư là cái tâm hồn nhân hậu, nhạy cảm, đầy tình người có giọng văn chân thành, giản dị, gợi cảm làm nhiều độc giả xúc động không cầm được nước mắt. Thứ năm tính chất giáo khoa lịch sử của truyện. Lịch sử chính biên của nhà nước có khi bỏ sót, viết sai, thêm

sai. Nhưng những truyện kể của Tiểu Tử là những truyện thật, viết ra từ chính cuộc sống thực mà ông đã nhìn thấy, nghe được, cảm nhận được. Thứ sáu là giọng văn giáo dục sư phạm của ông. Nhờ cái óc khoa học này, trong bản chất nội tại của chúng, các truyện ngắn của Tiểu Tử đã hàm chứa và toát ra cái nét giáo khoa, sư phạm trong văn phong của ông. Thêm vào đó, trong một số truyện ngắn, sau khi đã kể truyện xong, nét văn phong thứ bảy đã được nêu ra, với một vài nghi vấn giáo dục, có tính cách tự kiểm.

Nhưng vượt trên cái biệt tài của nhà văn viết truyện ngắn, và là nền tảng khiến cái biệt tài ấy được thành công là cái con người rất người của Tiểu Tử. Văn là người. Mỗi truyện là một mảnh đời, với những tâm tình, ngôn ngữ, văn phong của Tiểu Tử. Đọc 14 truyện ngắn, độc giả sẽ dần dà nhận ra con người sâu thẳm và chân thật của Tiểu Tử. Đó là một người Việt Nam có «Tình yêu thương Việt Nam» (Bài ca vọng cổ), có «Tình yêu thương Người Việt Nam» (Chị Tư Ủ, Made in Vietnam, Nội, Tô cháo huyết, Thăng chó đẻ của má), và có «Tình yêu thương Tiếng Việt Nam» (Con Mén).

Chính ba tình yêu thương này đã là nội dung chính yếu được diễn tả một cách chân thật trong các truyện của ông, chẳng những trong những truyện của «Tuyển Tập Tiểu Tử», mà còn trong từng truyện và trong tất cả những truyện ngắn mà Tiểu Tử đã sáng tác. Và chính ba tình yêu thương này, «Yêu thương Nước Việt Nam, Yêu thương Người Việt Nam và Yêu thương Tiếng Việt Nam» đã làm rất nhiều độc giả quý mến Tiểu Tử và đọc sách của ông.

Tôi nghĩ rằng số người Việt Nam, đang lưu vong ở hải ngoại, hay đang sinh sống trong quốc nội ; là kẻ vô tổ quốc hay là người yêu thương Việt Nam, sẽ càng ngày càng đông tìm đọc Tiểu Tử, và càng ngày càng đông nhận ra rằng tình yêu cao quý nhất của họ trên đời này là tình yêu Nước Việt Nam, tình yêu Người Việt Nam và tình yêu Tiếng Việt Nam.

*Bài phát biểu trong buổi ra mắt sách «Tuyển Tập Tiểu Tử»,
tại Paris, ngày 05 tháng 06 năm 2016*

Chị Tư Ủ

Chợ cá hồi đó nằm trên khoảng đất trảng xi măng giữa bờ sông và nhà lồng chợ, chung với hàng rau cải và trái cây. Về sau, thấy việc bơm nước rửa chợ cá vẫn không làm trôi hết mùi tanh của nhớt cá thấm vào xi măng, nhà chức trách trong làng cho xây chợ cá chõm hẳn ra sông, bằng gỗ theo điệu nhà sàn chống chân xuống nước nhưng bề mặt rộng như một cầu tàu. Như vậy, nhứt cử lưỡng tiện, bởi vì vừa rửa chợ ngay trên mặt sông, vừa có chỗ cho ghe thuyền cập vào để lên hàng. Ngoài ra, còn thêm một tam tiện nữa là chiều chiều người ta hay ra đó để câu cá hoặc hóng mát bởi vì chợ chỉ nhóm có buổi sáng thôi.

Ở chợ cá, chị Tư Ủ là xếp sòng ! Không phải chỉ tại vì cái sự to thuyền lớn bánh của chị, mà còn tại vì chị thuộc vào gia đình bán cá bán mắm lâu đời nhứt trong làng. Bắt đầu là bà ngoại của chị từ thuở chưa có chợ nhà lồng (hồi đó chợ còn nhóm lộ thiên ở dưới xóm lò heo). Kế đó là má của chị. Thời này, ở nhà không còn làm mắm bán mắm, chỉ bán cá thôi và đã dọn về căn phố trệt nằm ngang hông chợ. Và bây giờ là đến phiên chị Tư. Trong gia đình, con Tư học hành thì dở nhưng lại chịu cực giỏi. Lại biết bươn chải làm ăn. Chỉ có nó mới nổi nghiệp tao được. Cũng như tao đối với bà ngoại bây hồi đó. ...Má chị Tư thường nói như vậy, hồi còn sanh tiền, hồi lữ con vừa mới lớn. Về sau, quả đúng như vậy: mấy đứa kia sau khi dựng vợ gả chồng, xuống Sài Gòn làm việc cho nhà nước, có đứa làm cho hãng tư ở đâu tốt ngoài Trung xa lác xa lơ. Chị Tư ở lại nổi nghiệp sau khi bà già nằm xuống. Rồi bởi vì có sự mẹ truyền con nối ba đời như vậy mà không riêng gì ở chợ cá, trong làng ai cũng biết tiếng chị Tư và bạn hàng cá cũng nể nang một phần.

Hồn danh Tư Ủ không phải mới có sau này, mà đã có từ hồi chị Tư còn nhỏ. Trong nhà chỉ có mình con Tư là sở sũa hơn hết má chị thường nhắc chuyện này, vì bà rất hãnh diện đã làm một

việc không phải ai cũng làm được . Bà kể: Hồi sanh nó ra, tao rặn muốn bứt hơi luôn ! Tường đầu tao ngủm rồi chớ. May nhờ bà mẹ cũng giỏi, bả rặn phụ tiếp sức mấy lần, con nhỏ mới chịu lọt ra. Y... nó lì từ còn trong bụng chớ phải mới đây đâu bây ơi! . Bà hay ngưng ở đó một chút, xỉa cục thuốc qua lại mấy lần, làm như để nhớ lại cái đau thuở đó và cái nhẹ sau khi đã sổ lòng đứa con... Rồi lúc nào bà cũng tiếp: Bà mẹ mà còn phải công nhận là cả làng này chưa ai sanh đứa nhỏ nào bự bằng nó hết ! Ai tới thăm khi bồng nó lên cũng nói là nó nặng như con Tây ! Tía bây đi ruộng về thấy cũng phải hết hồn! . Rồi cũng vì cái sự nặng như con Tây mà mấy bà mấy cô xóm Chợ hay tới lui ẵm bồng nựng nịu bé Tư . Bé Tư mau ăn chóng lớn, lúc nào cũng ú na ú nần , hay cười để ngủ nên trong xóm ai cũng thương. Mãi đến khi vào trường tiểu học, trẻ con trong trường mới đặt cho danh hiệu Tư Ủ . Từ đó, thành tên luôn.

Hồi đó trong lớp, hai đứa học dở nổi danh là con Tư Ủ và thằng Út Cón. Thằng này người Tàu, tên Lý Cón, con trai út của chú Phấn thợ bạc. Vợ chồng chú Phấn sanh một bầy con gái rồi ngưng ngang. Tám năm sau thiêm Phấn bồng lại có bầu. Lần này, hai vợ chồng đưa nhau về Chợ Lớn đi mấy chùa chiền cầu nguyện cúng vái dữ lắm. Sau đó, sanh Út Cón. Cho nên, cả nhà chú Phấn cưng nó như vàng. Nó muốn gì được nấy. Đến nổi, khi đến tuổi đi học, nó không chịu đi, là cả nhà cũng làm thinh. Cho tới lúc thấy nó lớn đại rồi mới tìm cách dụ dỗ, nói khích để nó cấp cập vào lớp. Vì vậy khi nó đi học với Tư Ủ thì nó đã lớn hơn tới bốn năm tuổi !

Trái với Tư Ủ, Út Cón gầy nhom trắng nhách. Tánh tinh thì hay hờn hay giận trong lúc Tư Ủ lại xông xáo du côn như con trai. Vậy mà hai đứa lại thích nhau, lúc nào cũng đi chung chơi chung, và gọi nhau bằng bồ .

Tiệm vàng của chú Phấn nằm ở dãy phố trệt phía bên kia nhà lồng chợ, thành ra đối diện với nhà má Tư Ủ. Và vì hai nhà nằm trịch về phía bờ sông ngang sân xi măng nên từ nhà này có thể nhìn thẳng qua nhà bên kia mà nói chuyện cũng được. Chỉ cần nói lớn tiếng một chút là nghe rõ. Sáng nào, Tư Ủ cũng lon ton chạy qua tiệm vàng để cùng đi học với Út Cón chớ không đi chung với mấy đứa trong nhà. Lâu lâu, con Tư bị kẹt gì đó thì thằng Cón ra trước cửa tiệm réo: Ủ ơi! O... Ủ ! Bồ làm khi gì bển mà chưa chịu qua ? . Có hôm, cả hai đứa cùng trễ, nghe tiếng trống trường đánh thúc tới mới hè nhau chạy mà cười hắc hắc, giống như... chạy đua vào lớp.

Những ngày nghỉ, tụi nó hay rủ nhau lên chùa ăn cắp nhãn . Thật ra tụi nó còn quá nhỏ để trèo lên mấy cây nhãn trong vườn sau của chùa, nên đến đó chỉ để lượm nhãn dơi ăn làm rớt rả rác dưới đất. Nhưng vẫn nói là đi ăn cắp cho nó oai! Út Cón hay đem hột nhãn về nhà lấy dao cắt khoanh, móc bỏ ruột, còn lại cái vỏ đen huyền bóng lường làm nhãn đeo vào ngón tay của bồ nó. Nó đã phải lựa những hột nhãn thật to để chiếc nhãn đủ rộng cho vừa ngón tay...

... Lật bật rồi hai đứa cũng học hết lớp nhì. Đến đây, Út Cón sang qua học trường Tàu vừa mới mở ở xóm chùa Cao Đài trên lộ cái. Còn lại một mình, Tư Ủ ráng kéo hết năm lớp nhứt rồi nghỉ học luôn, ở nhà giúp việc nhà và tập tành bán cá với mẹ. Lúc này, con Tư bắt đầu trở mã. Da dẻ mơn mớn, má hồng hồng, mắt trong vắt, tóc đen mượt thả dài đến ngang lưng, và giọng nói thật là lãnh lót. Thân hình có thay đổi, có trở thành con gái , nhưng vẫn... tròn trịa nặng cân.

Út Cón cũng nhỏ giò, cao lêu khêu, nói tiếng trống tiếng mái. Tuy hai đứa không còn học chung, nhưng vẫn qua lại gặp nhau thường và vẫn gọi nhau bằng bồ . Tiếng bồ từ thuở bé bây giờ không còn nét vô tư nữa, nhứt là tiếng bồ của Tư Ủ gọi Út Cón. Nó có cái gì... khác khác. Một cái gì nhẹ nhẹ. Một cái gì mà chỉ có con gái gọi người con trai mình thích mới gọi được như vậy thôi ! Bây giờ Út Cón đi học bằng xe đạp. Sáng nào, nó cũng đảo một vòng xuống bờ sông để đạp ngược trở lên ở dãy phố bên kia, bởi vì sân xi măng đã đầy bạn hàng. Và sáng nào vào giờ đó con Tư cũng quét nhà vừa ra đến cửa để chào Út Cón: Đi học hả bồ ? . Thằng con trai vừa Ừa vừa nhún mạnh lên bàn đạp làm tiếng Ừa như bị kéo dài ra, giống như cái nhìn của con Tư đang kéo dài theo sau lưng bồ nó.

Lâu lâu, tụi nó rủ nhau đào trũng đi câu ở bến gỗ thầy Cai, và luôn luôn đi chung với mấy đứa nữa. Chỉ có hẹn nhau lên chùa là tụi nó đi riêng. Làm như khu vườn sau chùa là một thế giới khác, một thế giới mà tụi nó đã xí từ hồi còn học lớp chót. Ở đó có mấy gốc nhãn mấy gốc sung gốc mít và vô số ổi, vây quanh bởi một hàng rào tre tươi. Trẻ con trong làng đều biết khu vườn

đó nhưng chúng không vào được vì phải bước hẳn vào ngôi tam bảo mới có ngõ để đi qua đó, mà ông thầy cả thì khó tánh không cho trẻ con vào chùa sợ mất nét tôn nghiêm. Ông thầy này là bà con bạn dì với má con Tư, nhờ vậy mà Tư ù Út Cón được ra vào vườn thông thả. Dĩ nhiên, chúng nó chẳng bao giờ dám lớn tiếng làm ồn. Ngoài ra, khi gặp dịp, hai đứa cũng biết phụ thầy hay mấy chú tiểu làm những chuyện lật vật như quét dọn bàn Phật, chưng bông, nấu nước. Thành ra trong chùa coi tụi nó như... người nhà ! Lâu rồi thành quen, chẳng ai để ý rằng hai đứa nhỏ đã bắt đầu lớn...

Những lúc lên chùa sau này không còn ý nghĩa ngây thơ đi ăn cắp nhãn như hồi còn lớp năm lớp tư . Lên chùa bây giờ giống như đi về nhà của tụi nó hay đi về cái ổ của tụi nó . Cái khu vườn sau mà tụi nó thuộc từng gốc cây bờ cỏ, thuộc từng lối đi quanh quẹo để tránh hòn non bộ, tránh mấy chậu kiểng, tránh mấy cái đôn bằng sành... Ở đó, chia nhau mấy trái ổi chua, mấy trái dái mít chát... để chấm muối ớt mang theo từ nhà, vừa ăn vừa hít hà vì cay chảy nước mắt, vậy mà sao thấy ngon, thấy vui. Chẳng nói chuyện gì nhiều, vậy mà sao thấy đầy thấy đủ. Ở đó, chỉ có hai đứa...

... Mấy năm sau, Út Cón nghỉ học, ở nhà làm thợ bạc. Mấy năm sau, Tư ù đi lên đi xuống Sài Gòn Chợ Lớn bỏ hàng về phân phối lại bạn hàng trong chợ, để bà già bán cá một mình. Mấy đứa khác trong gia đình đã xuống ở hẳn nhà người dì ở Sài Gòn để đi học. Út Cón bây giờ bánh trai ra, người dong dong cao, mặt mũi khôi ngô trắng trẻo. Tư ù thì thân thể đầy đà, chỉ đẹp gái ở giọng nói nước da và mái tóc! Vẫn hay cười, dễ ngủ và vẫn lạnh lẽ tay bằng miệng, miệng bằng tay . Hai người vẫn qua lại với nhau như thuở nhỏ. Vẫn gọi nhau bằng bồ , tiếng bồ bây giờ thật đậm đà tình bạn mà cả hai chỉ dành riêng cho nhau. Lâu lâu, thấy quần áo gì lạ lạ mới mẻ ở Sài Gòn Chợ Lớn, Tư ù mua về tặng Út Cón bạn chơi để lấy le với bạn bè . Để trả lại, Út Cón âm thầm vẽ kiểu chạm trổ một chiếc nhẫn bạc. Mấy hôm sau gọi Tư ù qua tiệm nói: Bồ cho tôi nhiều thứ quá. Bữa nay, tới phiên tôi cho bồ cái này . Rồi cầm bàn tay Tư ù lên xỏ chiếc nhẫn vào ngón áp út. Xong, nghiêng bàn tay qua lại để nhìn: Tôi nhắm chừng vậy mà cũng vừa ghê. Hồi nhỏ, tôi hay làm vòng hột nhãn cho bồ, bồ còn nhớ không? . Tư ù xúc động đến không nói được một lời. Út Cón vẫn cầm bàn tay nghiêng qua nghiêng lại để nhìn, theo thói quen thợ bạc: Bây giờ có muốn làm vòng hột nhãn cũng không kiếm đâu ra hột to để cho vừa với bàn tay tổ nái này ! . Tư ù rút nhanh tay về đánh lên vai Út Cón cái bốp, nói: Quỉ . Rồi cả hai cười vang tự nhiên, làm như thuở ấu thời hãy còn nguyên vẹn đó. Và có lẽ trong thâm tâm mỗi người đều cũng muốn như vậy. Để đừng có gì thay đổi.

... Vậy rồi Út Cón đi cưới con Doành, con gái út của ông bang Ky. Đám hỏi và đám cưới làm cùng một lúc theo lời yêu cầu của đàng gái vì ông bang Ky phải về Tàu gấp sau đó. Hay tin đám cưới, Tư ù bỗng chết điếng trong lòng, đang ngồi trên bộ ván gỗ mà tưởng chừng như chìm sâu dưới nước. Nằm dài xuống bộ ván, Tư ù lấy khăn lông úp lên mặt để nước mắt thú nhận tình yêu giấu kín từ bao nhiêu năm...

Thời gian sau, Tư ù lấy tài xế Cước lái xe Thiên Thành chạy lên chạy xuống Sài Gòn... Chuyện này cả làng đều hay. Bà già chửi tắt bết . Tư ù đồ lì chịu trận, và hay vừa cười vừa giải thích: Đi bỏ hàng riết rồi dính luôn, gỡ không ra ! Chắc tại cái số... . Rồi tài xế Cước dọn về ở chung trong nhà như hai vợ chồng. Bà già mới đầu buồn lắm, nhưng lần hồi quen đi, nên cũng chẳng có lời qua tiếng lại. Bên tiệm vàng Út Cón cũng buồn lắm, thương cho người bạn gái chẳng gặp duyên may, làm cho hàng xóm dị nghị mà mình thì không biết giúp cách nào hết. Có hôm Út Cón ngừng tay, nhìn ngang tủ kiểng sang nhà bên kia, thấy thấp thoáng bóng Tư ù mà có cảm giác như hình ảnh đó mỗi ngày một xa dần mà mình thì vẫn ngồi đây bất động, chẳng một với tay, chẳng một vẫy tay... Chẳng bằng hồi đó, cái hồi mà còn đi chơi chung với nhau, hai đứa cùng ngồi trên nhánh ổi, chỉ một cái nghiêng người của Tư ù mà mình đã đưa tay chụp lấy nó vì sợ nó té làm nó cười lên hăng hắc. Chẳng bằng hồi đó... Chẳng bằng hồi đó... Út Cón thờ dài quay về với công việc mà nghe lòng se lại. Chụp hộp quẹt máy đốt đầu cây đèn khò, chân đạp cái bơm gió, Út Cón điều chỉnh ngọn lửa đèn khò mà trong đầu hiện về biết bao nhiêu kỷ niệm. Để rồi tiếp tục so sánh

cái hồi đó với cái bây giờ . So sánh để vừa tiếc nuối vừa ân hận. Bồng Út Cón thốt lên nho nhỏ, giọng như tự trách mình: Vậy mà gọi nhau bằng bồ cái nỗi gì?... . Ý nghĩ đó làm Út Cón muốn chảy nước mắt. Vội vã cầm đèn khò đưa ngọn lửa tạt qua tạt lại trên cục vàng nhỏ như hạt bắp nằm gọn trong lòng khuôn. Để đừng nghĩ gì nữa. Vậy mà vẫn nghĩ rằng mình đang muốn đốt cho chảy ra để làm tinh khiết lại một cái gì cũng quý như cục vàng nằm ngay trước mặt...

Ăn ở với tài xế Cước không bao lâu Tư ù mang bầu rồi sanh con trai. Bà già cứng như trứng mỏng. Vậy mà tài xế Cước kiếm chuyện gây gỗ mấy lần rồi xách gói ra đi . Ra đi khơi khơi dễ dàng làm như chuyện đầu áp tay gối, đưa con hòn máu chẳng có giá trị gì hơn chuyện quá giang xe đồ của người hành khách ! Cũng chẳng thấy Tư ù buồn. Có ai hỏi thì trả lời: Chẳng chả nói nhà tôi tanh cá quá, chẳng chả chịu không nổi . Nói rồi Tư ù cười lên ha hả. Có ai trách thì tự an ủi: Ôi !... Chẳng chả lái xe đồ quen rồi. Tấp vô bến này một chút rồi đi, rồi tấp vô bến khác. Hơi đâu mà trách? Chớ như tôi đây ú na ú nần xấu xa xấu xí có chẳng đàn ông nào thêm rở. Vậy mà chẳng chả chiếu cố hết mấy năm, coi thấy bạc nghĩa vậy chớ vẫn còn có tình. Còn phiền trách nhau chi ? . Từ ngày tài xế Cước bỏ đi, vợ chồng Út Cón vẫn chưa có con hay qua lại nhà Tư ù ẵm bồng nựng nịu chẳng nhỏ và lâu lâu mượn nó về tiệm vàng chơi cả buổi, gọi là để lấy hên . Thật ra, đó chỉ là một cái cớ để Út Cón nói lại sợi dây tình cảm bị gián đoạn từ ngày có mặt tài xế Cước và để tiếng bồ vẫn là tiếng nói từ trong lòng của hai người. Vợ Út Cón cũng mến Tư ù ở tánh bộc trực nên thường tới lui chị em em em như đã quen thân nhau từ trước. Tư ù chẳng những không thấy ganh ghét vợ Út Cón mà còn thấy con nhỏ thiệt dễ thương, nét na đảm thắm, lo cho chồng từng tí từng ly... . Đối với Tư ù, mọi sự đều dễ dàng: Không thành duyên nợ thì thôi, tình thương mình để vào lòng chớ làm khó khăn rắc rối nhau chi cho chúng ghét . Còn về chữ tình , quan niệm của Tư ù cũng rất là đơn hậu rõ rệt: Hề mình thương ai thì mình muốn người đó sung sướng hạnh phúc. Người đó vui, mình vui. Người đó buồn, mình buồn. Chớ còn nói thương người ta mà cứ đeo theo làm khổ người ta, thì đâu phải gọi là thương ! . Có lẽ nhờ nghĩ như vậy mà tiếng bồ của Tư ù gọi Út Cón lúc nào cũng thấy trong veo mát rượi như giọt sương trên tàu lá buổi sáng...

Mặc dù tâm sự đã gói ghém kỹ để trong lòng, lâu lâu Tư ù vẫn thấy thèm được nói lên tiếng nói của con tim . Đó là những buổi trưa rảnh rảnh, nằm một mình trên võng đong đưa, ngắm nghĩ viễn vông để cuối cùng lại trở về hoàn cảnh của hai người. Không kèm được trào lòng, Tư ù ngân nga một câu vọng cổ: Anh Hai ôi... Cái mối tình của em đối với anh... nó tựa như trời cao biển rộng&&...ư&&&...sông... à.&...dài... .

Xuống hò ø thật ngọt, và nghe như nổi niềm trắc ẩn cũng theo chữ dài mà tuôn ra nhẹ nhẹ. Mấy tiếng Anh Hai ôi... được vô một cách tình tứ. Sợ thiên hạ biết, chớ nếu dám vô bằng Anh Út ôi... chắc phải mùi hơn nhiều... Và chỉ có như vậy thôi, và chỉ cần có như vậy thôi, Tư ù cũng đã thấy nhẹ, thấy thỏa mãn, thấy như đã nói hết những gì mình muốn nói!

Khi chị Tư nổi nghiệp bà già, chợ cá hầy còn nhóm mỗi sáng trên sân xi măng. Hồi đó chẳng con trai đã lớn, đang đi quân dịch, và vợ chồng chú Út cũng đã có hai cô con gái. Người trong làng kêu Tư ù bằng chị Tư , nhưng lại gọi Út Cón bằng chú Út . Có lẽ tại cái gốc Tàu. Bởi vì họ đã có thói quen gọi người Tàu bằng chú chú chệt và vẫn gọi tiếp tục như vậy cho dù chú chệt đó lần hồi đã già bảy tám mươi tuổi. (Thành ra trong tiệm vàng đã có chú Phấn , bây giờ tấn lên có chú Út Cón . Hai cha con đều được gọi bằng chú , ngang nhau !)

Mỗi sáng chị Tư dọn hàng ra chợ, ngay trước nhà, nên cũng tiện và nhanh. Hàng cá của chị gồm có hai thau nhôm thật to đầy cá, nước trong veo, một tấm thớt gỗ dày, hơi trũng xuống ở phần giữa vì đã được sử dụng lâu năm, một con dao yếm để đánh vảy mổ bụng cá, một con dao phay để chặt khúc cá, một cái thau nhôm nhỏ để bắt cá cho khách hàng coi và một cái cân xách. Đặc biệt trong chợ cá, chỉ có chị Tư là không có cái chài vồ. Dụng cụ này bằng gỗ, thường được dùng để đập lên sóng dao phay khi muốn chặt con cá to ra từng khúc và nhứt là khi cần bả hai cái đầu cá để đừng bị đập và để mỗi miếng coi cho nó ngon . Khách hàng không ưa những khúc cá bày nhầy , cho nên hàng cá nào cũng phải có dao bén ngọt, và khi rả con cá cỡ bằng bắp chân trở

lên, phải biết dùng dao yếm để khứa và dao phay với cái chài vồ để xả . Vậy mà chị Tư không cần tới cây chài vồ. Bởi vì chị mạnh tay lắm và chị nhắm đầu là chặt đúng ngay đó, không xê xích một ly . Khách hàng ai cũng phục chị Tư ở chỗ đó. Họ nói: Con Tư nó múa dao như Sơn Đông. Mình chỉ ở đâu là nó phục ở đó, ngay bon ngọt xót... Chớ không phải như mấy con mẹ kia, cầm chài vồ đập bom bóp nghe mà phát nhức đầu .

Dọn hàng xong, chị ngồi lên cái hộp gỗ cao bằng hai viên gạch có cái học như học tử. Chị kéo học ra để tiền lẻ vào đó, rồi bắt đầu chào hỏi bạn hàng cá và rau cải. Trong làng, và nhứt là trong chợ, phần đông đều quen biết nhau hết, nên câu chuyện trao qua trao lại dễ dàng thoải mái. Đó là giờ thông tin của các bạn hàng trong khi người đi chợ còn rải rác lựa thưa. A... để nói này nghe, đừng nói ai hết nghen ! Con gái của dì Năm Đồi có bầu với thầy giáo Thái. Họ giấu dữ lắm đó ... Chèn ơi! Tội nghiệp con nhỏ hôn ! ... Thầy bà gì mà ác nhờn. Vợ con cả đổng cả lèng rồi mà còn dè con nhỏ làm chi cho nó khổ ... Nè ! Nghe nói ông Xả Bầy mới rinh về một con vợ bé. Không biết phải hôn ? ... Đâu nà ! Cháu gái của ông đó. Đừng nói bậy ông cào nhà bây giờ ... Ờ... Con mẹ Sáu bánh lọt sao hôm rày đầu mắt hồng thấy há ? ... vv. Trong lúc bạn hàng vãi, hay bạn hàng xén, đều có nhà hay cửa tiệm nằm vây quanh chợ nhà lồng nghĩa là qui tụ lại một chỗ thì những người bán cá lại có nhà ở rải rác trong mấy xóm xa chợ như xóm Giếng, xóm Chùa, xóm Lò Gạch, xóm Nhà Máy... Thành ra bạn hàng cá có tai mắt ở khắp nơi. Cho nên họ là giới biết nhiều tin tức trong làng nhứt. Và họ thông tin ăn bút Phòng Thông Tin !

Khi chợ đã bắt đầu đông, bắt đầu ồn ào, thì mạnh ai nấy rao hàng mời khách. Chị Tư cầm cái cán cân nhắc lên để xuống đều đặn làm cho ba sợi xích sắt rơi nhịp nhàng vào cái đĩa cân, kêu rền rẹt rền rẹt, miệng mời tía lia: Cá cô Hai... Cá dì Tám . Chị nhớ từng sở thích của khách hàng, như Dì Sáu Lộc ưa cá trê vàng, còn cô Năm Ngự lại không ăn được cá không có vảy. Chị Hai Bia thì hay ăn đầu cá lóc, mà coi chừng, phải có đủ đùm ruột và gan mật còn nguyên chỉ mới chịu... . Lâu lâu, chị Tư thọc tay vào thau vuốt ve mấy con cá giống như vuốt ve con mèo con chó ! Vậy mà chẳng có con cá nào chém bàn tay của chị hết! Và khi mà chị Tư muốn bắt con nào là chị luống thật nhanh ngón tay cái và ngón tay trở vào hai mang cá, nhắc bổng ra khỏi nước. Mấy con cá lóc bằng bắp đùi, chị cũng chỉ bắt có một tay. Mạnh như vậy nên bạn hàng cá ai cũng nể mặt, dù xưa nay họ nổi tiếng là giới thô lỗ hỗn ầu.

Một hôm, chợ vừa nhóm, chị Tư mặt hầm hầm, cầm con dao phay chém xuống thót nghe cái cộp rồi chỉ mũi dao về phía một bạn hàng cá ngồi cách xa mấy thước phía đối diện, giọng lạnh lạnh:

- Lia ! Tao nghe nói mày đang rêu rao vụ gì đó phải không?

Tiếng không được nhịp bằng tiếng dao chém xuống thót. Cô gái tên Lia vừa sang nước cá vừa trả lời:

- Chuyện gì đâu ai biết !

Chị Tư vẫn nhịp dao xuống thót:

- Vậy chớ đũa nào đi nói cùng đồng là thằng cha Út Cón gian lận, bán vàng giả mà la vàng thiệt ? Hả ? Hả ?

Bống con Lia đứng sọc lên, tay chống nạnh, mặt gân gân:

- Ờ ! Tôi nói đó ! Rồi có sao không ?

Chị Tư cũng đứng lên, tay vẫn cầm dao phay điềm điềm:

- Có, chớ sao không ! Tao hỏi mày vậy chớ Út Cón có lường gạt mày không ? Mày nói cho bà con nghe coi !

Con Lia khựng một chút rồi cũng gân gân:

- Thì thằng chả làm đồ giả tôi nói làm đồ giả. Mắc mớ gì chị mà chị xía vô ?

Chị Tư nổi nóng, la lớn:

- Mắc mớ chớ sao không mắc mớ ! Út Cón là bạn của tao, tao không muốn ai nói xấu thằng chả hết. Nếu mày có bằng cứ thì trưng ra cho bà con coi, rồi đem lên hội đồng xã mà thưa thằng chả. Chớ còn không có gì hết mà cứ đi rêu rao nói xấu người ta là tự mày muốn sanh chuyện chớ ai vô đây ?

Thấy quá căng, mấy bà bán cá vội vã xúm lại can gián, mỗi người vài câu, ồn ào hỗn tạp. Trước

khi ngồi xuống, chị Tư còn bồi thêm một câu, gọi là để dần mặt :

- Nè ! Tao nói cho mày biết. Mày mà còn kiếm chuyện nữa thì con dao này nó không tha mày đâu ! Cái thứ ăn ở bất nhơn thất đức không chém cũng uổng...

Con Lia vừa sợ, vừa đuối lý, làm thinh ngồi xuống nhưng trong lòng thề sẽ có ngày nó rửa nhục . Nghe lộn xộn, chú Út Cón từ sau nhà bước ra trước cửa tiệm để nhìn. Lúc đó, cuộc cãi vã cũng vừa chấm dứt. Thiên hạ đi chợ đã bắt đầu đông. Thành ra chú không biết rằng bỏ của chú vừa mới bình chú.

Về sau chợ cá nhóm trên sàn gỗ xây chõm ra sông. Chị Tư mỗi lần dọn hàng phải đi xa hơn một chút. Chị vẫn to thuyền lớn bánh , vẫn hay cười, dễ ngủ, mặc dù thằng con duy nhứt của chị đã chết trận ở ngoài Kontum. Chị nói: Sống chết tại số. Có khóc mấy, nó cũng không sống lại được ! Trên bàn thờ, cạnh hình ông bà già, chị để hình thằng con mặc quân phục, ngực đeo huy chương. Chị thích cái ảnh đó lắm bởi vì chị thấy nó giống kếp Hùng Cường !

Trưa trưa, chị vẫn nằm đong đưa trên võng. Chị thích nằm võng bởi vì nó mát lưng. Cái võng của chị được thắt bằng sợi dây gai đập tơi ra rồi tết lại mịn màng, thân tau vừa to vừa đẹp lại không có gút thành ra nằm êm và không cần làm ngựa lưng như võng lưới. Chị cũng chề võng nhà binh, tuy nằm êm nhưng khi trở mình nó lại kêu sột soạt !

Và lâu lâu, chị vẫn ngân nga câu vọng cổ của chị để thấy cuộc đời này hãy còn cái gì để nói ..

Biến cố tháng tư 1975...

Cả làng treo cờ đỏ. Khắp nơi căng biểu ngữ đỏ. Tất cả bảng hiệu đều được sơn lại bằng màu đỏ. Coi hực hỡ như ngày xưa làng xã làm đám cúng ở miếu ông Tà !

Loa được bắt trên cành cây đầu cột, ngã tư ngã ba, phát thanh nghe rờ rờ như có tiếng máy xe đồ Thiên Thành nằm trong đó ! Không có phát thanh cái lương nên nghe riết cũng nhàm. Rồi mạnh loa loa nói, mạnh người người nói.

Bây giờ người ta không còn thời giờ rảnh nữa. Hội họp, học tập, hoạt động đoàn thể liên miên, chưa kể đi lao động đều đặn...

Chợ cá vẫn họp buổi sáng. Giờ thông tin cổ hữu của bạn hàng cá cũng thấy được tiếp tục nhưng có thâu ngán lại và nhứt là bây giờ thấy nói nhỏ chuyện cho nhau nghe, chớ không bô bô như hồi trước. Cho nên người ta biết là con Lia bây giờ theo tụi cách mạng dữ lắm. Nó nghĩ bán cá để tổ chức phụ nữ này phụ nữ nọ gì đó và hay tới lui với thằng cha Bắc kỳ công an ở nhà thầy giáo Thái (nhà này cách mạng tịch thâu vì thầy giáo và gia đình đã bỏ chạy mấy ngày cuối tháng tư bảy mươi lăm). Và họ nói: Con nhỏ lúc này lên chươn lắm, bà con! Thấy có đội nón cối nữa! .

Một hôm vào xế chiều, tên công an dựng xe đạp trước nhà chị Tư, nhìn quanh rồi bước vào nhà. Trong nhà lu khạp chứa cá đứng dài dài từ nửa nhà trên chạy tuốt ra phía sau. Nhà không có vách ngăn nên nhìn thấy trống bốc xuống bếp. Chị Tư đang lúi húi nhúm lửa ở đó, thấy khách vội chạy lên. Chị khoác vội cái áo bà ba, cầm chổi lông gà quét nhanh mặt ván gỗ, rồi mời:

- Mời anh ngồi. Có chuyện gì không ?

Tên công an ghé đít bên mép ván, nhìn quanh:

- Chị ở có một mình à ?

Chị Tư cũng nhìn quanh:

- Thì anh thấy đó. Còn ai nữa đâu ?

Rồi như sực nhớ ra, chị tiếp:

- À ! Còn... ông Táo. Nhưng ông không nằm trong hộ khẩu, ông nằm trong bếp !

Rồi chị cười tự nhiên thích thú với hình ảnh hài hước đó. Tên công an làm thinh. Dưới bếp, lửa nhúm khi nãy không bắt , làm khói lên um tùm. Chị Tư xin lỗi rồi chạy xuống bếp vùi nhanh mấy cây củi xuống tro. Xong, trở lên, vừa đi vừa nói:

- Lúc sau này dầu hôi bị hạn chế, mỗi hộ chỉ mua được có một xị để dành thắp đèn thành ra

không dùng lò dầu hôi. Phải chụm bằng củi, khói thôi là khói ! .

Tên công an cũng nói đầy đũa:

- Đây là buổi đầu thôi chị ạ ! Tại vì khâu phân phối vật tư chưa hoàn tất mạng lưới đáy chửi. Rồi chị xem. Vài hôm nữa xăng dầu sẽ được đưa về đây cả khói !

Chị Tư vừa cười vừa nói:

- Gì thì tôi không biết. Chớ hôm rồi bà Tám Liệt Sĩ... xin lỗi anh, trong làng bây giờ kêu bà Tám Tiếu là bà Tám Liệt Sĩ, chớ không phải tôi đặt ra như vậy đâu.

Tên công an gật gật đầu:

- Tôi biết. Gia đình bà má đó theo cách mạng từ thời bốn mươi năm. Sau này đều hy sinh cả. Giải phóng rồi ít lâu sau chính tôi đã đưa bà má lên tỉnh để lãnh bằng liệt sĩ và huân chương...

Chị Tư gật đầu tiếp:

- Phải rồi. Đúng là bà đó. Hôm rồi, sau khi mua phần dầu hôi của bà, bà đưa xị dầu hôi lên cao, vừa đi dọc theo cái đuôi đồng bào đang đợi tới phiên mình, vừa nói...

Chị Tư đưa bàn tay trái lên trên không, ngón cái và ngón trỏ ra bộ kẹp cổ chai xị tưởng tượng, cất giọng the thé nhái bà Tám Liệt Sĩ:

- Nè... Đồng bào coi đây nè ! Cái này là dầu hôi nghe không. Dầu hôi của Nhà Nước ta bán cho nhân dân. Quí lắm đó ! Không phải để thắp đèn. Mà để nhỏ vô con mắt cho nó sáng ra, nghe chưa ?

Nói xong, chị Tư cười thích thú. Tên công an chỉ nhếch mép. Không biết anh ta ráng kèm cái cười đang muốn bật ra hay anh ta đang cố tạo một nét cười để chứng tỏ rằng mình cũng biết thưởng thức khía cạnh trào phúng ý nhị của câu chuyện ? Anh ta bước lại bàn thờ, nhìn mấy tấm ảnh, hást hàm hỏi:

- Ai thế ?

Chị Tư trở ngược cây chổi lông gà chỉ từng tấm ảnh:

- Đây là ông già tôi, hồi ông còn trẻ. Chớ ông chết hồi ông trên sáu mươi lặn. Đây là bà già, chụp hình xòe đủ mười ngón tay !

Chị ngừng ở đó để cười rồi mới tiếp:

- Còn đây là thằng con tôi, liệt sĩ ở Kontum !

Tên công an cãi:

- Chị dùng từ sai. Lính ngục không thể nào là liệt sĩ cả. Bị giết thì cứ nói là bị giết. Phải cho rõ ràng ở diêm đó.

Chị Tư ngạc nhiên:

- Coi ! Đi đánh giặc rồi chết ngoài mặt trận, mấy anh không gọi là liệt sĩ thì gọi là khi gì ?

Anh ta giải thích:

- Chị không hiểu. Giữa ta với ngục khác nhau chửi. Ta, vì nhân dân vì Tổ quốc mà hy sinh, thế mới gọi là liệt sĩ. Còn ngục là lính đánh thuê cho đế quốc Mỹ...

Chị Tư đưa một tay lên chặn lại:

- À ! À ! Đến đây tôi xin lỗi anh. Chính anh mới không hiểu gì hết. Thằng con tôi chưa hề đánh thuê chém mướn. Nó đi quân dịch thì giống như ngoài đó mấy anh gọi là đi nghĩa vụ gì gì đó. Nó cũng vì đồng bào của nó, vì xứ sở của nó mà hy sinh, chớ nó có đánh giặc để giữ gìn đất đai xứ Mỹ bao giờ ?

Trong lúc tên công an chưa kịp mở miệng thì chị Tư đã nói tiếp, tay cầm cây chổi lông gà trở ngược quơ qua quơ lại trên không, để vẽ cho câu nói:

- Ngoài đó đánh vô thì trong này phải đánh ra chớ bộ ngu dại gì mà đứng làm thỉnh đưa đầu cho thiên hạ đập ? Phải không ? Như vậy gọi là đánh thuê chém mướn à ?

Thấy tình hình sắp đi vào ngõ bí và con mụ hàng tôm hàng cá này cũng không phải tay vừa, tên công an dậm dại một câu:

- Chắc là con chị phải ác ôn lắm nên mới có đến hai huân chương.

Chị Tư cười ha hả:

- Nếu nói như anh vậy thì mấy đồng chí cao cấp của anh phải ác ôn gấp mấy chục lần thằng con

tôi. Bởi vì người nào người nấy chụp hình thấy đeo một ngực mè đai !

Rồi sực nhớ ra, chị Tư hỏi:

- À ! Chút xíu nữa quên mất. Anh muốn gặp tôi có chuyện gì không ?

Tên công an như nắm đờc cái phao, vội vã đổi giọng ra chiều thân mật:

- Chuyện này xin chị giữ kín cho. Người ta nói với tôi rằng Út Cón còn giấu vàng, không kê khai hết trong kỳ kiểm kê vừa rồi. Tôi cũng nghi như vậy bởi vì thấy anh ta... thế nào ấy.

Chị Tư nghiêm nghị:

- Chuyện này... Anh là chánh quyền, anh phải đi hỏi ảnh chứ sao lại hỏi tôi ?

Tên công an thấp giọng:

- Người ta nói với tôi rằng chị thân với Út Cón lắm. Tôi muốn nhờ chị nói với anh ấy một tiếng để anh ấy mang nạp cho Nhà Nước số vàng còn cất giấu. Tôi sẽ giữ kín chuyện này và sẽ không báo cáo lên cấp trên. Tôi muốn giải quyết như trong gia đình thôi. Chị hiểu không ?

Suy nghĩ một lúc, chị Tư trả lời:

- Thiệt tình với anh: tôi với Út Cón là bạn nhưng tôi chưa hề biết chuyện làm ăn trong nhà của anh ra làm sao hết. Và cũng không bao giờ chen vô. Nhưng tôi nhứt quyết với anh là Út Cón xưa nay không có gian xảo. Bà con ở đây ai cũng biết hết. Tánh ảnh lại hiền khô và... hơi nhát nữa. Chắc không dám làm chuyện động trời như anh nói đâu.

Chị Tư mỉm cười, nhớ lại hồi nhỏ lần đầu rủ Út Cón vào vườn sau chùa " ăn cắp nhãn", Út Cón khoát khoát tay từ chối mà mặt mày xanh dờn làm như đã bị bắt tại trận. Vậy mà đã mấy mươi năm... Tên công an đưa tay xem đồng hồ, rồi vừa bước ra cửa vừa nói:

- Tôi về đây. Xin chị giúp tôi và nhớ giữ kín chuyện này nhé.

Chị Tư làm thinh, nhìn theo tên công an, rồi sẵn đó nhìn sang nhà bên kia. Bên kia, chắc vừa ăn gì xong nên thấy chú Út đứng xĩa răng trước cửa tiệm.

Đợi tên công an đạp xe đi một lúc, chị Tư mới bước ra ngoài cửa ngoắc chú Út. Chú đứng đĩnh đi qua tay vẫn tiếp tục xĩa răng. Vào nhà, chú hỏi:

- Chuyện gì vậy bồ?

Chị Tư thấp giọng:

- Thằng cha công an nó nghi bồ còn giấu vàng đó.

Chú Út cười như mếu:

- Giấu khỉ gì. Hồi kiểm kê, họ nói nghe ngon lắm: cứ kê khai đầy đủ để làm tài liệu thống kê trong mỗi ngành nghề, chứ còn của ai nấy giữ để tiếp tục hành nghề như cũ, không có gì thay đổi. Vậy rồi... hốt hết của người ta ! Không còn tới một chỉ để làm thuốc, lấy gì mà giấu ?

Chị Tư suy nghĩ một lúc mới nói:

- Chắc có đờa nào đâm thọc gì đây. Gặp bọn này là thứ đa nghi nên dễ tin lắm. Bồ cũng nên coi chừng đó nghe ! Thời bây giờ không biết ai là ai hết. Thôi ! Bồ về đi, kéo tụi nó thấy, tụi nó nghi bồ qua... gởi vàng cho tôi giấu thì oan tôi lắm, nghe bồ.

Nói xong, cười hăng hắc làm chú Út đang rầu thúi ruột cũng bật cười theo. Làm như chẳng có gì phải quan tâm hết.

Tuần lễ sau, vào quá Ngọ sau khi tan chợ, công an đưa bộ đội tới xét nhà chú Út Cón. Xét kỹ đến nỗi giường chiếu tủ bàn cà ràng ông Táo, quần áo sách vở gì gì cũng lôi tung ra. Họ còn bắt thang treo lên nóc lật một số ngói trong lúc dưới đất một tốp khác cầm búa gỗ từng viên gạch, từng mảng tường. Thậm chí còn cạy mấy chục viên gạch và đào quật lên mấy thước đường cống.

Bên ngoài hàng xóm bu lại coi thật đông, kẻ nói vô người nói ra ồn ào không thua gì trận chiến ở bên trong. Chị Tư can thiệp mấy lần với tên công an nhưng anh ta làm như không biết chị Tư là ai . Mặt lạnh như tiền, anh ta chỉ huy cuộc khám xét giống như đang bươi một đồng rác. Cuối cùng, không tìm thấy gì hết, mặt anh ta còn lạnh... hơn tiền. Anh ta ra lệnh bắt chú Út dẫn đi, để lại người nhà thím Út và hai con gái gào khóc như đám ma và để lại căn nhà bây giờ thật sự giống như một đồng rác !

Chú Út bị giam trên tỉnh. Ở đâu, người nhà không được biết. Chỉ biết tin tức qua tên công an lúc này tới lui thường xuyên nhà thím Út, gọi là đến thăm viếng an ủi gia đình và giải thích đường lối chủ trương rõ rệt sáng suốt của Đảng và nhà Nước. Lâu lâu, thấy anh ta dẫn tới một vài anh bộ đội, ngồi lê la nói chuyện. Chị Tư để ý nhiều lần như vậy nên phân vân tự hỏi: Không biết cái thằng Trời đánh này nó muốn cái gì? Nhà tinh là đàn bà con gái không... .

Người ta bắt đầu xì xào bàn tán...

... Chiều hôm đó, tắm xong, chị Tư vừa chải tóc vừa bước lên nhà trên. Chợt nhìn thấy thiên hạ bu đông ở nhà chú Út và có tiếng khóc than trong đó. Chị bước ra cửa thì vừa gặp bà Năm Chia. Vội hỏi:

- Chuyện gì ở bên vậy thím Năm?

Bà Năm Chia nhìn chị Tư với cặp mắt đỏ hoe, nói bằng một giọng trống rỗng:

- Thằng Út chết rồi!

Chị Tư nghe choáng váng mày mặt, trời đất bỗng tối sầm lại. Chị ti người vào khuôn cửa, cái lược sừng rơi xuống đất. Mắt mở to, ráo hoảnh. Miệng há ra để thở, nhịp thở dồn dập như muốn bứt hơi. Làm như bên trong con người chị chẳng còn gì hết, chẳng giữ được gì hết. Và cũng không còn cảm giác gì hết...

Một lúc lâu sau, chị lảo đảo bước vào trong nhà, lần theo mép bộ ván mà đi, lần theo lu khạp mà đi, lần theo vách mà đi. Trong đầu loáng thoáng ý nghĩ phải tới một nơi nào đó kín đáo hơn là ngoài cửa, kín đáo hơn là trong nhà. Một nơi nào đó chẳng còn ai hết. Một nơi nào đó chẳng có gì hết. Một nơi nào đó chỉ có một mình mình. Một cái kẹt. Một cái hốc. Không biết để làm gì. Chỉ thấy cần làm như vậy, cần được như vậy. Chẳng có gì rõ rệt hết. Lơ mơ lơ mơ...

Cuối cùng, chị bước vào nhà tắm đóng cửa lại. Gài then xong, chị chỉ còn đủ sức dán lưng vào tường và cảm thấy hai chân mềm như bún. Thân chị tuột lần xuống đến khi đụng mặt gạch còn ướt nước tắm khi nãy. Chị ngồi bẹp ở đó mà nghe trong người có cái gì đang dồn căng lên cổ họng từng cơn làm chị đau thắt. Chị cố nuốt xuống, nhưng càng nuốt, cái gì đó càng dồn mạnh lên. Để rồi, chịu không nổi nữa, chị nấc lên mấy tiếng, gục đầu xuống mà nghe nước mắt tuôn ra như suối...

Lâu thật lâu sau, chị Tư đứng lên, vẫn để nguyên quần áo thọc gáo vào lu mức nước xối ào ào. Nước mát lạnh làm cho chị tỉnh hẳn. Chị lau mình thật chậm rãi, thay đồ cũng thật chậm rãi. Làm như để có thời gian lấy một quyết định. Xong chị qua nhà thím Út Cón.

Vừa thấy chị Tư bước vào, thím Út òa lên khóc:

- Tụi nó giết anh Út rồi, chị Tư ơi...

Chị Tư bước lại ôm thân hình mảnh khảnh của thím Út, tay vuốt vuốt lưng như đang dỗ về người em gái. Hai đứa con chú Út từ nhà sau chạy ra, vừa khóc vừa xà vào người chị:

- Cô Tư ơi...

Chị dang tay ôm hết ba mẹ con, ôm hết những gì còn lại của Út Cón. Không còn nước mắt để khóc nhưng còn đủ tỉnh táo để nhận thấy rằng từ đây, mình phải thay Út Cón để bảo vệ gia đình này mặc dù không ai gởi gắm hết.

Nửa khuya đêm đó, chị Tư trở dậy. Trong bóng tối, chị mò mẫm khoác áo bà ba đen máng sắn trên cây cột từ đầu hôm, cặp nách con dao phay quần trong cái bao bố nhỏ đặt sắn cạnh chân bộ ván gỗ, bước ra đóng nhẹ cửa lại. Bên ngoài, trời đầy sao. Gió sông nhẹ mát rượi. Chị bước đi tự nhiên, chẳng chậm rãi chẳng gấp rút. Giống như đi công chuyện bình thường. Ngoài đường, vắng teo. Mấy con chó hoang ngủ dưới dãy thớt thịt trong nhà lồng chợ góc đầu lên nhìn, sủa vu vơ mấy tiếng rồi lại nằm xuống. Chẳng có gì phải bận tâm.

Nhà thầy giáo Thái nằm xéo xéo trường tiểu học, Điểm đặc biệt ở đây là nhà bếp và sàn nước nằm ngay sân trước bởi vì ở đó có cái giếng. Thành ra hồi xưa vào giờ ra chơi, học trò hay chạy qua đó uống nước. Lâu lâu còn được thím giáo cho mấy cái bánh men vì thím làm bánh men bánh kẹp để bỏ mối ở xóm dưới đầu trên... Từ ngày công an dọn về đó, chẳng thấy đứa nào

chạy qua hết.

Chị Tư bước vào hàng ba, thấy trong nhà có ánh đèn. Nghĩ: Chắc thằng Trời đánh đó đang làm báo cáo. Không biết nó đang muốn hại ai nữa đây ? . Chị đưa tay gõ cửa. Có tiếng người hỏi:

- Ai đấy ?

Chị Tư trả lời như không trả lời:

- Tôi !

Nghe giọng đàn bà, tên công an yên chí:

- Chờ tí !

Có tiếng khóa lọc cọc rồi cánh cửa mở ra. Ánh đèn dầu từ bên trong hắt lên người chị Tư, tuy không sáng lắm nhưng vẫn thấy rõ nét trầm tĩnh tự nhiên trên gương mặt tròn trịa. Ở đó vừa hiện lên một nụ cười mà tên công an giàu tưởng tượng cho là đầy nhiệt tình cách mạng . Anh ta bước ra đảo mắt nhìn quanh rồi mới mời:

- Vào đi !

Tiếng đi vừa dứt là chị Tư đã bỏ con dao phay vào ngay giữa đầu, nhanh gọn và chính xác như chị bỏ cái đầu cá. Xong, chị bước vào thối tắt cây đèn dầu rồi ra sàn nước rửa ráy tay chân mình mẩy và con dao. Trước khi ra về chị nhìn lại hàng ba: trong bóng tối chị vẫn thấy được thằng Trời đánh nằm một đống, không nhúc nhích.

Hôm sau, cả làng đều biết tin tên công an bị chém. Vậy là bàn tán xôn xao... Nhờ mấy con chó bu lại giành giật ở hàng ba nhà thầy giáo Thái người ta mới để ý. Chớ không thì cầu tới trưa trời mới hay ... Thiên hạ đồn tại thằng chả lấy vợ người ta ... Ông Sáu Lịch dạy võ ở xóm Lò Heo quả quyết rằng thằng cha nào chém nhứt định phải có nghề. Chớ người thường thì sức mấy mà chém ngọt như vậy ... Ai mà giỏi vậy không biết ? ... Còn gan nữa chớ ! Chém cách mạng mà... . Có người vốn đã thù ghét sẵn trong lòng, buột miệng nói: Chớ phải là tôi, tôi chặt cha nó ra làm ba khúc cho nó đáng ! ...

Trong làng, chỉ có một người biết ai đã chém tên công an. Người đó là con Lia bán cá hồi trước cách mạng . Nhưng nó đã bỏ làng trốn mất ngay ngày hôm đó, bỏ lại mấy bộ đồ màu cỏ úa và cái nón cối. Chánh quyền nghi ngay cho nó. Vậy rồi họp hành liên miên để xem có phát hiện gì thêm không bởi vì tên phản động ác ôn do ngụy cài vào hàng ngũ của ta từ ngày cách mạng thành công, nhất định phải để lại nhiều dấu vết hay bẽ lũ của nó, ta cần phải nâng cao cảnh giác! . Trưa đó, nằm đong đưa trên võng, chị Tư suy nghĩ viễn vong rồi đưa bàn tay trái lên nhìn chiếc nhẫn bạc của Út Cón chạm trổ cho hồi đó, thuở Út Cón chưa vợ, thuở hai người còn thật bõ với nhau... Chị bồi hồi nhận thấy tiếng bõ quen thuộc, từ nay sẽ không còn dùng tới nữa. Tiếng bõ gọi nhau thuở nhỏ. Tiếng bõ nhe nhè êm êm của tuổi dậy thì. Tiếng bõ mang mẽng yêu thương giấu kín, về sau, khi chẳng thành duyên chẳng thành nợ. Và tiếng bõ già dặn, đậm đà của bây giờ, mới đây, trước khi Út Cón bị bắt. Tiếng bõ của mấy chục năm đó, còn ai để mà gọi, từ nay ? Chị bỗng thềm hát lại câu vọng cổ. Lần này, chị vô Bờ ơi... . Tiếng ơi bị ngen ngang. Chị ngừng ở đó một lúc để kèm xúc động. Rồi chị bắt trở lại, nhanh nhanh dồn dập chớ không ngân nga sợ trào lòng cất đôi câu hát: Bờ ơi ! Cái mối tình của em đối với bờ... nó tựa như trời cao biển rộng&...ư...sông...à ...dài . Tiếng dài không còn ngọt như xưa. Tiếng dài bị đứt khoảng. Giống như khúc đuôi còn nằm kẹt đầu trong lòng. Chị vói tay lên đầu võng rút cái khăn lông đắp vội lên mặt, bởi vì chị vừa nghe mí mắt mình mọng nước !

Từ đó chị Tư ù thôi ca vọng cổ.

Thằng đi mất biệt

Sáng nào, nếu trời không mưa, bà Hai cũng vắt cái khăn rằn lên vai, chụp cái nón lá đã tưa vành lên đầu, xách giỏ trà đi ra phía vòm rạch trèo lên mô đất cao, ngồi chồm hồm vừa nhai trà vừa

nhìn qua bên kia sông, nhìn miết.

Mô đất này, cách đây hơn ba mươi năm - hồi thời kháng chiến chống Tây – chính tay bà và đồng bào trong xóm đã đắp lên làm ụ súng cho du kích bắn tàu Tây chạy ngoài sông Cái. Hồi đó, mô đất cao lắm. Bây giờ nó đã mòn lằn nhưng vẫn còn đủ cao để bà Hai, dầu ở vị trí ngồi, vẫn nhìn thấu suốt qua bên kia sông. Bên kia sông là quận Gò Keo, ở đó có sở cao su của Năm Lượm, em út của bà. Bà còn nhớ rõ như in: “Hồi năm, thằng Lượm làm cặp-ràng trong sở cao su của thằng tây Mi-Sên. Kế đến tây rút đi – đâu hồi một ngàn chín trăm năm mấy gì đó - thằng Mi-Sên kêu bán rế lại cho thằng Lượm. Thằng hên! Nó bán đi phần ruộng ông già để lại cho nó rồi chạy thêm mớ nợ, mua trọn gói sở cao su! Vậy rồi nó giàu ngang, mới tức cười!”.

Thường thì kể đến đây bà Hai hay ngừng lại để rửa cục thuốc qua lại mấy lần rồi mới nói tiếp; “Bây coi! Hồi thời ông gì đó, chỉ có Út Lượm là sắm được chiếc ca-nô tổ chảng, chạy lên chạy xuống tỉnh hà rầm. Lâu lâu còn cho mấy ông lớn mượn đi bắn le le nữa! Hồi ông nhà tao còn sống, nó hay lái ca-nô qua đây nhậu với ông. Mẹ! Mỗi lần ca-nô nó vô tới đầu vàm rạch là nó hú còi nghe điếc con ráy, còn làm nổi sóng cho nước phồng lên bờ, bà con trong xóm ai cũng hay là có ông Út qua!”.

Bà thường ngừng ở đây để cười khịt khịt mà nghe sung sướng ở trong lòng, bởi vì trong ba thằng em trai, bà Hai thương thằng em út này nhất. Bà hay nói: “Thằng Lượm tuy ít học hơn hai anh của nó nhưng bụng dạ nó tốt lắm. Ăn ở có nhơn nên dân thợ trong sở cao su ai cũng thương. Hồi giàu lên rồi, nó cũng không quên ai hết. Như anh Ba của nó đi tập kết đâu tuốt ngoài Bắc viết thơ về gởi gắm hết người này tới người kia cho nó, vậy mà nó cũng lén nuôi đàn hoàng. Còn thằng anh Tư của nó theo bên vợ làm thầy giáo ở Cần Thơ muốn mở trường tư thực gì gì đó, nó cũng mang tiền xuống giúp. Thằng tốt!”.

Trong làng Bình Quới này ai cũng biết vụ bà Hai ngày ngày ra ngồi trên mô đất nhìn miết qua bên kia sông. Chuyện xảy ra sau “giải phóng”, từ ngày người con trai út của bà, tên Trục, ở Sài Gòn về thăm bà và để cho hay là vợ con của Trục đã theo tàu hải quân di tản rồi, còn Trục thì phải lo khai báo với chánh quyền mới để có giấy tờ hợp lệ bởi vì Trục là sĩ quan của chế độ cũ. Trục nói: “Chừng có giấy tờ, con về đây ở với má. Chắc chừng vài ba bữa nữa tháng, hà!”. Nghe vậy, bà Hai rất vui, tèm trầu ăn liền liền! Bà nói: “Tao chỉ có hai thằng con, mà Trời thương, thằng nào cũng được hết. Thằng Cang - thằng lớn - đi lính quốc gia. Nghe nói nó đánh giặc gan lì. Vậy mà không bao giờ nó nói động tới thằng cậu Ba nó ở ngoài kia. Còn thằng Trục - thằng út – thì thông minh học giỏi, vậy mà sau khi anh hai nó chết trận ở Công-tum Công-tiết gì đó, nó đang học đại học cũng bỏ học đi lính nói để trả thù cho thằng anh!”.

Bà hay ngừng một chút rồi mới nói tiếp, như để kết một câu chuyện: “Bây giờ thì hết giặc rồi. Vài bữa thằng Trục về đây, tao sẽ chỉ nó lo chăm sóc cây trái vườn tược thế cho con Tư để con nhỏ còn đi lấy chồng chớ!”. Nói như vậy bởi vì mấy năm gần đây, từ ngày ông Hai nằm xuống, bà Hai hay ngã bệnh bất thường nên người em bà con ở bên quận gởi đưa con gái là cô Tư – ba mươi tuổi, chưa chồng – qua ở với bà để lo cơm nước vườn tược v... Cô Tư kêu bà bằng Dì.

Sau khi Trục trở về Sài Gòn, một hôm, đồ ngang từ bên quận Gò Keo qua làng Bình Quới ngừng lại trước nhà bà Hai thả xuống một ông già lưng mang ba-lô, óm nhóm đen thui đầu bạc trắng. Người lái đồ chỉ tay nói lớn: “Ông đi thẳng vô trong, cái nhà gạch nền đúc đó, đó!”. Nghe lao xao, cô Tư nói: “Dì Hai! Dì Hai! Có ai kia!”. Bà Hai nheo mắt nhìn: má bên trái của ông già có một nút ruồi với một sợi râu lẳng quăng. Bà rút nước mắt: “Mày còn sống hả Ba?”. Vậy là hai chị em gặp lại nhau, vẫn nhìn ra được nhau sau hơn hai mươi năm xa cách! Út Lượm hay tin cũng xách ca-nô chạy qua thăm anh Ba, tủi tủi mừng mừng. Cô Tư dầu chưa biết “Cậu Ba” là ai nhưng trước cảnh gặp nhau đó, cô cũng nghe xúc động nước mắt chảy quanh... Sau đó, để hàn huyên cho

đã, nên ông Ba dự trù ở lại chơi thêm năm bảy hôm.

Bữa nọ lối mười giờ sáng, có tiếng ca-nô chạy xộc vô rạch. Thằng Kiên, con Út Lượm, u vào nhà, vừa thở vừa nói: “Con qua rước bác Ba về can thiệp gấp vụ này: họ đang kiểm kê để tịch thu sở cao su ở bến đó!”. Ông Ba cười: “Bây làm gì như Mỹ bỏ bom vậy?”. Rồi quay qua bà Hai: “Chị để em qua bến một chút. Em nói mấy tiếng rồi về, hà! Biểu con Tư nó nấu cho em miếng cháo gà ăn chơi!”. Rồi ông xuống ca-nô qua quận. Bà Hai ở nhà đợi em. Càng lúc càng trưa, rồi đứng bóng, rồi xế bóng. Chừng đó mới thấy một chiếc xuồng nhỏ, với tiếng giãm khua nước lách chách, đâm đầu vào chân cầu thủy tạ trước nhà, ông Ba lò dò bước lên. Bà Hai và cô Tư chạy ra bưng bả: “Ủa! Sao vậy cậu Ba? Còn ca-nô đâu?”. Ông Ba lắc đầu: “Tụi nó kiểm kê luôn rồi!”. Bà Hai thở hắt ra: “Còn thằng Út!”. Ông Ba cười như mếu: “Nhờ nó có công nuôi cách mạng nên mấy đồng chí đó giữ nó lại làm trong tổ kế hoạch, làm tổ viên thôi nhưng cũng có lương”. Bà Hai phun cốt trầu nghe cái phẹt: “Hứ! Đồng chí với đồng rận! Lương với lậu!”. Bà ngừng ở đó, nhai miếng trầu trong miệng như nhai cái tức ở trong lòng. Một lúc, bà mới nói: “Tao tưởng mày đi theo tụi nó mấy chục năm để làm được cái giống gì, té ra mày cũng trớt quơ cũng bạch tuộc như mấy thằng cô hồn trôi sông lạc chợ chớ có hơn gì đâu? Hỏi chớ mày đi theo tụi nó chi lâu vậy?”. Ông Ba đốt điếu thuốc rồi ngồi bập liên miên, làm như khói thuốc có thể che cho ông đỡ ê mặt! Bà Hai xĩa cục thuốc qua lại, ấn mạnh vô răng như muốn kỳ cọ cho cái “lớp tức” nó bong ra! Một lúc sau, bà nói với cô Tư, giọng thật trầm tĩnh: “Tư! Mày đẩy xuồng trong xẻo ra đưa cậu Ba qua sông, đi!”. Cô Tư nhìn bà, ngạc nhiên. Nhưng người ngạc nhiên nhất là ông Ba. Ông nuốt nước miếng rồi mới nói được: “Bộ chị đuổi em hả chị Hai?”. Bà Hai tăng háng: “Tôi đâu có đuổi! Ai mà dám đuổi cách mạng! Tôi... mời cậu ra khỏi nhà, chớ ở lại đây, thiên hạ cười tôi thúi mặt sao cậu?”. Ngần ngừ một chút như định nói gì, nhưng rồi ông Ba lẳng lẳng xách ba-lô cuối đầu đi thẳng ra bờ rạch, bước xuống xuồng mà nghe như trời đất ngã nghiêng, chao đảo....

Thằng em đi rồi, bà Hai như người mất hồn. Tối ngày làm thình, ngồi bó gối trên bộ ván nhỏ kê ngoài hàng hiên, vừa ăn trầu liên miên vừa nhìn đăm đăm ra phía rạch như đợi như chờ cái gì. Thấy kỳ, cô Tư hỏi: “Bộ đợi ai sao dì Hai?”. Một lúc, bà mới trả lời: “Tao đợi thằng Trục!”. Nó nói nó đi năm ba bữa gì đó là về. Vậy mà đã hơn con trăng rồi sao hồng thấy bóng dáng gì hết’. Rồi bà làm bầm: “Thằng! Đi mất biệt!”. Cô Tư nói: “Con nghe nói...”. Rồi ngừng ngang. Cô định nói là cô có nghe nói sĩ quan chế độ cũ đều bị đi cải tạo, chắc giống như đi ở tù... nhưng cô sợ dì Hai hét hồn nên cô bỏ lửng câu nói. Trong nhà, ngoài cô Tư ra, ông Út Lượm – lúc này lâu lâu chèo xuồng qua thăm chị Hai – cũng biết vụ “cải tạo” nhưng ông không dám nói cho bà chị biết. Vì vậy, bà Hai cứ ngày ngày ngồi đợi thằng con. Và trách: “Thằng đi mất biệt!”.

Mới đầu, bà còn ngồi chờ trên bộ ván hàng hiên. Thời gian sau, khi trời nắng ráo, bà hay đi tuốt ra ngoài vòm rạch lên ngồi trên mô đất để có thể nhìn thẳng qua bên kia sông. Như vậy, “khi nào thằng nhỏ nó về, mình thấy nó từ đằng xa, nó có đi đò, trong đám đông mình cũng nhìn ra được nó liền hà!”.

Vậy rồi ngày ngày bà ra ngồi trên mô đất, như một pho tượng. Thiên hạ trong làng đi ghe đi xuồng ngang qua, có hỏi thì bà trả lời, lúc nào cũng chỉ có một câu: “Ờ... Tao đợi thằng đi mất biệt!”. Không ai ngừng lại để hỏi tiếp coi “Thằng đi mất biệt” là ai? Riết rồi thành quen nên lâu lâu nghe có người chèo ngang qua hỏi cho lấy có: “Đợi thằng đi mất biệt hả bà Hai?”. Rồi đi tuốt...

Cái mô đất bà ngồi, bây giờ lảng cón. Cỏ dại chỉ mọc cao ở dưới chân, bao quanh giống như một hàng rào. Người mẹ đợi con đó ngã bệnh rồi chết, hai năm sau. Bà nhắm mắt mà trong lòng chắc vẫn trách thằng con sao đi mất biệt. Lúc hấp hối, bà Hai còn rán thều thào: “Bây chôn tao ở đâu vòm cho tao thấy thằng Trục trở về...”.

“Thằng đi mất biệt” được thả về sáu năm sau, nhờ học tập tốt. Đi đón Trực ở bến xe đò quận Gò Keo là ông Ba và ông Út. Ông Út, vì rầu sự nghiệp nên già khú, vẫn là công nhân nhà máy cao su. Ông Ba về thọ tang bà Hai rồi ở lại luôn Bình Quới để giữ “đất đai ông bà” kẻo “mấy thằng ác ôn nó quen thói côn đồ đớp hết của người ta”, ông nói như vậy! Bây giờ, ông Ba hay cười gằn, cầm cây rựa quơ quơ: “Tụi nó có muốn vô nhà này phải bước qua xác của tao, nè!”.

Hai ông đưa Trực ra đầu vòm thăm mả bà Hai nằm cách mộ đất không xa. Sau khi thắp nhang vái lạy, ông Ba kể cho Trực nghe chuyện bà Hai ngày ngày ra ngồi trên mộ đất để trông “thằng đi mất biệt”. Trực ngồi thụp xuống, úp mặt vào hai tay khóc ngất.

Ông Ba chấp tay nói như nói trước mặt người chị: “Chị Hai ơi! Thằng đi mất biệt của chị, nó về rồi nè!”. Bỗng, mặt ông nhăn nhúm lại, giọng ông cao lên: “Mà... thằng Trực đâu phải là thằng đi mất biệt đâu, chị Hai!”. Rồi ông nấc lên, vừa đấm vào ngực vừa la lớn: “Em mới là thằng đi mất biệt đây, chị Hai à!”. Ông quì xuống ôm lấy mộ bia, gục đầu lên đó, nức nở. Cái đầu tóc trắng lác qua lác lại, nói lên tâm tư của một người không tìm ra đáp số cho bài toán khó.

Ông Út khom xuống, đặt tay lên vai anh bóp nhẹ: “Anh Ba à! Anh nói được như vậy là anh đã thấy con đường về rồi đó, anh Ba!”.

Đá mòn nhưng dạ chẳng mòn

Vợ chồng tôi dọn về ở trong cái làng nhỏ này đã hơn ba tháng. Mấy đứa con của chúng tôi nói : ở Ba má già rồi mà ở trong Paris đâu có tốt. Nội cái không khí ô nhiễm cũng đủ làm cho ba má bệnh lên bệnh xuống hoài ử. Vậy là chúng nó kiếm mua một cái nhà ở xa Paris . . .

Nhà có đất chung quanh, có mấy cây pomme, mấy cây cerise. Hòi dọn về là đầu mùa xuân , mấy cây đó trở bông màu hường màu trắng đầy cành. Ở mấy nhà hàng xóm cũng vậy, hoa nở rộ hầu như cùng một lúc, nên trông thật là đẹp mắt.

Biết là mùa xuân nhờ hoa nở và chồi non, chớ thật ra thời tiết ở Pháp mấy năm gần đây đi . . . trật lất. Mùa xuân mà cứ tưởng như mùa thu, cứ mưa lất phất rồi hết mưa là trời đổ sương mù. Cứ như vậy kéo dài đến bây giờ, theo trong lịch, là đã đầu mùa hè mà vẫn còn nghe lành lạnh !

Hôm nay tự nhiên trời bỗng trở nắng. Nắng thật ám, thật trong. Người ta vội vã mang đồ ra phơi đầy sân : quần áo, drap, mền . . . Đủ màu sắc, đủ cỡ, coi vui nhộn như một ngày lễ !

Tôi cũng thấy phấn khởi, bèn rủ nhà tôi đi chơi một vòng. Bởi vì từ ngày dọn về đây, ngoại trừ những lúc phải ‘xet’ ra tiệm thịt, lò bánh mì, hàng rau cái v.v. . . chúng tôi cứ ru rú ở trong nhà vì thời tiết xấu. Nhà tôi không chịu đi, nên tôi đi mình ên . . .

Làng này tuy nhỏ nhưng ngăn nắp, sạch sẽ. Ở đâu cũng thấy trồng bông : dọc theo vỉa hè, ở các ngã ba ngã tư, mặt tiền nhà phố . . . Giữa làng là một nhà thờ nhỏ nằm trên một vuông đất cao hơn mặt đường gần một mét, cũng trồng đầy bông.

Chạy ngang qua làng là một con suối nhỏ, rộng độ mười thước, chui dưới cây cầu đá rồi uốn khúc quanh quanh trước khi rời làng xuôi về phía dưới. Hai bên bờ suối là hai con đường tráng xi-măng chạy dọc theo hai hàng cây. Rải rác, có mấy băng gỗ đóng thô sơ, nhưng vẫn nằm giữa những lùm bông đầy màu sắc. Có nơi, không hiểu sao người ta đặt băng gỗ nằm cạnh bờ nước giống như làm chỗ ngồi cho người đi câu !

Tôi ngồi xuống một cái băng cạnh bờ nước. Vì không nằm dưới tàn cây nên ở đó đầy nắng. Tôi đốt điếu thuốc rồi nhìn quanh : chẳng có ai hết. Nhớ lại, dân trong làng chỉ đổ ra đường vào ngày chủ nhật, bởi vì ngày đó nhóm chợ lộ thiên và lại là ngày phải đi Lễ nhà thờ. Còn ngày thường thì chỉ có mấy ông già bà già đi khệnh khạng trên hè phố hay dọc bờ suối khi nào trời tốt. Hôm nay, trời tốt đó chớ, nhưng sao chẳng thấy ai đi. Tự nhiên, tôi cảm thấy bơ vơ lạc lõng . . . Lại nhìn quanh, chỉ thấy xa dưới kia là gác chuông nhà thờ một mình đứng cao lêu nghêu !

Con suối không sâu, nước trong nhìn thấy đáy. Dòng nước chảy nhanh nhanh. Khi gặp mấy tảng đá lớn, nước bắn lên trắng xóa coi thật sinh động, nhìn không chán.

Lòng suối đầy đá cuội tròn tròn. Cũng có những cục đá to nhưng chẳng có viên đá nào còn góc cạnh. Viên nào cũng nhẵn thín.

Nhìn nước chảy, nhìn đá mòn, tôi bỗng nhớ đến hai câu chót của bài học thuộc lòng thuở nhỏ :

Đá mòn nhưng dạ chẳng mòn,
Tào Khê nước chảy vẫn còn trở trở . . .

Hai câu thơ đó không có gì hết, vậy mà nó làm tôi ứa nước mắt ! Không phải nó chỉ nhắc tôi thời thơ ấu, thuở học vui học buồn bằng quyển ỡ Quốc Văn Giáo Khoa Thư, mà nó còn nhắc tôi một cái gì sâu đậm hơn là kỷ niệm, một cái gì to rộng mênh mông hơn là không gian thời gian, một cái gì mà trong cuộc đời lưu vong này tôi vẫn mang mệnh trong tâm tư, giống như một chất ma túy : nó nhắc tôi quê hương, cái quê hương xa cách ngàn trùng !

Tính ra, tôi bỏ xứ ra đi đã hơn hai mươi bốn năm. Một phần tư thế kỷ ! Trời nổi đó đây với nhiều âu lo dằn vặt, thêm tuổi đời cứ chồng chất mãi lên. . . nên ký ức bị xói mòn theo năm tháng. Đến nỗi chuyện gì xảy ra hôm tuần rồi, hôm tháng trước. . . có khi không nhớ ! Vậy mà hình ảnh của quê hương vẫn còn nằm nguyên đâu đó ở trong lòng, với những kỷ niệm vụn vặt của năm sáu chục năm về trước ! Chỉ cần một chút xúc tác là nó bật lên rõ rệt, không thiếu một chi tiết, làm như mình đang sống trong đó mới hôm qua hôm kia. . . Tình yêu quê hương sao mà kỳ diệu như vậy được ?

Nơi tôi sanh trưởng cũng là một cái làng nho nhỏ. Nó không ngăn nắp sạch sẽ, không được trang hoàng bằng những bông hoa đầy màu sắc như ở đây. Cũng không có con suối nhỏ chảy ngang để hai bờ được nối với nhau bằng cây cầu đá. . .

Làng tôi nằm bên tả ngạn một con sông lớn, quá lớn nên thấy cái làng như nhỏ xíu ! Con sông đó có cái tên chẳng chút gì ‘văn chương’ : sông Vàm Cỏ. Trong làng chỉ có một con đường tráng nhựa : đó là đường liên tỉnh, cũng còn được gọi là ‘con lộ cái’ nối xóm trên xóm dưới. Ngoài ra, toàn là đường đất mà tiền thân của chúng nó là những con đường mòn, nối xóm Nhà Máy, xóm Lò Heo qua xóm Lò Gạch, xóm Chùa ... Cho nên những con đường trong làng đều chạy cong cong quanh quanh !

Làng tôi cũng có chợ nhà lồng, ngày nào cũng nhóm, nhưng chỉ nhóm có buổi sáng. Nằm cạnh chợ là ‘Nhà Việc’, nơi . . . làm việc của những ‘nhà chức trách’ trong làng. Xế xế về phía con lộ cái là trường tiểu học với hàng rào cây bông búp, lá xanh um láng mượt.

Làng tôi không có nhà thờ nhưng có một ‘kiếng’ chùa nằm trên một khu đất cao, có rào tre xanh chung quanh. Hồi tôi còn nhỏ, thấy cũng nằm xa dân chúng, vắng vẻ u tịch (hồi đó, tôi ít dám đi ngang qua đó một mình vì . . . sợ ma !) Về sau, dân chúng càng ngày càng đông, nhà cửa cứ

xây cất tiếp nối nhau kéo dài ra hướng chùa, rồi 'đi' xa hơn về phía con lộ cái. Vì vậy, chùa bị lọt trùm giữa khu nhà dân, không còn biệt lập như trước.

Nhà cửa trong làng nhỏ lớn gì cũng có hàng rào. Phần nhiều là hàng rào cây xương rồng và cây bông bụt (cũng gọi là bông lồng đèn) Xương rồng cũng trở bông lai rai, hoa trắng nõn nà mỏng manh như lụa, khác hẳn với thân cây mang đầy gai góc ! Còn bông bụt thì cứ nở thè lè đổ cây.

Đó ! Làng tôi đó ! Quê tôi ! Chẳng chút màu mè. Vậy mà sao tôi vẫn thương.

. . .Thương những con đường đất mà hai bên là bờ cỏ may. Đến mùa, cọng cỏ may đưa bông lên tua tủa tím ngắt, chỉ chực bám đầy ống quần nào bất chợt đi ngang.

. . .Thương những đoạn đường quắn, mùa mưa nước ngập phải xắn quần tét áo để đi qua, trong lúc trẻ con một lũ ở trường nằm lăn chập chững, tóe nước nhau cười vui như hội.

. . .Thương bờ sông Vàm Cỏ với những cây dừa trồng không thẳng hàng, cũng không chia đều khoảng cách, giống như 'mạnh ai nấy trồng' ! Mấy cây dừa đó, nằm quá gần bờ nước nên rất nhiều cây thiếu đất để giữ gốc, chúng nằm dài ra phía sông cách mặt nước độ một đôi thước rồi uốn mình đưa ngọn đứng thẳng lên cao. Vậy mà cũng đơm bông kết trái ! Trẻ con thường trèo lên đó để phóng xuống nước nô đùa lạng lạp, và dân ở dọc bờ sông hay đem mền chiếu ra vắt lên đó để phơi.

. . .Thương con đường lên chùa có hai bờ tre xanh là ngọn giao nhau làm cho con đường giống như một cái hang mát rượi. Ở đó, mỗi trưa đứng bóng, những người dọn hàng từ chợ về nhà thường dừng chân núp nắng, và chiều chiều đường vắng cũng thấy thẩn thơ một cặp gái trai . . .

. . .Thương cả cây phượng nằm bên bờ đường trước nhà ông Cả. Thân nó to bằng ba người ôm, gốc rễ lẩn lộn ra mặt đường. Ai đi qua cũng phải bước vòng để tránh ! Đó là cây phượng độc nhứt ở trong làng. Không biết ai trồng và tại sao lại trồng ở đó ? Chỉ biết hằng năm vào mùa thi là cây trở hoa đỏ trời. Sau đó là hoa rụng đỏ đất.

. . .Và còn thương nhiều thứ nữa, kể biết bao giờ cho hết !

Nhà tôi ở trong Xóm Mới. Gia đình tôi nghèo. Cha tôi trồng rau cải, mẹ tôi hằng ngày gánh xôi ra ngồi bán ngoài chợ. Cha mẹ tôi chỉ có hai đứa con trai : tôi và thằng Cu, nhỏ hơn tôi sáu tuổi. Cha tôi chết bệnh hồi mẹ tôi sanh thằng Cu . . .

. . .Nhớ hoài, thời tôi học tiểu học. Sáng nào, sau khi húp tô cháo với miếng đường thẻ, tôi ôm cặp đựng sách vở mà ông nội tôi làm bằng giấy dầu để khỏi bị ướt nước mưa, đi theo mẹ tôi ra chợ. Vì phải đem thằng Cu theo - lúc đó nó được hơn hai tuổi - mẹ để nó ngồi trong một cái thúng, giống ở đầu đòn gánh phía trước, còn lá chuối, xôi, nhơn, dừa nạo v.v... vòn trong một thúng giống ở đầu sau. Mẹ gánh như vậy mà bước chân đi sai sai. Đòn gánh nhún lên nhún xuống làm thằng Cu khoái lăm. Lâu lâu, mẹ đổi vai, đầu đòn gánh nhún xuống hơi sâu và tưng lên hơi cao làm anh ta cười hắc hắc để lòi bốn cái răng cửa nhỏ xíu. Những lúc đó, anh ta thường gọi tôi để khoe : 'Hai ! Hai ! Coi nè ! Coi nè !'.

Tôi học chỉ có buổi sáng. Mẹ tôi bán ở chợ cũng vậy. Trưa, chợ tan sớm hơn trường học, mẹ gánh thằng Cu đến ngồi đợi tôi dưới cây trướng cá gần cổng trường. Thấy tôi ra, thằng Cu đứng lên, vừa nhảy tưng tưng trong cái thúng vừa la : 'Hai ! Hai !'. Anh ta ở trường - lúc nào cũng ở trường - bên trên bận áo bà ba vải đen của bà nội may cho, đầu đội cái nón hình chóp bằng lá chuối mẹ xếp rồi ghim bằng cọng chân nhạn . . . Mẹ đưa tôi gói xôi (đã thành lệ, ngày nào mẹ cũng chừa cho tôi một gói) tôi ngồi xôm cạnh mẹ, vừa ăn vừa đút cho thằng Cu. Ăn xong, tôi chạy qua bên kia đường xin một gáo nước ở nhà thầy giáo Hiền, rồi mang cho ba mẹ con uống (vì trong trường chỉ có một lu nước, không đủ cho đám học trò nên thầy Hiền đặt trước nhà thêm một lu. Vào giờ ra chơi, học trò bu qua đó đông như kiến) Uống xong, mẹ gánh thằng Cu bước đi thông thả, tôi lon ton chạy theo song song . . .

Hồi đó, vì phải chạy lúp xúp nên có lần tôi nhìn xuống bước chân của mẹ, coi mẹ đi cách nào mà mình cứ phải chạy theo lúp xúp ! Mẹ đâu có bước lẹ, mẹ bước đều. Mẹ đi chân không, mỗi bước chân của mẹ giậm xuống làm tung lên một chút bụi đường. Tôi nhìn chỉ thấy có như vậy. Bây giờ, hơn sáu chục năm sau, ngồi ở trời Tây này, tôi đâu cần nhìn mà sao vẫn thấy được - thấy rõ - hai bàn chân của mẹ. Hai bàn chân to bè ngang, mấy ngón chân chề bè không bao giờ xếp lại được. Hai bàn chân xấu xí đó chưa từng đựng tới đôi giày đôi dép. Hai bàn chân chỉ biết có đôi guốc dong khi rửa chân đi ngủ, hay khi đi dự đám giỗ, đám tang . . . Hai bàn chân đó đã bám lấy đất để đứng vững một mình nuôi hai thằng con, hỏi sao không chề bè cục mịch cho được ?

Tôi đốt điếu thuốc, thổi một hơi khói dài. Lại nhớ hồi học lớp nhứt, có hôm tôi bắt chước bạn bè lên hút thuốc. Mẹ tôi thấy được, lôi tôi vào nhà bắt đứng khoanh tay để 'hỏi tội' : 'Hai ! Ai cho mày hút thuốc, hả ? Ai dạy mày hút thuốc, hả ? Mày bắt chước ai, nói tao nghe coi ? Mới có bây lớn đó mà bày đặt hút thuốc !'. Rồi mẹ chụp cây chổi chà dựng gần đó : 'Tao phải đánh mày cho mày chữa'. Mẹ vừa nói 'Chữa nè !' vừa đập cây chổi lên đít tôi thật mạnh. Cứ mỗi một câu 'Chữa nè !' là một phát chổi. Mẹ đánh một lúc rồi liệng cây chổi, trèo lên bộ ván, ngồi co chân, rút cái khăn rằn đắp lên mặt khóc. Tôi đứng chết điếng, nghe mồ hôi chảy dài theo xương sống, không thấy đau ở đít mà đau ở đâu trong lòng. Bởi vì đó là lần đầu tiên tôi làm cho mẹ tôi khóc. Tôi mếu máo, rặn ra mấy tiếng : 'Dạ . . . con xin chữa . . .'

Vậy mà lớn lên, khi ra đời, tôi đã . . . không chữa ! Tôi tập tành hút thuốc hồi tôi đi lính, bởi vì 'ở tiền đồn trời khuya đêm lạnh, ta chia nhau điếu thuốc ấm lòng'. . . Mỗi lần về phép, chẳng bao giờ tôi dám hút ở nhà vì trận đòn chổi chà thuở nhỏ vẫn còn đeo theo ám ảnh ! Tôi hút ngoài đường . . .

Một hôm, đang đứng hút thuốc với mấy thằng bạn cùng xóm, bắt thần mẹ tôi đi qua. Tôi vội vã liệng điếu thuốc xuống đất. Mẹ tôi dừng lại, mỉm cười : 'Mày làm cái gì vậy, Hai ? Mày lớn rồi chớ bộ còn con nít sao. Bây giờ, mày có hút thuốc, tao cũng đâu có bắt mày chữa !' Rồi bỏ đi một nước !

Mẹ tôi như vậy đó. Quê mùa mộc mạc như làng của tôi, vậy mà tôi vẫn thương. Tôi thương, đâu cần mẹ tôi phải đẹp, quê hương tôi phải sang. Tôi thương, vì tất cả đều gắn liền với tôi từ thuở tôi ra chào đời. Tôi đã quen thờ, quen sống trong vòng tay của mẹ, giữa lòng quê hương ; đã lớn lên trong cái thật thà chân chất đó. Cho nên hình ảnh của mẹ, của quê hương đã ghi sâu vào lòng tôi đến độ khi thiếu vắng, tôi thương tôi nhớ. Và tình thương đó vẫn chưa thấy mòn, mặc dầu bây giờ tôi đã ngoài bảy mươi . . .

Mặt trời đã lên cao. Thấy có vài người hứng nắng bên bờ suối. Tôi đứng lên đi về nhà mà miên man nghĩ : 'Những hình ảnh mà mình vừa gọi lại khi nãy sao mà dễ thương như vậy. Mình phải viết ra để cho nó có chỗ đứng bên ngoài ký ức, cho các con các cháu của mình thấy và hiểu tại sao hơn hai mươi bốn năm sống trên đất Pháp, cha và ông của chúng nó không nói 'thương nước Pháp' mà cứ nhắc hoài người mẹ đi chân đất và cái làng quê mùa không có đến hai con đường tráng nhựa !'

Vào nhà, tôi đi thẳng lại bàn viết. Vợ tôi chắc đang nấu bếp nên nghe phát ra thơm phức mùi thịt kho tiêu. Tôi lấy xấp giấy trắng, không cần đốt điếu thuốc, không cần hớp mấy ngụm nước trà để trợ hứng. Bởi vì cái hứng đang ở ngay trong tôi, căng đầy . . .

Tôi cầm bút nắn nót viết cái tựa bằng chữ hoa : 'Đá mòn nhưng dạ chẳng mòn' . . .

Phụ đính:



Nhà sàn ven rạch
Tranh Võ Hoài Nam

Cái loa

Nhà ông Năm ở vùng Cây Quéo, trong một đường đất nhỏ quanh co không ăn thông qua con đường nào khác. Trong cái ngõ cụt đó chỉ có sáu bảy cái nhà cất theo kiểu xưa, kèo cột gỗ, ngói âm dương. Một vài nhà cũng đã được “tân trang” với mặt tiền đúc bê-tông cần gạch màu... Đặc biệt là nhà nào cũng có đất chung quanh đầy cây kiểng và cây ăn trái. Cho nên, tuy ở sát vách thành phố mà thấy như ở đâu trong xa miệt vườn vậy ! Và thật là yên tĩnh.

Nhà ông Năm có nhiều cây vú sữa. Giống vú sữa này màu tím, chỉ to bằng nắm tay, nhưng giòn và ngọt lịm. Bà Năm trồng vú sữa một thời với những cây ăn trái khác, hồi mới mua nhà đất. Sau này, vú sữa lại là nguồn huê lợi của ông bà Năm, bởi vì năm nào trái cũng sai quăn. Bận hàng ngoài chợ Bà Chiểu thường hay vào đây “mua mả cả vườn” khi cây vừa mới trở bông...

Cây vú sữa lớn nhứt nằm gần hàng rào phía trước, cành gié ra ngoài. Những cành này lại ít trái. Có lẽ tại vì ngoài đường gió nhiều nên làm rụng bớt bông. Đến mùa vú sữa, trẻ con trong xóm hay tới đó thọc vú sữa, nhưng chúng có xin phép đàng hoàng và không bao giờ làm ồn. Chúng có... “tư cách” như vậy là nhờ lời dặn dò của trẻ con những thế hệ trước: “Đừng ăn cắp ! Ông Năm không ưa đâu. Ông kêu lính bắt chết. Cứ xin là ổng cho hà. Mà cũng đừng làm ồn, ổng ghét lắm !”. Rồi cứ như vậy, trẻ con thế hệ này truyền cho trẻ con thế hệ sau... vv từ không biết bao nhiêu năm, đã thành nếp. Cho nên, khi vú sữa chín tới là hằng ngày nghe giọng trẻ con “đánh tiếng” từ ngoài rào: “Dạ thưa ông Năm cho tụi con xin vài trái vú sữa, ngen”. Có khi nghe tiếng ông Năm “Ừa” vói ra ngoài. Nhưng thông thường, sau khi xin phép như vậy rồi là chúng yên tâm thọc vú sữa. Và ngầm hiểu “Ổng làm thỉnh là ổng ừa đó !”.

Một hôm, ăn trộm chuyền theo mấy cành vú sữa vào nhà ông Năm. Thời may, người nhà hay kịp nên nó đu người phóng ra ngoài tẩu thoát. Sau lần đó, các con ông Năm định cưa hết mấy cành gié ra ngoài, nhưng ông Năm không chịu. Ông nói: “Má tụi bây trồng mấy chục năm mới được như vậy. Cưa chi uống. Để đó qua mùa tới cho mấy đứa nhỏ trong xóm nó ăn, nó vui !”. Rồi ông giải quyết vấn đề: “Sợ trộm vô thì tụi bây kéo kẽm gai chằng chịt trên đó, tía thằng nào mà dám trèo ?”. Nhờ vậy, trẻ con trong xóm vẫn được ăn dài dài mỗi mùa vú sữa.

... Tháng tư 1975. Trong bầu không khí hỗn loạn của miền Nam, mấy đứa con ông Năm kéo hết gia đình về tá túc ở nhà ổng để cùng nghe ngóng, bàn tính. Cuối cùng là quyết định di tản. Ông Năm không chịu đi.

- Tao già rồi. Năm nay tám mươi chớ ít đâu. Đi đứng phải chống gậy mà tụi bây biểu tao đi tản cái nỗi gì ? Mà cho dầu tao còn sức, tao cũng không đi đâu hết. Nhà cửa đất đai này là của mồ hôi nước mắt của má tụi bây và của tao, bỏ sao được. Còn mồ mả của má tụi bây ở Gò Vấp, ai coi ? Thôi ! Tụi bây đi, đi ! Đừng lo cho tao !

Vậy là ông Năm ở lại với đứa cháu gái gọi ông bằng ông chú. Cô này - năm nay trên ba mươi, chưa có chồng – ở dưới quê lên giúp việc cho ông, “coi trong coi ngoài”, từ ngày bà Năm mất phần, nghĩa là đã bốn năm năm...

Trong lúc bên ngoài đường lớn thiên hạ chạy rần rần, nhón nha nhón nháo, ông Năm vẫn bình thản nằm trên võng đọc sách, hút thuốc, uống trà. Lâu lâu, chống gậy ra vườn sấm soi mấy chậu kiểng, bắt sâu, tỉa nhánh. Xem rất ung dung nhàn hạ !

Thấy cô cháu gái cứ “chạy ra chạy vào”, ông cười:

- Mày làm cái gì mà như gà mắc đẻ vậy, Hai ?

- rời ơi... Người ta nói Việt Cộng nó vô tội rồi mà ông biểu con không lo sao được ?

- Lo cái gì ? Người ta có chức tước, có vòng vàng, có tài sản to, có cơ sở lớn... mới sợ tụi nó vô nó giết nó lấy. Chớ... cái thứ dân quên như tao với mày thì có khi gì cho tụi nó lấy ?

- Dạ mà sao con cũng hồi hộp quá hà !

- Cái mà mày phải lo là coi gạo nước ở nhà còn đầy đủ không.

- Dạ đồ dự trữ mấy cô chú mang lại đây để đầy nhà. Ông với con ăn cả mấy tháng mới hết !

- Ờ ! Vậy là yên tâm một phần. Bởi vì mình không biết cái vụ này nó kéo dài tới bao lâu đây !

“Cái vụ này”, mà ông Năm nói, chỉ kéo dài có mười hôm rồi chấm dứt vào ngày 30 tháng tư...

Tiếp theo đó là kiểm kê – kiểm kê đủ thứ - là khai báo – khai báo cũng... đủ thứ (biết cũng khai, không biết cũng khai !), là hội họp học tập từ đường lối chủ trương đến sổ hộ khẩu sổ gạo... Ông Năm cứ phải chống gậy đi với con nhỏ cháu nay tới tổ, mai tới phường, bữa khác tới ban... vv. Ông Năm có phàn nàn rằng ông già rồi mà cứ bắt đi tới đi lui, thì được “mấy ông cách mạng” giải thích : “Ai cũng phải học tập hết. Không như thế thì làm sao thông suốt được đường lối chủ trương của Đảng và Nhà Nước, làm sao thực hiện được quyền làm chủ của nhân dân ? Ngoài ra, sự có mặt thường xuyên của các chú các bác trong buổi họp càng làm cho bọn trẻ chúng cháu thêm hồ hởi phấn khởi. Các chú các bác có nhất trí không nào ?”.

Mỗi lần đi họp, về đến nhà là ông Năm ngã người lên võng, vừa đong đưa vừa hút thuốc liên miên, không nói một tiếng. Thấy vậy, một hôm đứa cháu gái an ủi:

- Ai sao mình vậy. Đều trời hết chớ phải có mình mình đâu mà ông buồn.

- Tao đâu có buồn ! Tao giận chớ đâu có buồn ! Cái giống gì mà ăn nói ngang như cua, không biết lễ nghĩa gì hết. Cũng may là xóm mình không có nhà nào di tản, nên tụi nó không có tiếp thu để chen vô ở như mấy xóm ngoài mặt tiền. Nghe nói tụi nó ồn ào và hay dòm ngó lắm. Cái ngõ của mình còn đầy đủ bà con, nhứt là vẫn được yên tĩnh như từ hồi xưa tới giờ, là mình có phước đó !

Một buổi sáng, đang nằm đọc sách, ông Năm bỗng nghe xào xạc trên mấy cành vú sữa phía trước. Bỏ kiểng lão, nhìn ra, thấy gió thổi từng cơn. Yên tâm, ông tiếp tục đọc sách, không để ý đến nữa. Trưa đó, đang thiu thiu ngủ ông bỗng giật mình hết hồn vì tiếng la chát chúa phát ra từ một cái loa nào đó ngay trước nhà ông: “Chú ý ! Chú ý ! Phòng lương thực chiều nay phân phối rau cải. Mời bà con khẩn trương kéo rau cải ủng hộ chúng tôi không chịu trách nhiệm !”. Tiếng trong loa phát ra nghe điếc con ráy, còn lập đi lập lại nhiều lần, làm ông Năm phát bực. Ông chống gậy bước ra xem. Thì ra “tụi nào” đã gắn một cái loa to trên mấy cành vú sữa ! Ông hậm hực trở vô, đầu gậy chống xuống mặt sân gạch nghe côm cốp, miệng lẩm bẩm: “Đù cha tụi nó ! Quyền gì mà nó gắn loa ở nhà người ta ? Quyền gì mà nó làm mất sự yên tĩnh của xóm người ta ?”.

Ông Năm không biết – có đi đâu mà biết – rằng công tác “quan trọng hàng đầu” của nhà cầm quyền là cho gắn loa để đưa tiếng nói của Nhà Nước đến tận... lỗ tai của nhân dân. Để đừng ai trách rằng: “Tôi không hay không biết gì hết !”. Cứ nhét riết vô lỗ tai, nhét rồi nhét nữa, không thể nói là không... nghe ! Mà cho dù không muốn nghe, cuối cùng rồi cũng phải thuộc ! Đó là một quy luật máy móc, nó “vô” trong óc hồi nào không hay. Biết như vậy, nên Nhà Nước cho gắn loa cùng

khấp: hang cùng ngõ hẻm, ngã tư ngã ba, chợ búa trường học... thậm chí đến bệnh viện là nơi cần sự yên tĩnh ! (Có người nói: chung quanh bệnh viện có bảng “Cấm bóp còi” đằng hoàng mà Nhà Nước không tôn trọng luật lệ gì hết. Nói như vậy là sai, là “lý luận chưa đạt yêu cầu”. Bảng “Cấm bóp còi” chớ có cấm bắt loa nói cho dân nghe đâu ?). Tuy nhiên, có một nơi mà Nhà Nước không cho gắn loa: đó là nghĩa địa. Không phải tại vì Nhà Nước biết tôn trọng “giác ngủ ngàn thu” của những người quá cố, mà tại vì Nhà Nước sáng suốt, biết rằng có nói ở đó cũng không có... ma nào nghe ! Đỉnh cao trí tuệ có khác !

Chịu trận được mấy hôm, bực mình quá, ông Năm nhứt định đi thưa. Ông chống gậy đi một mình – con cháu gái bận đi họp hội đoàn gì đó.

Đầu tiên, ông đi gặp ông tổ trưởng. Ông này dẫn qua ông tổ phó an ninh. Ở đây, sau một lúc bàn qua tính lại (bởi vì họ cũng không rành cái tổ chức cách mạng quá mới mẻ này), cả ba kéo nhau đến công an phường. Anh này tỏ vẻ sành sỏi, giải thích dông dài thế nào là hàng ngang thế nào là hàng dọc, ta tổ chức có khoa học nên theo hệ thống dọc chớ không theo hệ thống ngang... vân vân, rồi vân vân, rồi vân vân. Để cuối cùng kết luận một cách rất... “bài bản”:

- Đấy ! Rõ như thế đấy !

- Tôi không hiểu gì hết ! Tôi chỉ muốn biết bây giờ anh giải quyết cái loa của tôi làm sao đây ?

- À ! Chuyện này không thuộc diện xử lý của tôi ! Cụ nên đến Ủy ban nhân dân quận xem. Không ! Cụ phải đến Ủy ban nhân dân phường trước. Ta theo hàng dọc, phải đi từ dưới lên trên. Phải... Ông Năm chán nản xách gậy đi ra, bỏ mặc hai ông tổ trưởng tổ phó ngồi ngẩn ngơ với cái mà họ gọi là “vụ việc quá căng” !

Gọi xích lô, ông Năm đi thẳng lên quận. Ở đây, người ta chỉ ông đi đúng chỗ. Mừng quá, ông thuật lại vụ cái loa của ông cho người thanh niên ngồi sau bàn viết đầy hồ sơ (Anh này có vẻ cán bộ, vì thấy ngồi trong văn phòng mà vẫn đội nón cối xiêng xiêng giống như còn đi dưới nắng !).

Rồi ông kết:

- Nhờ cậu giải quyết giùm, tôi cảm ơn.

- Bác có làm đơn khiếu nại chưa ?

- Ủa ? Phải làm đơn nữa sao ?

- Coi ? Đi thưa thì phải có đơn. Chớ nói khơi khơi vậy lấy gì mà giải quyết ?

Nghe như vậy, ông xách gậy quay ra đi thẳng.

Tối đó, ông ngồi dưới đèn rì mọ viết đơn. Cả đời ông chưa kiện cáo ai bao giờ, cho nên ông cứ viết rồi xé, xé rồi viết. Đến chừng ông đọc được vừa ý thì đã mất gần hai tiếng đồng hồ !

Sáng hôm sau, ông “vác đơn lên quận”. Gã thanh niên hôm qua mở ra đọc, chăm chú. Và có vẻ... nghiền ngẫm từng câu từng chữ hay sao mà thấy đọc khá lâu. Ông Năm chống gậy ngồi chờ.

Một lúc sau, gã đứng lên – vẫn đội nón cối xiêng xiêng – cầm lá đơn đi vào phòng trong. “Chắc là để báo cáo cho trưởng phòng” – ông Năm nghĩ như vậy (Nhờ đi họp đi hội liên miên mà ông bây giờ nghĩ và nói bằng từ ngữ cách mạng một cách... trơ trọi, từ lúc nào không hay biết ! Cái hay của chế độ là ở chỗ đó. “Cứ nhai tới nhai lui cho tụi nó nghe riết là tụi nó sẽ nhập tâm thôi”). Độ mười phút sau, gã trở ra với một người cán bộ khác đứng tuổi hơn. Ông ta vui vẻ chào ông Năm, tay cầm lá đơn phe phẩy như cầm quạt:

- Chào bác. Chuyện này các đồng chí đó làm bậy. Rồi ta sửa sai thôi. Bác về đi, yên tâm. Họ sẽ tháo gỡ trong ngày hôm nay cho bác.

Ông Năm cảm ơn, rồi ra về. Ngồi trên xích lô, ông nghĩ: “Ít ra, cũng có người biết điều như vậy chớ ! Lâu nay mình nghĩ quấy cho họ cũng tội.”

Lối gần trưa, ông nghe có tiếng xe máy dầu ngừng phía ngoài rào, kế đó là mấy cành vú sữa dao động một lúc lâu rồi yên. Ông vui vẻ nói với đứa cháu gái:

- Rồi ! Họ gỡ rồi ! Mấy thấy không, Hai ? Họ cũng đằng hoàng chớ đâu đến nỗi.

Xế chiều, đang nằm đọc sách trên võng, ông bỗng giật mình vì tiếng phát thanh chát chúa ình ình ình ình của nhạc tiến quân. Lần này, nghe còn lớn hơn hồi cái loa nằm trên cành vú sữa ! Ông vội vã chống gậy ra ngoài cổng coi là cái gì. Thì ra cái loa bây giờ đã được gắn trên trụ đèn đường nằm ở phía đối diện, miệng loa hướng về phía nhà ông Năm ! “Tiên tổ nó ! Hèn gì !”. Ông Năm hậm hực trở vô thay đồ rồi hỏi hủ gọi xích lô lên quận.

Lần này, ông đòi gặp thẳng ông trưởng phòng. Ông nói với gã thanh niên ngồi ngoài, mà ông động đầu gậy xuống sàn gạch nghe côm cốp. Đủ thấy ông bực mình đến đâu !

Nghe to tiếng, ông trưởng phòng bước ra, ngạc nhiên:

- Họ chưa gỡ cái loa cho bác à ?

- Gỡ rồi ! Mà họ đem gắn ở trụ đèn phía bên kia đường thì cũng như vậy thôi.

- Bác nói không đúng ! Sao cũng như vậy được ? Hồi gắn loa trên cây nhà bác mà không có sự đồng ý của bác, đó là sai, là phạm chủ quyền của bác. Tôi nhất trí điều đó. Còn bây giờ gắn trên cột đèn thuộc phạm vi của Nhà Nước, nằm trên lối đi công cộng, là đúng chứ đâu có sai.

- Đành rồi. Nhưng điều mà tôi muốn nói là tôi già rồi, cần được yên tĩnh, mà cái loa nó ồn quá. Tôi...

- À ! Chỗ này là bác hiểu sai. Nhà Nước đâu phải gắn loa để làm ồn. Nhà Nước gắn loa để hằng ngày báo cáo cho nhân dân những gì Nhà Nước đã làm, những thành quả của cách mạng, từng tháng, từng quý, những đường lối chủ trương của đảng đề ra... Bác thấy không ? Quan trọng lắm chứ ! Đó là trách nhiệm hàng đầu của Nhà Nước đối với nhân dân mà bác nói là làm ồn sao được !

Ông Năm không nói thêm một tiếng, chống gậy côm cốp đi ra mà có cảm tưởng như mình vừa nói chuyện với... một bức tường !

Về nhà, ông nằm ngả người lên võng, chửi đồng mà như tự chửi mình:

- Đu mẹ bà nó ! Nếu biết như vậy, hồi đó tao đã di tản cha nó rồi.

Từ đó, trên cái bàn thấp kê gần võng để để trà, thuốc, sách của ông Năm, thấy có hai cục bông gòn nhỏ ! Và lúc nào đi họp đi hội, ông cũng cố ý nhét vô lỗ tai hai cục bông cho người ta thấy ! Có ai ra dấu hỏi thì ông trả lời lớn tiếng như nói với người điếc:

- Từ ngày tôi nghe loa phát thanh của Nhà Nước, tự nhiên tôi bị... thúi lỗ tai. Kỳ quá !

Những hình ảnh đẹp

Anh tôi nằm bệnh viện Saint Camille đã được mười bữa. Chiều hôm qua, anh gọi điện thoại về nhà, nói: «Thằng tây nằm chung phòng ra nhà thương rồi, ngày mai chủ nhật, mày vô đây anh em mình nói chuyện chơi». Nghe giọng anh “có thần” nên tôi vui vẻ trả lời: «Dạ! Mai em vô. Vợ con em đi Mỹ, chứ không thì em cũng chờ tụi nó vô thăm anh». Tôi nghe anh cười khịt: «Một mình mày cũng đủ cho tao vui rồi...».

Phòng anh tôi là loại phòng hai giường ở lầu ba. Ông già người Pháp cỡ hơn tám mươi tuổi nằm chung phòng với anh tôi rất khó tánh. Ông không thích có nhiều ánh sáng vào phòng nên volet cửa sổ lúc nào cũng chỉ hé lên một chút thôi. Thấy ông quá già lại hay gắt gỏng nên mấy cô y tá cũng nhân nhượng, chỉ kéo volet lên cao trước giờ bác sĩ trưởng đi thăm bệnh nhân, rồi lại hạ thấp xuống, sau đó! Mỗi lần tôi vào thăm anh tôi, mặc dầu chúng tôi nói chuyện nho nhỏ với nhau, ông cũng lặn qua trở lại thờ dài. Có khi còn lấy gối bịt lỗ tai nữa!

Anh tôi nói: «Tao chưa bao giờ nghe nó... tăng háng với tao một tiếng!» .

Ông Tây đó xuất viện, chắc anh tôi nghe... nhẹ lắm nên mới vội vã gọi tôi vào chơi, để nói chuyện mà không cần giữ gìn ý tứ gì hết!

Hôm nay, volet cửa sổ được kéo lên hết nên để lộ trời cao lồng lộng và phòng đầy ánh sáng... Thấy tôi, anh tôi vui vẻ nói: «Mừng quá! Hôm rày, cứ làm thính, bực mình thấy mụ nội! Bữa nay, tụi mình nói chuyện tự do, cho nó đã!».

Tôi nhìn anh tôi mà thấy thương: mới ngoài sáu mươi mà đã già xạm. Bao nhiêu năm tù đầy của

VC đã ăn mòn cơ thể của ảnh đến nỗi từ khi ảnh qua Pháp sum họp với vợ chồng tôi, ảnh cứ bịnh lên bịnh xuống hoài. Cũng may là ảnh không có vợ con nên không có những cái lo của người có gánh nặng gia đình. Và cũng may là ảnh chỉ có một mình tôi là em đã có cuộc sống ổn định nên ảnh không phải mưu mang một đứa em nào khác.

Hai anh em tôi nói chuyện vui vẻ một lúc, bỗng anh tôi nhìn trời qua khuôn kiếng cửa sổ rồi nói: «Trời đẹp quá, Cu!».

Tôi còn đang ngẩn ngơ không biết ảnh nói với ai thì ảnh cười khịt khịt: «Mày quên mày hồi nhỏ tên là Cu hả? ».

Tôi bật cười: cả một trời dĩ vãng bỗng hiện về rất rõ, với những hình ảnh thuở nhỏ ở nhà quê, có bà mẹ một mình trồng rau trồng cải nuôi hai thằng con, đứa lớn tên Hai đứa nhỏ tên Cu... Tôi nhìn anh tôi mà nghe rưng rức ở trong lòng. Tôi “Dạ” như cái máy! Anh tôi nói: «Bác sĩ nói anh ra ngoài chút chút được».

Tôi lại “Dạ” nhưng vẫn còn thấy tôi đang ở quê tôi, ở trong cái nhà tranh vách đất có giàn bầu vắt lên mái tranh che sàng nước nằm bên góc bếp... Tôi nói “VẬY HẢ ANH” mà vẫn còn đứng trong vườn rau của mẹ với mấy cây mít cây ổi cây xoài, vẫn còn nhìn cái giếng có cây cần vọt để kéo nước và cái gàu đeo lưng lẳng ở đầu cây sào dài... Tôi chỉ giật mình dạ lớn khi nghe anh tôi gọi: «Cu! Ê ... Cu!».

Ảnh nhìn tôi, mỉm cười: «Tao muốn mày đưa tao đi một vòng».

Tôi “Dạ” rồi vội vã bước ra cửa. Ảnh ngạc nhiên: «Đi đâu vậy?».

Tôi trả lời: «Em đi lấy cái xe lăn!».

Ảnh bật cười: «Không cần xe lăn xe liếc gì hết. Mày lại đây, tao chỉ cho».

Ảnh tăng hắng mấy tiếng rồi nói tiếp: «Mày đỡ tao dậy cạnh giường. Đọ... Mày xây lưng lại thật sát vô cạnh giường ở giữa hai chân tao nè. Đọ... Rồi mày rùn người xuống cho tao ôm cổ mày. Mẹ... Mày ăn thứ gì mà mày lớn con quá hông biết! Rồi! Tao ôm chắc rồi! Bây giờ, mày choàng hai tay ôm hai bắp vế của tao đây, vừa xóc nhẹ để lấy trớn vừa đứng lên. Đọ... Như vậy, người mình gọi là ‘cống’. Ở xứ này, tao chưa thấy ai cống ai hết. Có lẽ người ta không biết cống, mày à!».

Tôi cống anh tôi, nhẹ hều. Ảnh nói: «Hồi nhỏ, tao cống mày mòn lưng, mày đâu có biết!».

Một xúc động bỗng dâng tràn lên cổ, tôi vừa nuốt xuống vừa siết chặt hai chân anh tôi như muốn ôm lấy hết con người của ảnh để cảm ơn, cái con người đang nằm trên lưng tôi đây, cái người anh đã hy sinh suốt cuộc đời không chịu lập gia đình chỉ vì muốn nuôi thằng em ăn học cho đến nơi đến chốn! Ảnh đã cống tôi trong thời tuổi nhỏ, về sau, ảnh vẫn tiếp tục cống tôi - dù dưới hình thức khác - cho đến ngày tôi thành nhân ra đời. Biết bao giờ tôi cống lại anh tôi suốt hai mươi mấy năm trời như vậy?

Chúng tôi ra hành lang. Gặp một cô y tá, cô ta vội nói: «Để tôi lấy cho ông một chiếc xe lăn!».

Tôi lắc đầu: «Khỏi cần! Cảm ơn cô! Anh tôi muốn tôi cống như vậy».

Cô ta mỉm cười bỏ đi, vừa đi vừa nhìn lại, về ngạc nhiên. Anh tôi nói: «Mày thấy không? Ở xứ này, người ta không biết cống là gì!».

Thật vậy, đi dài dài theo hành lang, gặp ai cũng bị nhìn với một nụ cười như muốn nói “Làm gì ngộ vậy há!” Tiếng của anh tôi vẫn đều đều nhỏ nhỏ bên tai: «Hồi đó, năm mày ba tuổi là năm mày bệnh hoài nên mày cứ nhè nhè nhè nhè đeo theo má đòi ẵm. Chiều nào má cũng nói “Hai! Mày công thằng Cu đi hàng xóm cho má nấu cơm coi!” Vậy là đầu tao đang tưới rau tao cũng quăng đó, công mày đi vòng vòng. Hồi đó, lúc nào mày cũng ở trường, còn tao, đầu đã hơn mười tuổi, nhưng lúc nào cũng ở trần, chỉ khi nào đi học mới mang lên mình cái áo sơ-mi. Thành ra, khi công mày tao thương ở cái chỗ là nghe con cu của mày mềm mềm nằm gọn trên da lưng tao. Nhiều khi thương quá, tao xoay người lại hun mày trơ trất làm mày nhột mày cười đưa mấy cái răng non nhỏ như hạt gạo! Mày coi! Vậy mà đã hơn năm mươi năm rồi chứ bộ!».

Tôi im lặng nghe anh tôi kể mà trong đầu thấy như đang nhìn ngay trước mắt cảnh thằng anh công thằng em đi quanh quanh để người mẹ rảnh tay lo nấu bữa cơm chiều... .. Đẹp quá! Anh tôi lại nói: “Thiệt ra, tao đâu có công mày đi đâu xa. Đi lòn lòn qua mấy liếp rau mấy bờ mía rồi qua lò bánh trắng của dì Sáu Lộc. Đứng xớ rớ một chút là dì Sáu hay chị Hai Huệ con của dì cho một cái bánh trắng nướng thơm phức”.

Ngừng một chút, anh tôi hỏi:

“Mày còn nhớ chị Hai Huệ không?”

Tôi đáp: “Dạ có. Hồi đó, chỉ ra sự phạm rồi dạy tụi em ở tiểu học”.

Anh tôi tăng hứng: “Ờ! Chỉ đó! Má khen chỉ lắm, nói: con nhỏ dễ thương, đi làm có lương mà chỉ sắm có hai cái áo dài, hỏi nó thì nó nói nó để dành tiền cất một cái quán cho má nó ra bán bì bún ít cực hơn là xay bột trắng bánh”.

Đến đây thì tôi nhớ rõ cái quán của dì Sáu Lộc: Quán nhỏ nằm cạnh cây gỗ trước lò bánh trắng. Bì bún ngon có tiếng. Có điều là dì Sáu không bán rượu để mà cũng không cho khách hàng mang rượu để đến quán! Dân nhậu phàn nàn thì dì Sáu nói: «Tôi ghét thứ đó lắm! Cũng tại ba cái đế đó mà ông nhà tôi ba ngừ té xuống bàu chết không ai hay!».

Cái quán đó về sau giao cho vợ chồng cô cháu gái của dì Sáu trong nom và được cất rộng ra thành tiệm cà phê, người ta gọi là tiệm “Cây Gỗ”...

Ở cuối hành lang bệnh viện là khuôn kiếng rộng. Nhìn xuống dưới thấy nắng đầy... Cây cỏ được cắt xén sạch sẽ đẹp mắt. Tia nước tưới vườn tự động quét qua quét lại coi mát rượi. Anh tôi im lặng nhìn một lúc rồi nói: «Hồi đó, chiều nào đi học về, tao cũng phải đi tưới vườn rau. Mới có mười tuổi mà tao mạnh lắm! Cái gàu nước lớn như vậy mà tao xách chạy bon bon. Phải nói là nhờ có cây cần vọt tao mới kéo nổi cái gàu ra khỏi giếng, chứ nếu kéo bằng sợi dây dừa thì chắc tao chịu thua».

Có lẽ sợ tôi quên nên anh tôi tả cây cần vọt. Tôi vẫn để ảnh nói vì tôi thấy ảnh đang sung sướng với những hình ảnh đẹp của quê hương, cái quê hương ngàn trùng xa cách... Tiếng của anh tôi vẫn đều đều bên tai: «Cần vọt là hai cây tre lớn bằng bắp chân đóng dính chắc vào nhau bằng những thanh ngang coi giống như một cái thang. Chân cái thang đó được chôn đứng cách giếng độ hai ba thước. Trên đầu có một cốt tròn xỏ qua hai thân tre. Bắp dính chắc trên cái cốt đó là một thân tre dài, đầu to là đầu nặng nằm đụng đất, đầu nhỏ chỉ lên trời coi giống như một đòn bẩy hay một cái đu nhún lên hạ xuống của trẻ con. Đó là cái cần. Trên đầu cần là một cây sào bằng tầm vông dài xuống gần miệng giếng, đầu dưới của sào có cái móc để móc cái gàu. Muốn lấy nước, người ta kéo cây sào thòng gàu xuống giếng đợi gàu đầy nước là kéo gàu lên, cây cần

làm đòn bẫy giúp cho người kéo nước không phải ráng sức. Hay quá!»

Tôi nói đầy đũa, cố ý để cho anh tôi nghĩ: «Dạ. Em còn nhớ cây cần vọt chớ! Hồi em lớn lên, em vẫn phụ anh tưới rau cho má, anh quên sao? Em còn nhớ hồi đó phần của em là lo tưới và chăm sóc giàn bầu của má».

Ảnh cười khịt khịt: “Ờ... giàn bầu. Trái dài lòng thông, đi ngang phải cúi đầu để tránh...”

Rồi giọng của ảnh như vui lên: “Bầu luộc là món mà tụi mình ăn hằng ngày, mà nhớ không? Bữa cơm nào cũng có bầu luộc, mẻ cá kho và một tô nước luộc bầu. Nước luộc bầu không có con tôm con tép gì hết, chỉ có chút muối, chút tiêu và mấy cọng hành... vậy mà tụi mình chia nhau húp ngon lành, hén Cu!”.

Tôi bồi hồi nhớ lại cảnh anh em tôi húp nước luộc bầu, nhứt là cái cử chỉ của anh tôi khi ảnh đưa tô sành mẻ miệng, xây chỗ miệng tô còn lạnh, nói: “Húp ở đây nè, Cu!”. Cha ơi...! Sao mà nó đẹp!

Thấy gần trưa, tôi công anh tôi đi lần về phòng. Bỗng ảnh nói: “Ý! Má kêu kia!”.

Rồi ảnh ghé đầu buông thông hai tay! Tôi đang hốt hoảng chưa biết phải làm sao thì gặp ông bác sĩ trưởng trong thang máy bước ra. Tôi vội vã gọi: “Bác sĩ! Bác sĩ! Ông coi đùm coi! Anh tôi bị gì rồi!”.

Bác sĩ rờ đầu rờ cổ anh tôi rồi lời tôi chạy lại phòng trực y tá. Bác sĩ hướng vào trong nói “Cứu cấp”. Máy cô y tá phóng ra đỡ anh tôi qua giường sắt có bánh xe rồi đẩy nhanh về phòng, theo sau là xe dụng cụ thuốc men. Vào phòng, một cô y tá đẩy nhẹ tôi ra ngoài, nói: “Ông đừng vào. Chăm phiền đứng đợi ở đây.” Rồi đóng cửa lại. Tôi tỳ người vào tường, nhìn quanh bối rối: hành lang trống trơn bỗng như rộng mênh mông...

Một lúc lâu sau mấy cô y tá mở cửa đẩy giường đẩy xe ra, nói chuyện tỉnh bơ. Đi sau cùng là bác sĩ trưởng. Ông vỗ vai tôi, nói: “Không có gì hết! Chỉ bị xúc động mạnh thôi. Ông vào được rồi.”.

Tôi nói “Cám ơn” rồi thở dài nhẹ nhẹ như vừa trút một gánh nặng. Nhìn thấy tôi bước vào, anh tôi mỉm cười, mắt ảnh ngời sáng, nhưng ảnh vừa đưa tay ra dấu vừa nói: “Thôi! Mà về đi! Để tao ngủ một chút”.

Nói xong, ảnh nhắm mắt mà trên môi vẫn còn nguyên nụ cười. Tôi biết: ảnh đang đi vào giấc ngủ với những hình ảnh đẹp!

Tôi bước ra, đóng nhẹ cửa lại. Hành lang dài tung hút. Chắc cũng đến giờ cho bệnh nhân ăn nên phảng phất có mùi đồ ăn. Tôi bỗng nghe thềm vị ngọt của nước luộc bầu mà anh em tôi chia nhau húp năm chục năm về trước, bây giờ sao vẫn còn nhớ. Và lạ thiệt! Nước luộc bầu quá tầm thường như vậy mà sao cũng mang đầy mùi vị của quê hương?

Tôi nuốt nước miếng...

Ông già ngồi bơi đống rác

Thành phố Hồ Chí Minh quang vinh vẫn còn rất nhiều rác. Hồi thời trước, Sài Gòn đã có nhiều rác, nhưng so với bây giờ thì...thưa xa. Rác bây giờ chẳng những nhiều hơn mà còn...rải rác hơn. Điều này chẳng có gì khó hiểu hết. Bởi vì, trong chế độ ưu việt xã hội chủ nghĩa, cái gì của ta cũng đều hơn của lũ chúng nó cả: rác của chúng nó là rác tư bản, rác nguy, còn rác của ta là rác...nhân dân, do nhân dân, từ nhân dân mà ra. Có chính nghĩa, hơn là lẽ tất nhiên!

Vậy, ở một đồng rác khá lớn nằm trên vỉa hè một con đường khá rộng trong thành phố, có một ông già ngồi ung dung như đang ngồi ở một nơi sạch sẽ! Ông già đó tuổi cỡ ngoài tám mươi, có chòm râu bạc giống râu bác Hồ. Ông đội mũ tai bèo, mặc bộ đồ bà ba đen, mang dép cao su đúc. Ông ngồi trên một ghế bằng nhựa nhỏ, thấp, loại ghế ngồi cho trẻ con. Ông cầm cây gậy trúc dài bươi bươi rác, mắt nhìn chăm chú chỗ đang bươi, mặc cho đàn ruồi bay lên đáp xuống như giành rác với ông! Lâu lâu, ông nói một mình: « Nó nằm lẫn đâu đây hè! Mẹ bà nó! »

Đường này lúc nào cũng đông ken. Xe đạp, xe gắn máy, xe hơi...hai luồng chen nhau chạy, giành mặt đường mà chạy, lòn lách lẩn ép, bóp kèn inh ỏi. Chạy đầy đường như vậy mà chẳng ai nhìn thấy ở trên đỉnh đồng rác cao nhông đó có một ông già...Cho đến người đi bộ trên vỉa hè cũng chẳng thấy ai để ý đến ông hết! Hơn hai chục năm sống quen với quá nhiều nghịch lý, con người ta không còn nhạy cảm trước những sự bất bình thường. Bởi vì cứ nhìn riết rồi quen con mắt, nên không thấy chướng, cứ nghe riết rồi quen lỗ tai nên không thấy ồn, cứ hửi riết rồi quen lỗ mũi nên không thấy hôi. Đó là một quy luật. Tiếp theo đó là một quá trình đi xuống dốc của con người, vừa nhanh vừa gọn, bởi vì nó dễ ợt hà!

Ông già lâu lâu ngừng bươi rác, móc túi lấy bịch ni-long thuốc rồi chậm rãi vẩn hút. Điều thuốc của ông to bằng ngón tay cái, nên mỗi lần ông nhả khói là thấy mù mịt, làm như đồng rác đang ngún cháy vậy!

Trong khi ông hút thuốc, ông không bươi rác. Làm như hút thuốc là qua giai đoạn ông nghĩ xả hơi! Ông xoay người ra nhìn thiên hạ chạy loạn dưới đường giống như ông đang ngồi xem kịch. Một lúc sau ông nói một mình: « Thiệt...không giống ai hết!. » Mà thiệt! Người ta chạy đi đâu mà lúc nào cũng thấy chạy đầy đường. Người nào cũng hối hả. Người nào cũng bóp kèn. Kẹt không kẹt gì cũng thấy bóp kèn! Làm như nếu không bóp kèn thì xe sẽ...không chạy vậy! Còn luật lệ giao thông thì hầu như không có. Mạnh ai nấy chạy. Tay mặt tay trái gì cũng...như nhau. Đàn ông đàn bà gì cũng chen lấn lòn ép...như nhau. Chẳng ai nhường ai hết. Đàn ông con trai có người ở trần bận quần xà-lỏn, có người lại mặc quần áo gin, bên trong có sơ-mi và áo gi-lê giống như đang ở xứ lạnh! Còn đàn bà con gái thì phần đông ăn mặc không để...hở một chỗ nào hết. Áo pô-lô ngắn tay, quần dài, găng tay cao tới...nách, đội kết loại đầu thủ dã cẩu, mang kiềng đen, bịt mặt bằng chéo vải thêu bông hoa hay có ren giống đàn bà á-rập! Nếu có mặc áo dài thì cũng mang găng tay ngắn, rồi đội kết, rồi kiềng đen, rồi bịt mặt! Thành ra không nhìn ra được ai là ai hết!

Hút tàn điều thuốc, ông già lại quay về đồng rác, chăm chỉ bươi. Một lúc lại nói: « Mẹ bà nó! Tao bươi riết rồi cũng ra. Làm gì rồi cũng thấy! »

Một cô gái nhỏ xách tới xô rác đổ xuống làm lũ ruồi lúc nhúc bay lên, thấy ông già ngồi đó, cô hỏi:

- Bộ ông không sợ hôi sao mà ngồi đó vậy?

Ông già cười mũi:

- Thời bây giờ, ở đâu mà không hôi không thúi, hả? Nó tràn đồng thì ngồi ở đâu cũng vậy thôi.

Cô gái lại hỏi:

- Thấy ông bươi bươi. Bộ ông mát cái gì hả?

Ông già ngừng tay, hỏi lại:

- Mát hả? Mát cái gì? Còn khi gì đâu mà mát!

- Vậy chớ ông bươi rác làm gì? Rác bây giờ đâu còn có gì đâu mà lượm.

Ông già cầm gậy trúc gõ gõ vào đồng rác làm lũ ruồi hốt hoảng bay lên vù vù. Ông hạ giọng:

- Tao bươi rác để kiếm mấy thằng Việt Cộng mà hỏi đó tao nuôi tao giầu trong nhà.

Có vẻ thấy ông già...khùng quá nên cô gái bỏ đi, vừa đi vừa nói:

- Họ là con người chó bộ chuột bộ gì đâu mà ông tìm trong đồng rác!

Ông già nhìn theo, nói lớn:

- Mà tao có nói tụi nó là con người đâu?

Tiếng của ông bị chìm lấp trong tiếng ồn hỗn tạp của đường phố, nên chẳng gọi được sự chú ý của ai hết. Ông nhìn quanh, thờ dãi, rồi tiếp tục bươi...

Một thanh niên đang đi trên vỉa hè bỗng tấp vô đồng rác vạch quần định đứng tiểu, một tay chống nạnh, trên môi phì phà điều thuốc. Ông già nói lớn:

- Coi chừng! Nó phóng lên nó cắn sứt à!

Gã giật mình, vội vã buông quần bước đi như chạy. Vừa đi vừa nhìn lại, nét mặt còn đầy sợ hãi! Ông già không nhìn theo, cũng không cười. Làm như điều ông nói là điều có thật chứ không phải đùa. Cho nên nghe ông nói tiếp:

- Cái lũ khốn nạn này có thứ gì mà tụi nó không đớp!

Ông nói mà đầu gậy vẫn không ngừng bươi. Bầy ruồi nặng vẫn bay lên đáp xuống, đáp xuống bay lên, lúc nha lúc nhúc...

Gần trưa, một người đàn bà đứng tuổi từ trong hẻm gần đó bước ra đi lại đồng rác, thưa:

- Mời ông Hai về ăn cơm.

Ông già nói 'ờ' rồi chống gậy đứng lên đi. Người đàn bà cúi lấy cái ghế nhỏ, xách đi theo phía sau ông, im lặng. Cả hai đi lẫn vào hẻm.

Con hẻm mới vào thấy rộng thấy thẳng, hai bên có phố lầu hai ba tầng kiến trúc hiện đại, từng nào cũng thấy có máy lạnh lòi ra coi rất...văn minh! Hai dải phố lầu này kéo dài vào hẻm độ ba bốn mươi thước. Sau đó là một khúc quanh thẳng góc, rồi con hẻm chỉ còn lại không tới hai thước bề ngang, chạy quanh co rông rảnh vào tuốt bên trong tiếp nối với những con hẻm nhỏ khác không biết từ đâu tới mà cũng thấy...rông rảnh quanh co! Ở đây, nhà cửa lụp xụp hẹp tẻ, khác hẳn với mặt tiền đồ sộ lộng lẫy. Đó là một thế giới khác, một thế giới nghèo khó núp sau cái thế giới phồn vinh bên ngoài. Người ta không thể nghĩ rằng nó nằm ngay trong lòng thành phố, cái thành phố mang tên Người từ hơn hai mươi năm...

Ông già và người đàn bà bước vào một căn nhà nhỏ hẹp của khu hẻm rông rảnh. Ông già nói:

- Tao bươi hoài mà chưa gặp thằng nào hết.

Một người đàn ông trong nhà nói cho lấy có:

- Vậy hả ông Hai?

- Tụi nó chui rúc lì lấm. Mẹ bà nó! Hồi đó mà tao biết như vậy, tụi nó có chung vô quần trốn, tao cũng cời quần tao giữ cho chết cha tụi nó hết!

...Người đàn ông trong nhà là cháu của ông già bươi rác, kêu ông bằng ông chú, còn người đàn bà là vợ hắn. Hai vợ chồng đã trộm tuổi nhưng chưa có con. Họ lãnh may gia công quần áo cho một công ty may mặc, nên trong nhà lúc nào cũng nghe tiếng máy may chạy xành xạch suốt ngày. Họ ngủ trên cái gác lửng nhỏ bằng hai chiếc chiếu, còn ông già thì có cái ghế bố kê trong góc nhà. Nhà nhỏ xíu nên chỉ có một bóng đèn điện treo ở giữa.

Hai vợ chồng người cháu đem người ông về nuôi trong nhà từ ngày ông ra tù cách đây hơn bảy năm...

Theo lời kể lại của người cháu thì "ông chú" ngày xưa là một nhà doanh thương - đại doanh thương - Ông độc quyền nhập cảng vô ruột xe gắn máy, xe hơi, xe máy cày. Ông có mấy kho hàng lớn ở Khánh Hội, một văn phòng ba tầng lầu ở Chợ Cũ, một vi-la to ở đường Phan Thanh Giản và một vi-la vừa vừa nằm khuất trên một đồi thông ở Đà Lạt. Vợ và hai con ông đều ở bên Pháp để làm một "đầu cầu" bên đó. Còn bên này ông có một bà nhỏ lo về giao tế, xã hội và nhân viên. Lâu lâu, ông bay qua Âu Châu thăm vợ con và làm việc với các hãng chánh ở bên đó.

Ông nhiều thế lực lắm. Người cháu nói: "Hồi đó, tôi đang làm thợ may cho nhà may X thì bị động viên. Vậy mà ông kéo tôi ra cái rết! Có điều làm tôi không hiểu là ông như vậy mà trong nhà ông nuôi Việt Cộng không. Ngay như cái nhà trên Đà Lạt mà ông dùng cho mấy ông lớn mượn,

từ anh quản gia đến chị bếp đến mấy người làm vườn đều là cán bộ Việt cộng ráo. Ông nuôi họ như vậy cho đến năm 1973 họ mới lần lượt rút đi ...”.

Hồi tháng tư 1975, ông không đi tản. Còn nói: “Cách mạng chó bộ ăn cướp giết người đầu mà sợ!”. Sau đó mấy người ông nuôi có về thăm, ông cũng đãi đằng hậu hỉ. Vậy mà khi cách mạng “đánh tư sản mại bản”, ông cũng bị “đánh” tơi bời, tài sản bị tịch thu hết còn bị đi tù cải tạo nữa. Vợ lớn của ông chết ở bên Pháp, bà vợ nhỏ đi chui rồi mất tích ở biển Đông. Còn hai đứa con, sau này có người quen từ Paris về cho biết, đã phung phí hết tiền của mà ông đã để cho họ bên đó rồi dọn nhà đi mất. Thành ra đi thăm nuôi ông chỉ còn có vợ chồng người cháu thợ may...

Khi ông chú được thả ra khỏi tù - nghĩa là Nhà Nước xét thấy ông đã hoàn toàn được cải tạo - ông đã trở thành một người khác: một người mất trí! Người cháu nói: “Hồi đem ông về ở với tụi tôi, tôi cũng ngại. Sợ ông chê. Nhưng rồi ông vẫn ở tự nhiên, không phàn nàn gì hết, tụi tôi cũng mừng. Rồi lo không biết chịu đựng ông nổi không. Nhưng rồi thấy ông không có điên loạn như những người điên khác nên tụi tôi cũng yên tâm. Ông không nói gì hết, tối ngày bắc ghế ngồi dưới mái hiên hút thuốc đọc sách hoặc ngồi cả giờ nhìn đường hẻm như người ta chăm chú coi ti-vi! Vậy mà lâu lâu ông cũng nói nhiều câu làm mình ngạc nhiên tưởng như ông là người bình thường. Khi mình thử hỏi tiếp, khơi lại thời cũ thì ông lại ngẩn ngơ. Thấy tội nghiệp! Thiệt ra, người ta chỉ thấy ông điên là khi nào ông đi bươi đồng rác, cứ hai ba hôm là ông đi bươi...”

Và như vậy, “ông Đại Doanh Thương” đó bây giờ ngồi bươi đồng rác giống như ông bươi lại dĩ vãng của ông, một dĩ vãng mà rác rến vun đầy. Ông đâu biết rằng, đối với Nhà Nước cách mạng, ông cũng chỉ là một thứ rác rến mà Nhà Nước đã vứt bỏ trên lề xã hội, không hơn không kém ...

Thèm

Tụi bây biết không ? Bây giờ tao đi làm bằng xe đạp. Tụi bây đừng cười. Tao không giỡn đâu. Hồi xưa, trong bọn mấy đứa tụi mình, tao là thằng tếu nhứt. Tao hay kể chuyện tiếu lâm, hay bịa chuyện này chuyện nọ để chọc cười, để phá phách cho vui với nhau. Nên tụi bây thường nói: “Coi chừng ! Nó nói cái gì mình phải xin keo coi có đúng không, rồi hãy tin”. Hồi đó, khác. Bây giờ, khác. Tụi bây đi hết rồi, chỉ còn mình tao kẹt lại. Nói thiệt hay nói dóc đều không còn ý nghĩa gì nữa, cũng không còn giá trị gì nữa đối với tao. Bởi vì không còn ai để giỡn, không còn lòng dạ đâu để giỡn, và cái cười của tao đã vượt biên đâu mất từ lâu...

Điều ngộ nghĩnh là, bây giờ, bất cứ chuyện gì tao kể ra chắc chắn tụi bây đều không tin ráo ! Bởi vì tụi bây đã di tản trước ngày 30 tháng tư 1975, không thấy không biết những gì đã xảy ra ở trong nước, làm sao mà tin ? Và lại “những gì đã xảy ra” đã không xảy ra theo quy luật thông thường. Tất cả đều bị xáo trộn, đảo lộn một cách nghịch lý đến nỗi tao là người sống trong đó mà lăm khi tao phải tự hỏi: “Làm sao có thể như vậy được ?”. Vậy mà nó đã “như vậy được” tụi bây à ! Khó tin nhưng có thật ! Cho nên, những gì tao viết ở đây cho tụi bây hoàn toàn là những chuyện có thật mà... khó tin đó.

Ngoài ra, trong cuộc sống hằng ngày, tao cứ phải nghe ra rả nói láo nói dóc, cứ phải luôn luôn nói láo nói dóc... Nào là “Đã vượt chỉ tiêu 150%” (Chỉ tiêu là con số đã được ấn định trước cho mức sản xuất, không biết là bao nhiêu, nhưng thấy tháng nào cũng vượt, năm nào cũng vượt, ngành nào cũng vượt – tao phải... dịch những chữ mới rõ ràng ra như vậy cho tụi bây hiểu, bởi vì bây giờ mình không còn nói giống như hồi trước nữa). Nào là “Đã hò hời phấn khởi đi làm nghĩa vụ” nghĩa là đi làm cái nghĩa vụ gì đó một cách... khoái trá sôi động bởi vì biết chắc rằng không đi cũng không được. Nào là “Hoàn toàn nhất trí” (Bây giờ không nói ề nhứt Ủ nữa, mà nói ề nhất Ủ. Nghe... cách mạng hơn), nghĩa là “đồng ý hoàn toàn”, cho nó rồi, kéo không thì... kẹt lăm. Mọi người đều “nhất trí” hết mà mình không “nhất trí” thì nó... lòi ra coi không giống ai. Thành ra “nhất trí” cũng có nghĩa là “phải làm như mọi người”. Tụi bây hiểu chưa ? Nào là “Làm việc rất là năng nổ”. Tao nghĩ chắc khỏi cần dịch. Tụi bây cứ nghe “nó... lớp bốp” là đoán ra

cái nghĩa của nó rồi. Đại khái là làm việc giống như có cờ phát trống khua, có loa trên loa dưới ồn ào, còn lè phè suốt buổi hút thuốc uống trà là chuyện khác... vân vân và vân vân... Kể không hết !

Sau bao năm dài sống trong môi trường như kể trên, “cái thèm” rất lớn của tao là được sống thật, nói thật. Cho nên, viết cho tụi bây giống như tao được... giải phóng. Vậy những gì tao kể ra đây, tụi bây khỏi phải xin keo !

Bây giờ, tao đi làm bằng xe đạp. Vẫn làm ở sở cũ. (Còn được làm việc ở sở cũ là may đó nghen. Nhiều người bị đổi đi nơi khác xa hơn và thường thì ở một ngành nghề không dính dáng gì với phần chuyên môn của mình hết. Cách mạng mà !). Cái xe hơi con cóc , tao đã cho nó lên nằm trên bốn gộc cây để bán lần bán hồi bốn bánh xe, cái bình điện, cái đèn-ma-rơ... Hầu như tháng nào tao cũng phải bán một món gì trong nhà, bởi vì lương của tao cộng với những gì vợ tao và hai con gái lớn kiếm được hằng tháng... không đủ sống. Tình trạng đó bắt đầu từ sau hai “trận” Nhà Nước đổi tiền.

Đạp xe riết rồi cũng quen. Khoảng cách trên mười cây số từ nhà đến sở, tao coi như “pha”. Chỉ bực mình là xe đạp của tao hay sút sên khi nó “nhảy” ổ gà. Mà đường sá bây giờ, ổ gà ở đâu nó... lòi ra nhiều quá. (Người ta nói Mỹ rút đi, để lại toàn là đồ giả không – tao nghe sao chép vậy !). Cho nên, ở nhiều đoạn đường, tao lái xe tránh ổ gà giống như người say rượu ! Vậy mà có hôm vẫn “nhảy” ổ gà cho nên hai tay tao thường lấm lem dầu, đất, mà quần áo thì ướt đẫm mồ hôi.

Bây giờ, tao làm việc “thông tầm”, nghĩa là làm suốt tới chiều rồi về sớm không có về nhà ăn cơm nghỉ trưa như hồi trước. Vì vậy, mỗi sáng tao mang theo một lon ghi-gô cơm với vài miếng cá mặn để ăn tại bàn viết buổi trưa. Chiều về sớm, tao có bốn phận nấu cơm làm đồ ăn, bởi vì giờ đó vợ con tao còn làm việc ở tổ may theo cách nhà cũng khá xa.

Mỗi sáng đi làm, lúc nào tao cũng đem theo cái giỏ đi chợ treo tòn ten ở ghi-đong, giống như đi chợ chợ không giống đi làm ! Bởi vì trong sở thường hay... bắt thằn bán cho nhân viên (gọi là “phân phối” chứ không gọi là “bán”, nghe có vẻ... chia xé hơn là trao đổi) cá, rau cải... vv. Tuy không nhiều và không được lựa chọn vì phải... bắt thằn trúng lô nào lấy lô đó, nhưng rẻ hơn ngoài chợ thành ra cũng đỡ. Cho nên, đi làm việc mà ngày nào cũng nhóng nhóng hỏi thăm “coi bữa nay có phân phối gì không ?” và chiều về đến nhà, thằng con tao – thằng út đó, tụi bây nhớ không ? bây giờ nó lớn đại rồi – chạy ra mở cổng lúc nào cũng hỏi: “Bữa nay có mua được gì không ba ?”. Và hôm nào thấy trong giỏ có đồ gì để ăn là mắt nó sáng rỡ. Tội nghiệp, sống trong sự thiếu thốn triền miên, có đứa nhỏ nào, có người lớn nào mà không nghĩ đến miếng ăn ?

Bây giờ, tao hút thuốc lá vắn tay. Tao tự vắn lấy. Không phải tao muốn lập dị mà vì tao không đủ sức mua loại thuốc điếu kỹ nghệ thông thường. Mới đầu, tao vắn thuốc rê Gò Vấp. Nó nặng muốn... tét phổi ! Về sau, tao bắt chước thiên hạ mua thuốc lá Lạng Sơn đã xắt sẵn - nghe nói là giống thuốc Virginia, mấy ông ngoài Bắc bảo thế ! - đem trộn với thuốc Gò Vấp, hút thấy được. Vậy là mỗi khi muốn hút, tao cứ tà tà xé một miếng giấy quỳn, tà tà rút một miếng thuốc kéo cho dài dài ra khi để lên lòng giấy, rồi đặt hết tâm tư vào mấy ngón tay (của cả hai bàn tay đang chụm đầu lại nâng nhẹ giấy và thuốc !) để ém, lặn, cuốn, xe... cho điếu thuốc được tròn đều trước khi đưa lên lưỡi liếm. Xem thật “ung dung nhàn hạ”. Giống như một nghi thức. Và tao có quyền tà tà vắn thuốc như vậy bất cứ ở đâu, bất cứ lúc nào: trong khi làm việc, trong các buổi hội họp học tập, và cả ngay trước mặt ông xếp của tao nữa (Bây giờ gọi là “thủ trưởng”, nôm na là “cái đầu đứng đầu”. Còn cái đầu có cái óc hay không lại là chuyện khác). Cho nên, hút thuốc vắn – đối với tao – giống như là một cách thoát tục, cái “tục” quá... tục mà tao đang sống bây giờ. Tuy nhiên, sao tao vẫn nghe thèm điếu thuốc ba số năm là loại thuốc mà mấy chục năm tao đã hút ! Làm như mùi vị của nó còn nằm ở đâu trong máu trong xương. Nhiều đêm trở giấc, tao nghe thèm ray rứt, thèm chảy nước mắt !

Chiều hôm qua, trên đường về nhà, đạp xe tới chợ Tân Định thì trời bỗng đổ mưa. Tao tấp vô đụt mưa dưới mái hiên tiệm nước nằm ở góc đường dọc hông chợ (tao quên tên) và đường Hai Bà Trưng. Lúc đó, cỡ gần năm giờ (đồng hồ tay, tao đã bán từ lâu, nên từ lâu, tao chỉ... đoán giờ thôi !). Trong tiệm thấy lai rai có người ăn uống.

Tao đã đứng sát vào vách vậy mà gió cũng tạt mưa vào ướt hết phía dưới chân. Một lát, tao nghe lạnh chân. Rồi tao nghe đói. Cái đói đến một cách đột ngột, giống như nó chui từ dưới chân chui lên. Hồi nãy đạp xe trên đường, tao có thấy đói đâu, mặc dù buổi trưa tao chỉ ăn có một lon ghi-gô cơm với ít mắm ruốc – dĩ nhiên là tao có uống thật nhiều trà, thứ này, loại thường thôi, trong sở (Bây giờ gọi là “cơ quan”) có chị nhân viên tối ngày cứ châm đầy bình cho mình uống “líp” – Vậy mà bây giờ tao lại thấy đói. Có lẽ tại vì lỗ mũi tao nghe mùi hủ tiếu, mùi mì. Ờ... tại bây giờ không biết chớ từ lâu rồi – tao không nhớ là bao nhiêu lâu, nhưng chắc là lâu lắm – tao chưa được ăn mì. Bây giờ đứng đây phía đường hông chợ Tân Định, phía trên gió, vậy mà vẫn “đánh hơi” rõ mồn một mùi nước lèo của xe mì nằm bên đường Hai Bà Trưng, phía dưới gió, rõ như hơi của nước lèo đang bốc lên ngay trước mũi ! Tao nuốt nước miếng.

Thèm quá ! Tao thèm ăn ngay một tô mì ! Thọc tay vào túi quần, tao đựng hai tờ giấy bạc. Móc ra xem thì ra là hai đồng. Tao chỉ có ngàn đó thôi ! Nhưng hai đồng, đủ để ăn một tô mì rồi ! Thì ăn... đại một tô cho nó đã ! Tao dợm bước vào tiệm nước bồng nhớ lại vợ tao hồi sáng khi trao cho tao hai đồng đó, có dặn: “Chiều, anh ghé chợ Cây Quế mua 6 cái hột vịt và nửa giỏ rau. Về, anh bắc nồi cơm bỏ vô luộc trước. Chờng mẹ con em về, em làm nước mắm rồi hầm cho nhà ăn.” Hình ảnh cả nhà tao 7 đứa quây quần bên “nửa giỏ rau và 6 cái hột vịt” và hình ảnh tao một mình ngồi ăn tô mì... làm tao khựng lại. Tô mì mà tao muốn ăn, thèm ăn, là cả một bữa ăn của gia đình ! Tao không thể đổi được. Thà là tao nhịn thèm. Thà là tao chịu đói để về ăn chung với vợ con. Ăn thứ gì cũng được, ít nhiều gì cũng được, dở ngon gì cũng được. Miễn là ăn chung với tụi nó. Để thấy rằng cuộc đời tao bây giờ chỉ còn lại có tụi nó là quý thôi ! Tao nghe thương vợ thương con vô cùng. Và tao cũng nghe thương thân tao vô cùng...

Tao đứng yên nhìn ra mưa bồng nghe hai má của mình ướt lạnh. Đưa tay lên vuốt mặt mà nghĩ rằng mình vuốt nước mưa trên má...

(Trên đây là lá thơ viết lờ mờ, của ai viết cho ai, tôi không biết. Thơ viết trên giấy tập học trò, Chữ nhỏ li-ti, nhưng đẹp và rõ nét. Tinh cờ, tôi nhìn thấy “nó” trong xấp giấy gói hàng của bà bán xôi đầu ngõ nên tôi xin...)

chuyện chẳng có gì hết

Thật vậy, chuyện chẳng có gì hết. Nhưng sao nó cứ đeo theo ám ảnh tôi từ mấy hôm nay. Tôi cứ nghĩ đến nó, nhớ rõ từng chi tiết, hình ảnh, từng xúc động trong lòng mình lúc đó. Để rồi trần trở bản khoăn, không biết những người khác – những người Việt Nam cũng lưu vong như tôi – có cùng một tâm trạng như tôi hay không, nếu họ chứng kiến câu chuyện chẳng có gì hết này. Đó là lý do tôi muốn kể lại những gì tôi đã nghe thấy cách đây mấy hôm. Và tôi nghĩ : kể lại, chắc sẽ làm nhẹ bớt những gì từ bao lâu nay tôi chất chứa trong lòng...

...Hôm đó, tôi đi mua đồ ở siêu thị. Sau khi kiểm điểm lại những gì mà vợ tôi dặn mua – một danh sách mười mấy món – tôi đẩy xe caddie lại xếp hàng để ra két. Vì đông người nên hàng thật dài, kéo sâu vào hành lang giữa hai dải kệ đầy bánh kẹo. Tôi đứng ở cuối cái đuôi, kiên nhẫn đợi, bởi vì người xếp hàng đã đông mà caddie của người nào cũng đầy ăm ắp.

Phía trước tôi, cách hai người, có ba con đầm tuổi choai choai chắc đi chung nên thấy xô đẩy nhau cười nói. Chúng nó nói chuyện với nhau, nói lớn tiếng như chúng đang ở ngoài đồng và như đùa này cách đùa kia hàng trăm thước ! Một đứa bồng lấy ra một điện thoại di-động bấm nút rồi nói chuyện. Vì hai đứa kia đang nói lớn tiếng nên nó phải la lớn hơn để người đối thoại mới nghe. Đại khái, nó hỏi : “ Hôm qua mày đi với thằng nào ? ... Super... Ừ ! Ừ ! ... Thằng Alex hả ?... Génial ! ... Ừm ! Ừm ! ... Génial ! ... Rồi mày làm sao ?... Ừm ! Ừm !...”. Bồng nó rú lên vừa nháy cẳng vừa hét vào máy : “ Ó ! Ó !...Super ! Super ! Génial !... Ờ... Thôi ! Mày gọi lại tao há ! Bye ! ” Nó đóng máy lại mà mắt môi vẫn còn đầy kích động ! Có vài người nhìn nó, nhưng cái nhìn dừng dừng. Chẳng thấy có ai cau mày hay lắc đầu nhẹ nhẹ để thấy họ có phản ứng, dù là gián tiếp ! Coi như chuyện bình thường...

Tôi thì tôi không chịu được ! Thật là mất dạy. Mà ở xứ Pháp này, cái thứ mất dạy như vậy, đây ! Chẳng còn nề nếp gì hết, chẳng còn lễ độ gì hết, chẳng còn kiêng nề gì hết. Loạn !

Chính trong lúc đó tôi nghe phía sau tôi giọng đàn bà nói tiếng Việt Nam : " Sophie ! Đừng làm như vậy ! Mẹ nói đừng làm như vậy !". Ngạc nhiên, tôi nhìn lại : đứng ngay sau tôi là một thiếu phụ Việt Nam tuổi độ ba mươi và một đứa bé gái tóc vàng mắt xanh cỡ chừng bảy tám tuổi. Thấy tôi nhìn, cô ta mỉm cười gật đầu chào, rồi tiếp tục nói với đứa con : " Mẹ dạy con làm sao ? Muốn cái gì cũng phải hỏi ý mẹ trước. Thứ này ở nhà con còn tới hai hộp lận, ăn chưa hết mà con lấy nữa làm gì ?" Đứa bé đứng cúi đầu. Cô ta nói tiếp, giọng hơi gần : " Sophie ! Nhìn vào mắt mẹ nè !" Đứa bé ngược lên nhìn mẹ, đôi mắt xanh chớp chớp. Người mẹ vừa nói vừa chỉ hộp bánh nằm trong caddie : " Con đem hộp bánh trả lại trên kệ hàng cho mẹ ! Đừng làm cho mẹ giận, Sophie !" Đứa bé làm theo lời mẹ, rồi trở về nắm ống tay áo mẹ giựt giựt nhẹ, giọng như sắp ướm nước mắt : " Mẹ đừng giận con, nghe mẹ. Mẹ đừng giận con..."

Ngạc nhiên, tôi nói : " Cháu nói tiếng Việt giỏi quá, há cô !". Mẹ nó cười tươi : " Dạ, lúc nào nó nói chuyện với cháu nó cũng nói bằng tiếng Việt. Còn nói với ba nó thì nó nói tiếng Pháp". Rồi cô ta quay qua nói với con : "Chào ông đi con". Con bé khoanh tay cúi đầu : "Dạ chào ông". Tôi đưa tay xoa đầu nó, nói được có một tiếng "Giỏi" rồi nghẹn ngang. Tôi vội nhắm mắt quay mặt đi để che giấu niềm xúc động. Nhắm mắt mà tôi vẫn thấy đứa bé khoanh tay cúi đầu chào, một cử chỉ rất tầm thường nhưng sao nó bật lên cho tôi hình ảnh quê hương, cái quê hương ngàn trùng xa cách ? Từ lâu, rất lâu – có lẽ cũng gần ba mươi năm – tôi không còn thấy cái cung cách lễ độ đó. Ở Việt Nam, phần lớn các bà mẹ đều dạy con như vậy. Bây giờ, trên xứ Pháp xa xôi này, một người mẹ Việt Nam trẻ tuổi chẳng những dạy đứa con lai nói rành rọt tiếng Việt mà còn dạy cả cung cách Việt Nam nữa. Người mẹ đó bỏ xứ ra đi, đã biết mang theo những gì quý nhứt của quê hương. Hình ảnh Việt Nam bỗng ngời lên trước mắt...

Trả tiền xong, tôi quay lại nói : "Thôi ! Chào cô nhen ! Thấy cô dạy cháu bé như vậy, tôi thật cảm phục. Ở đây, hiếm lắm, cô biết không ?". Cô ta cười : "Dạ ! Có gì đâu? Mình là người Việt Nam mà bác. Dạ ! Chào bác". Bé gái đang phụ mẹ chất đồ lên quầy cũng ngừng tay nhìn tôi cúi đầu chào... Thấy thương quá !

Trên đường về tôi miên man nghĩ tới người thiếu phụ trẻ tuổi đó và thấy quý những người như vậy vô cùng. Không phải tại vì hiếm mà quý. Mà tại vì nhờ có những người như vậy cái gốc Việt Nam vẫn còn, vẫn có trên khắp các nẻo đường lưu vong.

Rồi liên tưởng nhắc tôi một thằng bạn. Tụi tôi quen thân nhau từ nhỏ. Lớn lên, nó làm trong nhà nước, tôi làm hãng tư, nhưng vẫn thường gặp nhau. Nó di tản trước tháng tư 75 rồi định cư ở Pháp. Tôi bị kẹt lại, sống mấy năm trời lận đận. Sau đó tôi vượt biên. Rồi cũng định cư ở Pháp. Chúng tôi lại gặp nhau ở Paris. Nó làm việc cho nhà nước Pháp, cuộc đời ổn định từ lâu. Tôi lêu bêu một dạo rồi trôi qua Phi Châu mới có công ăn việc làm. Từ đó, chúng tôi bật tin nhau...

Phải hai mươi năm sau, về Paris tôi mới lại gặp nó. Nó có nhà ở dưới tỉnh, cách Paris cả ngàn cây số. Nhân dịp lên Paris ở hai ngày để dự đám cưới thằng cháu, nó tìm gặp lại tôi ở nhà một người bạn chung. Nói chuyện suốt cả buổi chiều vẫn chưa thấy đã. Sau đó, nó biên cho tôi địa chỉ của nó trên một tờ giấy nhỏ, tôi nhìn mà nhớ lại thuở thiếu thời. Hồi đó, nó là một trong vài thằng viết chữ đẹp nhứt lớp, cho nên ông thầy chỉ định nó mỗi buổi sáng vào lớp trước giờ học để viết trên đầu tấm bảng đen cái thứ trong tuần và ngày tháng năm. Hồi thời đó, được chỉ định như vậy, "hách" ghê lắm ! Bây giờ, tuồng chữ của nó vẫn còn đẹp như xưa nhưng cứng rắn hơn.

Mấy hôm sau, tôi viết cho nó một bức thư dài, nhắc lại những kỷ niệm cũ mà hôm gặp lại nhau còn quên chưa kịp nhắc. Thằng con tôi bảo tôi viết xong đưa nó đánh vào máy vi tính rồi in ra cho tôi. Máy của nó có hệ VNI nên đánh chữ Việt Nam được. Tôi nói : "Không ! Ba muốn gởi thư viết tay, nó trang trọng hơn. Ngoài ra, khi bạn của ba cầm lá thư trên tay, chưa đọc, chỉ nhìn tuồng chữ thôi, ông ta cũng sẽ thấy được ba trong từng nét bút. Còn thư đánh máy, nó không mang một bản sắc nào hết, nó cứng ngắt, vô hồn..."

Mười ngày sau, tôi nhận được lá thư hồi âm của nó. Thư đánh máy và bằng tiếng Pháp. Tôi cảm thấy thật hụt hẫng. Tôi đâu có dè nó "mất gốc" đến độ như vậy ! Tôi chỉ còn nhìn ra được thằng bạn tôi ở cái chữ ký, còn lại là một thằng tây nào đó chứ không phải một thằng Việt Nam !

Tôi chưa xốt, nhưng cũng ráng đọc cho hết bức thư trước khi thả nó rơi vào sọt rác. Tình bạn mà tôi đã dành cho nó từ thời tuổi nhỏ chắc cũng đã rơi theo vào sọt rác, nghe nhẹ như hơi thở dài...

Đó ! Câu chuyện không có gì hết mà tôi muốn kể lại. Suy cho cùng, chắc nó có mang một "cái gì đó" chứ không phải "không có gì hết". Tại vì tôi không thấy. Chớ nếu nó không "nói" lên cái gì hết thì tại sao tôi cứ phải nghĩ ngợi băn khoăn ?

Có lẽ tại vì lâu nay tôi thường nghe người Việt lưu vong than đã mất quê hương, mà tôi thì cứ cho là chuyện bình thường, chẳng có gì phải suy nghĩ. Chính cái cung cách khoanh tay cuối đầu chào của cô bé tóc vàng mắt xanh đã bắt tôi phải suy nghĩ. Nếu người Việt lưu vong giống thằng bạn của tôi thì đúng là họ đã để mất quê hương thật. Còn như họ giống mẹ con người thiếu phụ trẻ tuổi mà tôi gặp trong siêu thị thì làm sao nói mất quê hương ? Quê hương còn nguyên đó chứ, thể hiện bằng tư duy, bằng ngôn ngữ, bằng phong cách đặc thù Việt Nam. Đó là cái gốc mà mình đã mang theo, chỉ cần một quyết tâm gìn giữ, vun bồi là nó sẽ đâm chồi nảy lộc... Còn hay hơn nữa : mình nên bắt chước người mẹ trẻ tuổi đó, coi chuyện gìn giữ cái gốc là chuyện tự nhiên, ai ai cũng phải làm. Tôi nhớ hoài câu nói của cô ta : "Dạ ! Có gì đâu ? Mình là người Việt Nam mà bác !". Và tôi tin chắc : một người như cô ta chẳng bao giờ than rằng đã mất quê hương !

Bây giờ thì tôi thấy "câu chuyện không có gì hết" thật sự không phải không có gì hết !

Cơm nguội

Ông già đó lái xe đưa hai thằng cháu nội sáu bảy tuổi đi ăn MacDonald's.

Bữa nay chúa nhứt, vợ chồng thằng con ông không có đi làm, nhưng vì phải đi dự đám cưới của một người bạn vào buổi trưa nên thằng con ông nhờ ông đến nhà vừa giữ nhà vừa trông chừng hai đứa nhỏ.

Nó đã điện thoại cho ông hôm tuần trước để... "xí chỗ" bởi vì nó biết hai đứa em của nó lâu lâu cũng nhờ ông làm như vậy.

Nhà ông chỉ cách nhà của các con ông có ba bốn chục phút xe hơi – nếu xa lộ không bị kẹt – nên việc đi lại không gây nhiều phiền phức.

Ông sống một mình, thành ra khi đứa con nào cần, gọi ông là ông "ừ" ! Trừ phi ông đã hẹn lỡ với mấy ông bạn già đi đánh bài ở nhà ông nào đó, hay đi ăn phở ở khu 13 chợ tàu Paris... Giữ hai đứa cháu đến bốn giờ chiều vẫn chưa thấy cha mẹ chúng nó về.

Giờ này phải cho chúng nó ăn cái gì – quen giữ mấy đứa cháu nên ông rành thông lệ đó.

Ông đề nghị đưa chúng nó đi ăn MacDo's, hai đứa vỗ tay nhảy cẫng reo mừng.

Vậy là ông chở chúng nó đi, sau khi viết ít chữ để lại trên bàn ăn cho vợ chồng thằng con ông biết.

Nhà hàng nằm ngoài đồng nên có sân chơi rộng lớn với nhiều đu và cầu tuột.

Giờ này thật đông khách, nhứt là trẻ con. Nhờ có bãi đậu xe mênh mông nên ông già không phải khó khăn tìm chỗ.

Vừa xuống xe, hai thằng nhóc chạy thẳng ra sân chơi.

Ông già nói với theo bằng tiếng Việt :

- Hai đứa muốn ăn cái gì để ông nội lấy.

Hai đứa không quay đầu lại nhưng nói to bằng tiếng Pháp :

- Hamburger và coca.

Ông lại hỏi :

- Không lấy happy meal hả ?

Hỏi như vậy, vì thông thường trẻ con hay lấy món đó để có đồ chơi.

Tụi nhỏ vừa trèo lên cầu tuột vừa nói lớn bằng tiếng Pháp :

- Không ! Cái đó của con nít !

Ông bật cười, vừa chửi thề "cha tụi bây" vừa bước vào trong.

Nổi đuôi một lúc rồi ông mang mâm đồ ăn ra ngồi ở một cái bàn ngoài sân dưới nắng, cho ấm. Hai thằng cháu nội của ông đang chơi cầu tuột, la hét bằng tiếng Pháp, om sòm.

Trong đám trẻ tóc vàng, chúng nó tóc đen mắt hí nên dễ thấy. Ông nhìn theo tụi nó trèo lên tuột xuống, chen chúc với bầy tây con mà ông thấy thương.

Hai thằng cháu nội của ông chỉ hiểu chớ không nói được tiếng Việt.

Tiếng Việt, tụi nó nói được có hai tiếng ” ông nội”. (Đó là bây giờ, sau khi được ông sửa nhiều lần.

Chớ hồi còn bốn năm tuổi, tụi nó gọi ông bằng ” ông nại”, nghe thấy cười lảm !)

Thành ra, trong đối thoại giữa ông cháu, tụi nó nói tiếng Pháp, còn ông thì dùng tiếng Việt.

Ông nghĩ :” Cứ bắt tụi nó phải nghe tiếng Việt, kéo không chúng nó sẽ quên.

Rồi mình sẽ đốc thúc ba tụi nó đưa tụi nó đi học nói và học viết nữa”.

Một lúc sau, thấy hai đứa nhỏ chơi đủ lâu, ông đứng lên vẫy tay gọi :

- Tí ! Tú ! Lại ăn nè !

Tụi nhỏ còn ráng tuột thêm hai lần nữa rồi mới chạy vào, mặt mày đỏ ửng, mồ hôi mồ kê.

Ông nói :

- Vô toa-lét rửa tay rửa mặt rồi ra ăn.

Hai đứa gật đầu nhưng vẫn cầm ống hút chọc lủng nắp ly giấy, hút vài ngụm coca trước khi hí hửng đi vào bên trong.

Ông mỉm cười nhìn theo mà nghe tình thương dào dạt trong lòng

...Ông nhớ lại ở bên nhà hồi xưa, hồi thời mà cha chúng nó bằng tuổi chúng nó bây giờ, ông cũng hay dẫn đi ” ăn cái gì ” lúc bốn năm giờ chiều chúa nhật.

Mà ở Việt Nam đâu cần phải lái xe đi cả chục cây số như ở xứ Pháp này.

Cứ thả bộ ra đầu ngõ là có đủ thứ để ” bỏ bụng ” : cháo lòng, mì, phở

...Hồi đó, khi được dẫn đi ăn, cha chúng nó cũng có bộ mặt hí hửng giống như tụi nó bây giờ.

Vậy mà cũng đã gần bốn chục năm...

Hai đứa nhỏ trở ra ngồi vào bàn ăn hamburger.

Thằng lớn, tên Tí, để ý thấy ông nội không có hộp MacDo’s nào hết, bèn hỏi :

- Ông nội không ăn gì à ?

- Không, ông không có đói.

Ông cầm cái ly giấy đựng cà phê đưa lên :

- Ông uống một cái cà-phê là đủ rồi.

Thằng nhỏ, tên Tú, chen vào, miệng còn ngòm ngoàm hamburger :

- Máy người già kỳ cục lảm ! Ăn uống không giống ai hết !

Thằng anh rầy :

- Nói bậy ! Mà nói như vậy là không có lẽ độ !

Rồi nó lên giọng người lớn để dạy em, nói chậm rãi :

- Người ta nói : mấy người lớn tuổi không biết cách ăn uống. Mà hiểu chưa ?

Ông bật cười, chửi đồng ” Cha mày ” !

Thằng Tí không hiểu tiếng chửi đó nên hỏi :

Ông nội nói cái gì vậy ? ” Cha mày ” là nghĩa gì ?

Ông đưa tay gãi cổ, tìm cách giải nghĩa :

- Ờ...ông muốn nói...Nghĩa là...Nghĩa là...

Thấy ông nội nó có vẻ gặp khó khăn trong tiếng Việt, thằng Tí đề nghị :

- Ông cứ giải nghĩa bằng tiếng Pháp đi, có lẽ dễ hơn đó !

Ông gật đầu, nói bằng tiếng Pháp :

- Ông muốn nói rằng...muốn nói rằng là ... con dễ thương !

- Merci ! Merci !

Thấy thương quá, ông chồm qua mặt bàn hôn lên má phình phính của nó. Thấy vậy thằng em đòi :

- Còn con ! Còn con !

Ông bèn đưa tay ôm hai cái đầu cứng lại rồi hôn chúng nó trơ trất. Hai đứa rụt cổ cười lên hắc hắc.

Trong khoảnh khắc đó, ông già cảm thấy không còn sự sung sướng nào bằng...

Ăn xong, thằng Tí xin phép ông nội cho tụi nó tiếp tục chơi một lúc nữa.

Ông vén tay áo nhìn đồng hồ rồi gật đầu. Hai đứa nhỏ vừa chạy đi vừa nói nửa tiếng tây nửa tiếng ta :

" Merci ông nội !"

Ông mỉm cười nhìn theo một lúc rồi mới đi vào bên trong lấy thêm một ly cà phê.

Ngồi vào bàn, ông vừa nhắm nhai vừa nhớ lại thời ông còn nhỏ. Hồi đó, ông ở dưới quê với bà ngoại.

Chiều nào đi học về, cũng bước vào bếp bốc một cục cơm nguội to bằng nắm tay rồi ra ngồi ngoài hiên ăn với miếng đường mía màu nâu sẫm đen nhỏ bằng ngón chân cái. Vậy mà sao ngon vô cùng ! Và ngày nào cũng vậy. Hễ nghe đói – ngoài hai bữa cơm chánh – là cứ vô bếp lục cơm nguội.

Lúc nào nấu cơm, bà ngoại cũng nấu nhiều. Bà nấu trong cái nồi đất và không biết nấu cách nào mà khi nguội cơm dính vào nhau chớ không rời. Cho nên chỉ cần cầm chiếc đũa bếp xắn xuống một cái là có ngay một cục cơm gọn bân ! Nồi cơm nguội luôn luôn nằm trên đầu ông táo. " Để kiến đừng bò vô, vì kiến sợ tro bếp". Hồi đó nấu bếp bằng củi nên bếp đầy tro. Lâu lâu, bà ngoại có hốt tro đổ bớt, nhưng vẫn chừa lại một lớp dày để giữ than cho âm ỉ dùng " ghế" nồi cơm.

Bà giải nghĩa :

" Sôi vừa cạn nước là đập tắt lửa ngọn rồi cời than với tro ra khỏi chụm ông táo, bắc nồi cơm xuống đặt lên đó cho gạo nở. Như vậy kêu là ghế nồi cơm. Nấu cơm ngon hay không ăn thua ở cái chỗ biết ghế hay không biết ghế. Chỉ có vậy thôi !"

Bà coi chuyện nấu cơm trong nồi đất và bằng lửa củi là chuyện dễ ợt. Điều quan trọng đối với bà ngoại là phải nấu dư dư ra một chút.

"Cho thằng nhỏ nó có cơm nguội nó ăn".

Nói như vậy chớ thỉnh thoảng bà cũng cho "thằng nhỏ" một khúc khoai mì hay một củ khoai lang ... Những thứ không phải hiếm – nứt là ở vùng quê – nhưng vì nhà nghèo nên những thứ như vậy cũng trở thành hiếm hoi cho lúc đói lòng của " thằng nhỏ"

...Nghĩ đến đó, ông già buông tiếng thở dài. Sao mà có thể nghèo như vậy được ?

Bà ngoại chỉ có mấy nọc trà, vài hàng cau, đôi ba cây ổi cây mít... Ngàn đó thứ chỉ đủ cho hai bà cháu có hai bữa cơm rau khô mắm hằng ngày. Vậy mà bà ngoại cũng ráng nuôi cho ông đi học. " Cái thứ mớ cô, Trời bù cho cái khác. Thằng nhỏ sáng dạ học giỏi, bắt nó ở nhà chăn trâu sao đành".

Vậy là ông phải cấp sách đến trường như mọi đứa trẻ khác và chiều về nếu không có củ khoai thì vẫn còn có nồi cơm nguội...

Thành ra, cơm nguội đối với thằng nhỏ nghèo là ông hồi đó, lúc nào cũng có giá trị như hamburger của hai thằng cháu nội của ông bây giờ.

Còn hơn thế nữa là nhờ có cơm nguội mà ông đã đi hết bậc tiểu học một cách trơn tru rồi sau đó thi đậu học bổng vào trường lớn ở Sài Gòn, cũng dễ dàng như bà ngoại nấu cơm trong nồi đất !

Ông già vén tay áo xem đồng hồ rồi đứng lên gọi :

- Tí ! Tú ! Về, tụi con !

Hai đứa chạy lại mang mâm hộp không ly không dĩa vào trong rồi theo ông nội chúng nó ra xe.

Về đến nhà thì ba mẹ của hai thằng nhỏ cũng đã về rồi. Ba chúng nó hỏi bằng tiếng Việt :

- Tụi con đi chơi có vui không ?

Hai đứa gật đầu. Thằng Tí giành nói :

- Ông nội cho tụi này chơi cầu tuột, chơi đu, lâu thật lâu. Đã luôn !

Ba chúng nó quay sang ông già :

- Tụi nó có ngoan không, ba ?
 - Ngoan chớ. Dễ dạy lắm.
 Mẹ chúng nó vừa đưa cho mỗi đứa một cái bánh sô-cô-la vừa nói bằng tiếng Pháp:
 - Mẹ tưởng tụi con không có đi ra ngoài nên mẹ mua bánh cho tụi con đây.
 Hai đứa vừa ôm mẹ hôn vừa nói
 ” Cảm ơn ! Cảm ơn ! ” tía lia. Thằng Tú bẻ cái bánh của nó ra làm hai rồi đưa phân nửa cho anh nó :

- Ăn với Tú nè ! Để dành cái bánh của Tí lát nữa ăn !
 Thằng anh vui vẻ cầm lấy phần bánh nói ” merci ” rồi vừa hôn lên má em vừa nói bằng tiếng Việt :

- Cha mày !
 Mẹ nó giật mình, tròng mắt, la lên bằng tiếng Pháp :
 - Tí ! Sao con chửi nó ?
 - Con đâu có chửi. Con nói nó dễ thương mà !
 - ” Cha mày ” là tiếng chửi đó !
 - Hồi nãy, ông nội nói ” cha mày là dễ thương ” !
 Ông già bật cười trong lúc mọi người đều ngạc nhiên nhìn ông không hiểu. Ông nói :
 - Ờ ! Hồi nãy ba có giải nghĩa như vậy khi thằng Tí nói một câu dễ thương. Thật ra, hai tiếng đó tùy trường hợp và tùy cách nói mà thành tiếng chửi hay tiếng máng yêu, tụi con hiểu không ?
 Mẹ chúng nó quay sang hai con, nói bằng tiếng Pháp :
 - Tiếng đó chỉ có người lớn mới có quyền dùng thôi. Tụi con không được nói, nghe chưa ?
 Thằng Tí gật đầu, rồi vừa kéo thằng em đi vào trong vừa cầu nhàu :
 - Ồ...tiếng Việt Nam rắc rối quá !
 Mấy người lớn nhìn nhau mỉm cười. Ông già nói, giọng nghiêm trang :
 - Ba nghĩ tụi con nên sắp xếp thì giờ để chở tụi nhỏ đi học nói và học viết tiếng Việt. Ở Paris thiếu gì chỗ dạy. Ngoài ra, ba cũng muốn nhắc tụi con thường xuyên nói tiếng Việt với chúng nó thay vì dùng tiếng Pháp. Để cho chúng nó đừng quên. Mình đi lưu vong, bỏ hết mất hết. Chỉ còn có tiếng nói mang theo mà cũng để cho mất luôn...thì mình sẽ thành ra cái giống gì, hử các con ?
 Giọng ông già bỗng như nghẹn lại.
 Ba mẹ tụi nhỏ chừng như xúc động , làm thinh. Yên lặng một lúc, mẹ thằng Tí vừa đi vào bếp vừa nói :

- Để con đi làm cơm. Ba ở lại ăn với tụi con nghen.
 - Không, con. Chơi một chút rồi ba về.
 Ba tụi nhỏ rót trà vào tách đưa cho ông già :
 - Biết ba thích uống trà nên con có pha sẵn bình Ô Long cho ba đây.
 - Ờ...Cảm ơn con !
 Ông già hớp một hớp, đặt tách xuống, gật gù :
 - Ừm...Ngon !
 Rồi ông tiếp :

- Hồi nãy, ở ngoài Mac Do’s, tự nhiên sao ba nhớ lại ba hồi nhỏ. Hồi đó, vì nghèo nên ba đâu có quà bánh gì để ăn. Ba chỉ biết có cơm nguội ăn với đường mía, loại đường cục đậm đen nhìn không thấy thêm mà khi cắn vô mùi mật mía thơm phức làm tươm nước miếng.
 Ông già ngừng nói đưa tách lên mỗi hớp một hớp trà, làm như ông vừa bắt gặp lại vị ngọt đậm đà của cục đường đen và ông cần một hớp trà để đẩy đưa cho hậu vị...
 Người con ông ngồi đối diện, uống trà trong im lặng. Anh biết cha anh đang sống lại với dĩ vãng nên không dám làm xáo trộn giòong suy tư của cha.
 Ông già nói tiếp :

- Hồi thời đó bà ngoại của ba nấu cơm trong nồi đất, nhúm lửa bằng giãem bào, chụm bằng củi. Muốn cho lửa bắt phải hít hơi đầy phổi rồi dùng ống trúc mà thổi nhiều lần. Ống trúc đó gọi là ” ống thổi”. Khi sử dụng, phải để ý. Bởi vì ống thổi có một đầu sạch và một đầu dơ. Đầu sạch là đầu mà mình chụm môi kê vào để thổi, còn đầu dơ là đầu mà mình thọc vào chỗ có lửa. Đầu đó

luôn luôn bị cháy nám đen và dính tro bụi. Người không biết, thổi ở đầu dơ, một lúc sau mồm mép dính lọ đen thui mà không hay !

Ông già khịt mũi cười rồi mới tiếp :

- Rồi phải đợi cơm sôi để hạ lửa, sớm một chút là cơm nhão, trễ một chút là cơm khê. Nấu cơm cực lảm chớ không phải như bây giờ nấu bằng nồi điện, chỉ cần nhận có cái nút !

Ông ngừng nói, cầm tách lên hớp mấy hớp trà. Ba thằng Tí cũng đẩy đưa :

- Như vậy mới là tiến bộ, chớ ba.

- Dĩ nhiên. Đó là điều cần thiết cho cuộc sống. Bây giờ mà bắt mấy bà mấy cô nấu cơm bằng nồi đất, bằng lửa củi...chắc họ nổi loạn ! Ba muốn nhắc lại chuyện nấu cơm hồi trước là để cho con thấy trong hột cơm hồi đó có chút công sức của người nấu, có chút tình người làm cho hột cơm có giá trị hơn hột cơm " nhận nút " của thời bây giờ. Chỉ có vậy thôi.

Ông già ngừng nói, nhìn thằng con một chút rồi tiếp :

- Nhưng chuyện mà ba muốn nói ở đây là chuyện " cơm nguội" . Cơm nguội là một thứ chẳng có gì hấp dẫn ! Cho dù nó có nằm trong nồi đất hay trong nồi điện gì, nó cũng không gọi thèm như tô phở hay tô mì. Nó không có chỗ đứng trong hàng quà bánh. Chẳng ai để ý tới nó hết ! Vậy mà khi mình đói và chẳng có gì ăn thì cục cơm nguội lại trở thành " có giá" ! Nó như loại bánh xe xơ-cua của xe hơi : bình thường chẳng ai nhìn đến, nhưng khi bị xẹp bánh mới thấy cái bánh xơ-cua, dù đã mòn lẩn, thật hữu ích vô cùng.

Ông già lại ngừng nói, tự tay rót trà vào tách, chậm rãi như để cho thằng con có thời giờ " thắm " những gì ông muốn nói. Sau một hớp trà, ông tiếp :

- Con thấy không ? Cục cơm nguội cũng có cái giá trị của nó đó chớ ! Ngoài ra, khi ăn cục cơm nguội, đối với những ai chỉ biết nồi cơm điện chớ chưa từng biết cái nồi đất như tụi con chẳng hạn, thì cục cơm nguội chẳng gọi lên hình ảnh gì khác. Nhiều lắm là chỉ gọi lên hình ảnh cái bánh xơ-cua thôi ! Còn như đối với những người như ba, nhai cục cơm nguội là nhớ công ơn người thổi lửa nấu cơm nuôi mình. Nhai cục cơm nguội là nhớ cái gốc nghèo của mình. Cái gốc mà từ đó ba đã cố gắng vươn lên để về sau, ở Sài Gòn, tụi con mới có đủ thứ quà bánh bỏ vào bụng khi cần, và để bây giờ, ở đây, tụi thằng Tí thằng Tú mới có hamburger . Con thấy không ? Cơm nguội đâu phải chỉ là cơm nguội !

Dứt lời, ông già đứng lên cầm tách trà uống một hơi. Ông đặt tách xuống rồi nhìn ra ngoài :

- Thôi, ba về kẻo tối. Già rồi, mắt mũi mờ lắm, con à.

Rồi ông hướng vào trong, nói lớn :

- Ông nội về nghe tụi con !

Tụi nhỏ ló đầu ra cửa buồng nói nửa tiếng Pháp nửa tiếng Việt " Au revoir Ông Nội".

Có tiếng mẹ chúng nó từ trong bếp vọng ra

:" Dạ ! Ba về. Lái xe cẩn thận nghen ba !"

Ra đến cửa, ông già đưa tay bắt tay thằng con. Anh ta cầm tay cha, vừa siết mạnh vừa nói :

- Cám ơn ba ! Cám ơn !

Trong cái siết tay đó, hình như người con muốn nói lên một điều gì...

Anh ta đưa ông già ra xe, đứng nhìn theo chiếc xe đi lẩn ra ngõ trong ánh hoàng hôn chập choạng.

Xe đã đi khuất mà anh ta vẫn còn nhìn theo hướng đó, ân hận sao hồi nãy mình không nói được một lời gì để cho cha hiểu rằng mình thương cha vô cùng...thương vô cùng...

Trên đường về nhà, ông già lái xe chậm rãi. Hình ảnh cục cơm nguội vẫn còn vương vấn đâu đó ở trong lòng.

Bỗng ông thở dài, lẩm bẩm : " Minh, bây giờ, cũng chỉ là một thứ cơm nguội đối với các con. Tụi nó chỉ phone tới, khi nào tụi nó cần..."

Con đường trước mặt ông sao thấy như dài thăm thẳm...

Chuyện giả tưởng

(Đây là một chuyện giả tưởng. Viết dưới dạng ...kiếm hiệp để thấy cái chất hoàn toàn giả tưởng của nó. Vậy, nếu có trùng hợp với ngoài đời là sự ngẫu nhiên ngoài ý muốn của tác giả).

...Gã tên là Nguyễn Văn Mít (Tên giả đó. Sau này, trong khi tung hoành trên chốn giang hồ, gã còn thay tên đổi họ... lia chia để đánh lạc hướng kẻ địch. Cho nên, cả hai phía hắc bạch chẳng biết đâu mà mò !) Người ta truyền tụng rằng gã thuộc giòng dõi mấy đời khoa bảng, chớ thật ra ông nội của gã là nhà nông. Điều này giải thích tại sao gã sanh ra đã biết cắm thù địa chủ. Sự cắm thù đó thể hiện qua lập luận rất tà giáo sau đây : tất cả những thằng có ruộng đều là địa chủ, mà hễ là địa chủ là phải ác ôn, tất cả những người làm ruộng đều là bần nông, mà hễ là bần nông thì phải thay trâu để cày bừa. Cái lý luận của Mít đưa đến khẳng định : để không còn có người bóc lột người, phải lôi bọn địa chủ – lớn nhỏ hàm-bà-lãng – xuống làm bần nông hết (Sau này, khi Mít đã gồm thu một phần thiên hạ và lên làm minh chủ võ lâm, hắn đã áp dụng " chiêu số đầu tổ địa chủ " một cách bừa bãi, giết hại không biết bao nhiêu sanh linh thuộc cả hai phe hắc bạch, gây sóng gió trên chốn giang hồ một dạo !)

Mặc dầu có gốc nhà nông nhưng Nguyễn văn Mít lại không thích làm ruộng. Gã lý luận : tại vì mình làm ruộng mới sanh ra giới địa chủ. Và gã cũng không thích đi học, bởi vì nhà trường để ra trí-thức, trí-thức để ra bất công (Mấy thằng có chút chữ nghĩa lúc nào mà không ăn trên ngồi trốc ?) bất công để ra bè phái, bè phái để ra...v.v. Cho nên sau khi biết đọc biết viết sơ sơ, gã bỏ đi " giang hồ tầm sư học đạo " để thực hiện cái mộng của hắn : làm bá chủ võ lâm ! (Bàn về trí thức, giáo chủ Bắc phái – một hệ phái hắc đạo lừng danh giang hồ – đã tuyên bố một câu...xanh đờn : " Trí thức không bằng một cục gạch ". Thật đúng với tư tưởng của Mít ta. Cho nên sau này Mít đã tìm đến thợ giáo với vị giáo chủ đó hết một thời gian, học được những quái chiêu vô cùng tàn khốc. Như chiêu " trăm hoa đua nở ", khi phát chiêu người nghiêng nghiêng như cành liễu đong đưa, hai tay dang ra như đón chào, từ lòng bàn tay chưởng phong tuông ra thật nhẹ nhàn mang theo mùi thơm ngọt ngào mời mọc như mùi rượu " trúc điệp thanh "...làm địch thủ ngất ngây, nhắm mắt bước vào vòng chưởng lực ! Ghê gớm vậy đó !)

Một hôm, Nguyễn văn Mít dừng chân ở một quán nước nằm cạnh bìa rừng. Trong khi xì xụp húp tô nước với nóng hổi, gã nghe (Cái... nghề nghe lén này, gã là số một !) hai tên có vẻ đạo tặc ngồi ở bàn bên to nhỏ mà tay vẫn không rời đống kiếm :

- Đại huynh liệu đến chùa Thiếu Lâm có biết đường dẫn tới Tàng Kinh Các không ?

- Ta đã có mang theo sơ đồ, người yên tâm. Ta chỉ cần người nhanh tay hạ thủ mấy tên sư đứng gác quanh đó. Còn bên trong ta sẽ lo liệu.

- Nghe nói ở đó chứa rất nhiều võ công bí kíp lưu truyền tồn trữ từ mấy mươi đời. Người giang hồ nói chỉ cần học được một pho thôi cũng đủ làm cho bốn phương cao thủ võ lâm nể mặt.

- Người nói đúng. Nhưng mà...

Tên này bỗng liếc sang Mít, làm tô nước với trong tay của gã xuyết rơi xuống bàn. Mít vội vã húp lia húp lịa không kịp thổi (Mới ra giang hồ, còn kém bản lãnh là cái chắc !) Tên " đại huynh " đứng lên :

- Ta đi thôi ! Đường còn xa.

Rồi cả hai khoác bọc hành lý, bước ra khỏi quán.

Đợi cho chúng đi một hồi, Mít trả tiền rồi cắp mã-tấu lẻo đẹo theo sau. Vừa đi vừa suy nghĩ : " Mình muốn tầm sư học đạo mà thiên địa mệnh mông biết sư ở mô ? Thời may gặp hai tên này gợi ý cho mình lên chùa Thiếu Lâm thọ giáo. Kệ nó ! Mình cứ tạm cạo đầu làm sư làm tiểu một thời gian rồi sau đó xuống núi mặc tình mà tung hoành ". Rồi gã lại suy nghĩ : " Mà mình phải thủ tiêu hai tên đạo tặc này mới được. Kẻo chúng nó lên... làm rùm trên đó thì sức mấy mà mấy thằng trọc không nghi mình nằm vùng ? " (Xưa nay, Mít thù địa chủ, ghét trí thức, và không ưa

thầy tu. Cho nên mới gọi ông sư là " thẳng trọc ". Mít lý luận : " Bọn này là bọn đứng ở kẻ giữa, nghĩa là không theo phe nào hết. Vậy là không theo phe ta. Phải xem chúng như thành phần nguy hiểm ") Nghĩ đến đó – đến hành động thủ tiêu hai tên đi phía trước – Mít hăm hở cầm chắc mã tấu, nín thở nhón chân chạy theo. Gã định từ phía sau " phụng " cho mỗi đứa một phát (Cái trò... đánh lén hạ cấp này cũng là " nghề " của gã, bởi vì gã chủ trương " mọi " phương tiện đều tốt, quân tử tiểu nhân là cái... khỉ gì ? ") Chưa kịp ra tay, gã đã nghĩ lại : " Chúng nó hai thẳng. Mình mới phụng thẳng đầu thì thẳng kia đã phụng lại mình rồi. Không ổn ! Không ổn ! " Vậy là gã dừng lại, núp sau góc cây, tìm một phương kế khác. Vốn tánh khôn ranh xảo quyệt, nên chỉ cần vài phút sau là gã đã nghĩ ra một quỷ kế để đưa gã vào làm đệ tử Thiếu Lâm mà không tốn công sức và ...nước bọt để xin xỏ, lại còn được lòng tin cẩn của các " sư tiền bối " nữa là khác ! Quỷ kế đó như sau : xin cùng đi với hai tên kia cho có bạn trên đường dài ; trong khi chuyện trò, mình thổ lộ tâm tình rằng thì là mình chán mùi tục lụy nên muốn lên chùa Thiếu Lâm để quy y đầu Phật (Thế nào chúng nó cũng nói rằng chúng nó cũng muốn lên xem thắng cảnh ở trên đó !) ; lần hồi mình làm thân với chúng nó để đánh tan mọi nghi kỵ ngờ vực ; đến chùa, mình lạy xin quy y, nhưng..." bỏ nhỏ " với mấy sư rằng bọn nó có gian ý, bằng cớ là trong người thẳng " đại huynh " có tấm sơ đồ để xâm nhập Tàng Kinh Các ...Thế là xong chuyện !

Vậy mà xong chuyện thật ! Nguyễn văn Mít đã được một vị sư chùa Thiếu Lâm nhận làm đệ tử (Đòi thứ mấy gã cóc cần biết). Hằng ngày, ngoài việc tập luyện võ nghệ, gã phải nấu nước pha trà và quét dọn chánh điện. Mới đầu gã thấy thích thú. Nhưng sau một tuần trăng gã bắt đầu càu nhàu : " Bắt trèo lên tuột xuống lau chùi mấy tượng phật muốn ...học xì dầu mà chỉ mới dạy đứng trung bình tấn và thở khí công. Cứ đà này thì còn lâu mình mới thành cao thủ ".

Một hôm, gã bỗng nhớ lại câu chuyện của hai tên đạo tặc định đột nhập Tàng Kinh Các. Rồi gã suy nghĩ : " Tại sao mình không lén vào đó ...'chơm' đại một pho rồi tuột xuống núi chạy về xứ ? Học thẳng trong sách có phải nhanh hơn không ? " Lại suy nghĩ : " Tàng Kinh Các thì mình biết ở đâu rồi. Nhưng muốn vào đó không phải dễ ? Phải qua hai thẳng trọc ngồi ngay cửa vào và tránh mấy thẳng khác đi tuần rôn chung quanh. Mặc dù mình được các sư tin cẩn, nhưng không có lý do mà đi lén quẩn gần đó chúng nó cũng sanh nghi. Phải để ra một cái cớ, hay đợi một cơ hội...". Mấy hôm sau, cơ hội đã đến với Mít : chú tiểu quét dọn Tàng Kinh Các ngã bệnh, Mít ta – người đã được phương trượng gọi là " cứu tinh của Thiếu Lâm Tự " sau vụ tố cáo hai tên gian tặc – được cất đi thay thế. Được lệnh, lòng Mít như ...mở cờ, nhưng ngoài mặt thì cứ tỉnh bơ như chẳng có chuyện gì quan trọng (Đây cũng là điểm cốt cán của con người Mít : nhìn bên ngoài ít ai đoán đúng trạng thái ở bên trong. Cho nên sau này, trong những kỳ đại hội quần hùng, biết bao nhiêu cao thủ võ lâm đã làm Mít. Họ đã ôm hôn Mít – hồi này đã đổi tên là Xoài – " thám thiết tình huynh đệ chi giao " để rồi ít lâu sau tử vong trong chường phong của gã !) Vậy là sáng bữa đó, Mít – mặt hiền như bụt – cắp chổi cầm khăn vào Tàng Kinh Các.

Sau khi kính cẩn châm trà cho vị sư già đang ngồi đọc sách trên bồ đoàn đặt ngay giữa đại sảnh, Mít lui cui quét dọn lau chùi, miệng như lầm râm niệm Phật mà mắt thì ...láu lièn. Gian phòng này không rộng bao nhiêu, nhưng sách nằm trên kệ thì đầy tường. Ngoài ra, còn nhiều ngã vào bên trong nhưng bị đóng lại bằng những cánh cửa to có khoá. Mít nghĩ : " Mẹ nó ! Biết quyền nào mà lấy !" Nhưng khi nhớ lại những gì đã nghe lén ở quán nước, gã tự nhủ : " Quyền nào mà chẳng dạy võ công. Cứ xem pho nào vừa ...tầm tay mà cũng đừng to quá để lặn lưng không thấy cộm ... là đớp." Thế là sau khi để ý đến một quyển kinh đứng ... tiêu chuẩn gã cứ lau đi lau lại vòng vòng để ... rình " thẳng trọc " ngồi kia. Lâu sau, vị sư già – chừng như mỗi một – chấp tay nhắm mắt. Đợi một lúc, gã khúm núm thưa nhỏ : " Bạch sư cụ ... " Gã ... bạch mấy lần mà sư ông vẫn làm thinh. Gã mừng rỡ ... phóng lại chỗ để cái khăn lau làm dấu khi này, rút lấy quyển kinh nhét lẹ vào lưng. Nhìn lại sư cụ thấy vẫn chấp tay nhắm mắt thờ đều. Gã từ tốn cắp chổi cầm khăn nhẹ nhàng đi ra mà nghe trong lòng đang ... thổi kèn đánh trống ! Đêm đó, gã " tuột " xuống núi, không quên mò lại kẹt đá lấy thanh mã tấu mà gã đã cất giấu trước lúc gã lên chùa xuống tóc quy y (Hành động của gã ở chùa Thiếu Lâm – gọi nôm na là lừa thầy phản bạn – người trên chốn giang hồ chẳng ai hay biết. Các nhà sư được lệnh nín khe. Có lẽ sợ mất mặt. Mãi

về sau này, một vị sư ... phản tình đã " xì " ra, nhưng lúc đó Mít – đổi tên là Hà văn Ổi – đã là giáo chủ của một môn phái, nên ... hồ sơ được xếp vào văn khố !)

Xuống núi, sau khi chạy đến tờ mờ sáng thấy đã khá xa, Mít lủi đại vào một bìa rừng núp xem động tĩnh. Thấy êm rơ nên gã bèn trèo lên một cành cây to rút quyển sách ra coi. Quyển sách đó đã bị một ăn mất trang bìa và mấy trang đầu. Bên trong cũng bị lũng rất nhiều lỗ nhưng vẫn còn nhiều chữ và hình vẽ. Gã sung sướng quên cả mệt nhọc, nhét quyển sách vào ngực, tựa lưng vào thân cây suy nghĩ miên man :

" Vậy là chẳng mấy chốc mình sẽ thành cao thủ. Phải là cao thủ mới lập ra môn phái, mới chế ngự được quần hùng, mới gồm thâu được thiên hạ, mới thanh toán hết địa chủ, mới dè dặt được lũ trí thức, mới nắm cổ mấy thằng trọc, mới ... mới ... " Rồi gã ngủ thiếp đi ... ngon lành !

Vậy là trên đường về xứ – bây giờ gã đã đổi tên là Lý văn Xoài – mỗi ngày Mít (Xin lỗi. Tôi vẫn phải dùng tên Mít để đọc giả dễ dàng theo dõi câu chuyện, kẻ không, sẽ không còn biết ai là ai nữa !) trốn vào một nơi vắng vẻ mở sách ra học. Mới đầu còn hơi khó hiểu, khó làm. Thêm phần sách bị một đục nên phải khổ công mò mẫm. Nhưng nhờ mấy chương đầu còn nhiều hình vẽ với những mũi tên chỉ dẫn nên lần lần gã cũng hấp thụ được. Nội công của gã càng ngày càng thâm hậu, và gã đã có thể đào khoét sâu dưới đất một cái hang có ngõ vào được bít lại, rồi gã nằm dưới đó mấy hôm mà không ... chết ! (Sau này, trong công tác nghiên cứu các tuyệt kỹ võ lâm, ngài Ku-Ba-Móp của xứ Nga-la-tư có đặt giả thuyết rằng gã đã ngậm mấy viên nhựa ... á phiện để chịu đựng. Giả thuyết chưa được kiểm chứng nhưng vẫn ... lưu hồ sơ !)

Khi về đến xứ thì gã đã có thể phóng mã tấu mà không nghe ... tiếng gió (thế mới chém lén kẻ địch được !) và trong bóng tối gã vẫn xuất chiêu trúng đích dễ dàng (thế mới là ... hắc đạo !) Có điều là những chiêu thức của gã phần nhiều thật quái dị. Lý do là khi đọc tới những hàng chữ bị một ăn mất gã cứ ... ráp đại những hàng chữ còn lại với nhau cho nó ... xong chuyện ! Ví dụ như khi gã học chiêu " Đao thức trực chiếu ", trong sách có mấy dòng chữ bị một đục, gã đành đọc " nhảy " nên khi phát chiêu, đường mã tấu lại đi ... cong cong chớ không đi thẳng ! Ngay như chiêu " Chê trúc ", rất tầm thường mà trên giang hồ ai ai cũng biết, đường mã tấu của gã đang đi xuống bỗng dừng lại – chỗ này sách bị một đục – rồi rút về như thâu thức – lại một đục mất mấy hàng – chọt lại ... chém tiếp, chém tiếp ! Cho nên cao thủ võ lâm chỉ thấy ở gã toàn là quái chiêu thôi (Vài chục năm sau, chính những chiêu thức " không giống ai " đó đã làm cho mấy " đại cao thủ " của xứ Đại Hùng Kê và xứ Đại Bàng bị thân bại danh liệt)

Về xứ, gã rút vào một cái hang đá ở vùng cao nguyên để tiếp tục luyện tập võ công. Lâu lâu, gã ... xuất hang để " tiểu ngoạn giang hồ ", thâu nạp đồ đệ và để kết giao với các giáo phái khác hầu có thêm vây cánh. Hồi này, quê hương của gã vẫn bị thống trị bởi xứ Đại Hùng Kê, cho nên gã dùng chiêu bài " cứu quốc " để quy tụ quần hùng, bởi vì gã biết rằng ai ai cũng muốn " viết lại trang lịch sử " giống như phong trào " Phản Thanh phục Minh " ở bên Tàu thuở trước. Trong thâm tâm của gã muốn mượn tay quần hùng để diệt bọn Đại Hùng Kê, rồi sau đó gã sẽ chế ngự quần hùng để gã lên làm võ lâm bá chủ là cái mộng của gã xưa nay ! Về phía quần hùng thì họ xem Nguyễn văn Mít tức là Xoài (Nhưng bây giờ đã đổi tên là Hà văn Ổi) như một nhân vật có khả năng liên kết tất cả các phe hắc bạch, bởi vì sau mấy lần luận kiếm, họ nhận thấy đường ... mã tấu của gã không thuộc một môn phái nào cả (Cái thế " vô sư môn " của gã hoá giải mọi tranh chấp phe phái vốn dĩ là nguồn chia rẽ xưa nay của giới võ lâm). Vậy là toàn thể quần hùng nhất tề " đứng lên cứu nước " dưới sự lãnh đạo của Mít (tức là Hà văn Ổi). Quyển bí kíp bị một đục vậy mà đã giúp gã " làm nên sự nghiệp ".

Trở lại chuyện luyện tập võ công của Mít – ở trong hang, dĩ nhiên – gã tuyên bố với đệ tử và quần hùng rằng ở hang để đừng bị ràng buộc bởi vật chất xa hoa và gã ở một mình để dễ tập trung tư tưởng ngày đêm tìm đường cứu nước. Vậy là mọi người rút lui êm lặng mà lòng thán phục con người đã quá hy sinh vì đại nghĩa đó ! Chẳng ai biết rằng gã đang cố gắng học cho chóng hết quyển bí kíp võ công đó để còn tiêu hủy nó đi hầu xoá tan dấu vết. Gã còn nghĩ : " Ngày nào mà quyển bí kíp còn, là ngày đó sanh mạng của mình vẫn không yên. Sẽ có những thằng khốn nạn tìm cách giết mình để cướp bí kíp. Hoặc sẽ có những thằng mất dạy lén ăn cắp trong lúc mình sơ hở. Loại đệ tử phản thầy thời nào mà không có ? Nguy hiểm ! Nguy hiểm !

Sách mà lọt vào tay chúng thì thế giới này sẽ ... loạn tới đâu ? ". (Phải lý luận như thế mới là ... đỉnh cao trí tuệ ! Điều gì " ta " làm, cái gì của " ta ", hay ... lấy về cho " ta " đều đúng đều tốt, đều có chánh nghĩa. Còn những gì " của lũ chúng nó " đều sai, đều xấu, đều nguy hoàn toàn !)

Thấm thoát mà Mít đã học gần hết quyển sách. Bây giờ nội lực gã rất thâm hậu, võ công gã đã vào mức thượng thừa. Mỗi chiêu phát ra là cả mười hai thành công lực đẩy tới ! Từ xa, gã có thể phá sập một nhịp cầu đúc hay đánh lật một đoàn xe lửa nặng cả ngàn tấn mà chỉ sử dụng công lực của ... một ngón tay ấn xuống cái nút đỏ ! (Ngày xưa, Đoàn Nam Đế bên Tàu có môn " nhứt dương chỉ " lừng danh giang hồ, nhưng so với môn " độc chỉ công " này của gã thì chẳng thấm vào đâu cả). Còn " thần sầu quỷ khóc " hơn nữa là gã chỉ cần dang hai tay ... hốt một cái là " cát bay đá chạy, nhà sập cây ngã ". Môn này gọi là " Bình địa thức ", là môn mà gã thường dùng nhứt để đánh dấu nơi nào gã đã đi qua...

Hôm nay, gã dứt điểm quyển bí kíp. Chiêu thức cuối cùng này, bởi vì gã đã vượt mức thượng thừa, chỉ cần đọc đến đâu là tự nhiên tâm ý phát huy đến đó. Hai tay gã đưa tới đưa lui càng lúc càng nhanh. Chưởng phong nghe o o ... Vách đá bốn bên và trên trần bể vụn ra nhỏ, rơi rào rào ... Gã chấp tay thâu thức, trầm khí đản điền, rồi vừa cười to vừa hét lớn : " Ha ! Ha ! Ta đã thành công ! Ta đã thành công ! " Tiếng của gã dội trong vách đá, nghe vang vang tiếp nối một cách thật là ma quái...

Gã cầm quyển sách lên, vừa lật nhanh mấy trang mới học xong vừa suy nghĩ : " Từ quyển sách nhỏ này ta sẽ tạo nên một môn phái vĩ-đại ! " Bỗng gã thấy ở trang cuối có mấy dòng chữ nhỏ. Gã đưa lên đọc : " Đến đây là hết quyển Thượng dạy về môn Đả Phá. Xin đọc tiếp quyển Hạ dạy về môn Xây Dựng để phát huy toàn bộ pho võ thuật Thái Bình Thư này ". Gã ngạc nhiên thốt : " Thì ra còn một quyển nữa mà ta không biết. Tiên sư nó ! " Suy nghĩ một lúc, gã bỗng cười khẩy : " Xây dựng là cái gì mà mấy thằng trọc vẽ vờ ? Với công lực thiên hạ vô địch của ta, chuyện di sơn đảo hải ta còn làm được thì chuyện gì mà ta không làm được ? " Rồi gã cười to ngạo nghễ, đập hai bàn tay vào nhau : quyển sách tan thành mảnh vụn...

Thời gian sau, Mít tái xuất giang hồ với cái tên mới là Hà Văn Ổi, lập môn phái Hồng Kỳ giáo thâu nhận đệ tử, chiêu dụ quần hùng, đánh đuổi bọn bạch chủng Tây Vực, gồm thâu thiên hạ rồi lên làm võ lâm chí tôn với khẩu hiệu " Muôn năm trường trị "...

Rồi ba mươi năm sau...

Thanh mã tấu " trấn giáo " của Nguyễn Văn Mít (tức Xoài, tức Ổi...) đã truyền qua mấy đời chưởng môn. Vị nào cũng là " đại cao thủ ", nhưng không có vị nào đề ra được môn võ công mà giới giang hồ gọi nôm na là " Xây Dựng ". Cho nên, Hồng Kỳ giáo chỉ biết có " Đả Phá " dài dài...

Đền trung thu

Sài Gòn đang vào Tết Trung Thu. Sài Gòn, bấy giờ đã được đổi tên. Cũng đúng thôi ! Bởi vì "nó" không còn giống cái "Sài Gòn" của thời trước, cái thuở mà mỗi món vật mỗi con người đều được nhận diện một cách trung thực, cái thuở mà tiếng nói chưa bị thâm nhập bởi những "mỹ từ... dao to búa lớn", cái thuở mà tình cảm còn thật là tràn đầy... Cái tên mới của Sài Gòn có hơi... dài, nên sau này, người ta chỉ còn gọi là "thành phố", vừa ngắn gọn lại vừa hợp... thời trang !

Sài Gòn bình thường đã rộn rịp. Vào dịp Tết Trung Thu lại còn rộn rịp gấp bội. Xe cộ – đông nhưt là xe mô-tô, loại sau này được gọi chung là Honda – chạy đầy đường, chạy loạn, tiếng máy nổ điếc tai thêm bóp kèn liên hồi inh ỏi. Quán lều cũng đầy đường. Hàng họ chưng bày cũng đầy đường. Bánh mút đèn lồng Trung Thu cũng đầy đường. Coi thật là phồn vinh sung túc.

Trong rừng xe cộ đó, có một người đàn ông cỡi xe đạp chở ba đứa nhỏ. Nhìn anh ta là thấy ngay rằng anh ta không "hợp thời". Anh ta còn đội nón Panama, một loại nón mà thời trước người ta nhập cảng từ Nam Mỹ. Mặc dù cái nón – vốn là màu trắng – đã ngả màu vàng và vành

nón có nhiều chỗ rách tưa..., cái nón đó vẫn thấy lạc lõng giữa phố phường đầy nón cối, mũ tai bèo, nón lá, nón rơm, nón kết. Anh ta còn mặc áo sơ-mi sọc, cổ đứng tay dài, mặc dù sơ-mi bỏ ngoài quần và mang giày nẹp nhẵn vì đã không được ủi. Anh còn mặc quần tây dài màu sậm còn đủ bờ-li và nhứt là còn mang đôi giày da đen mũi nhọn – loại “xịn” – mặc dù giày đen đã ngả màu xám xám vì đầy bụi đất.

Trong lúc mọi người ăn mặc rất tự do, rất... giải phóng, đại loại như áo thun ba lỗ quần đùi dép cao su, hoặc sơ-mi ngắn tay phạch ngực quần pi-da-ma chim cò dép nhựt hoặc những bộ đồ màu xanh cỏ úa rộng thùng thình dép lốp xe... thì lối ăn mặc của anh ta – thật tình – không đúng “tác phong của thời đại” ! Ngay như chiếc xe đạp của anh ta cũng không hợp với rùng xe cộ chung quanh. Nó ọp ẹp cũ kỹ, giống như đã được lắp ráp chắp vá bằng những món đồ góp nhặt được từ những chiếc xe đạp phế thải. Cái giỏ sắt gắn ở phía trước ghi-đong (thường dùng như pọt-ba-ga) đã được cắt xén để trở thành cái ghế ngồi cho thằng bé, đứa nhỏ nhứt trong ba đứa. Còn cái pọt-ba-ga phía sau thì được nối dài ra một chút, mặt được lót ván và phía dưới có hàn hai thanh sắt ngắn để gác chân. Hai đứa nhỏ còn lại ngồi trên đó, đứa lớn ôm đứa bé, đứa bé – vì còn nhỏ quá không ôm được eo ếch của gã đàn ông – nắm chặt lấy vạt áo sơ-mi, nắm bằng cả hai tay...

Trong luồng xe cộ chạy như điên, hối hả, lòn lách... người đàn ông thản nhiên đạp chậm rãi vững chắc dọc theo hè phố. Mấy đứa nhỏ nhìn ngang nhìn dọc, tranh nhau hỏi, tranh nhau nói, líu lo:

- Ba ! Ba ! Coi kìa ! Đèn Trung Thu ở đâu mà nhiều quá hén ba.
- Ba ! Ba ! Cái gì mà bụi quá xá đằng kia vậy ?
- Tại sao ông già ổng ôm cột đèn vậy ?
- Sao ông xích-“dò” ổng nằm ngủ trên xe vậy ?
- Bộ ở đây người ta đá ở gốc cây được hả ba ?
- Cha... Ông này ổng mua tới bốn cái đèn Trung Thu.
- Mình cũng đi mua đèn nữa, hén ba ?

Đứa nhỏ ngồi ở giữa, giọng khàn khàn:

- Anh Việt nói chừng ảnh “dón” ảnh mua cho con cái đèn máy bay bụi bằng cái nhà ở !

Đứa lớn ngồi phía sau cười hắc hắc, ôm em nó lắc qua lắc lại:

- Ủa ! Mà Nhi phải đừng nói ngọng mới được. “Lớn” thì nói “lớn”, chớ cái gì mà “dón” hả ?

Đứa nhỏ nhứt ngồi trong giỏ phía trước, nói chen vào, cũng ngọng trót :

- Anh Nhi ảnh nói “nhọng” “vá” hả. Há ba ?

Làm cả bọn cười vang. Tiếng cười của cha con nhà đó hồn nhiên, thanh thoát, bị chìm lấp trong dòng thác tiếng động điết tai, vừa ô-hợp, vừa khô khan của phố phường đầy người, đầy xe, đầy bụi...

Đến một góc đường khá thoáng, nghĩa là vỉa hè còn có chỗ trống, thấy có một xe đẩy treo đầy đèn Trung Thu đủ kiểu đủ cỡ và đủ màu sắc đang nằm gần đó, người đàn ông rà xe đạp vào lề:

- Tụi con coi kìa, đèn Trung Thu kìa ! Để ba ngừng đây cho tụi con xuống lựa nghen !

Mấy đứa nhỏ “ồ” lên sung sướng. Đứa bé nhứt bỗng vỗ tay cười hắc hắc giống như bị cù léc. Nó la lớn:

- Đèn ! Đèn ! Đèn ! Đèn !

Thả bầy con xuống xong, người cha bảo:

- Tụi con lại đó coi đi ! Lựa đi ! Ba ngồi đây đợi.

Trong lúc mấy đứa nhỏ vây quanh xe bán đèn lồng, người đàn ông chống chân lên bờ hè, rút ở túi áo sơ-mi một điều thuốc . Đó là loại thuốc vắn tay (sau cuộc “đổi đời”, vì không còn tiền để hút thuốc loại sản xuất kỹ nghệ nên phần đông dân “ghiền” mua thuốc rê Gò Vấp về trộn với thuốc vàng Lạng Sơn rồi vắn hút. Nhiều người vắn sẵn ở nhà rồi cho vào bao hay hộp mang theo mình cho tiện khi cần đi đâu...). Cầm hộp quẹt máy trong tay lắc lắc cho xăng thấm lên đầu tim, người cha đó hướng về bầy con nói to, khá to, để át tiếng ồn man dại của thành phố:

- Tụi con lựa đi nghen ! Lựa đi ! Thứ nào cũng được hết ! Máy bay, xe tăng, bươm bươm gì cũng được hết ! Đứa nào thích thứ nào thì nói cho ba biết. Lát nữa về nhà, ba làm cho y như vậy hà !

Nói xong, anh ta để điều thuốc lên môi, chẹt hộp quẹt đốt . Bập vài cái cho lửa bắt rồi hít một hơi thật sâu để thở khói ra dài, thật dài... Làm như anh ta muốn trút ra theo khói một cái gì đang nghẹn trong lòng ngực. Chung quanh, người ta, xe cộ đi như loạn.

thằng dân

Trong chuyện phiếm này, tôi gọi " thời chú Sam" để chỉ miền Nam trước tháng 4 năm 1975 và " thời bác Hồ " để chỉ miền Nam dài dài sau đó. Cho thấy miền Nam trước có chú, rồi sau có bác thay thế nhau chăm sóc tận tình. Thật là...đại phước !

Ở xứ nào không biết, chớ ở Việt Nam xưa nay người dân vẫn được coi như không có... kí lô nào hết, mặc dù họ đông như kiến !

Hồi thời Pháp thuộc (Phải lấy thời này để làm cái mốc cho thời chú Sam và thời bác Hồ. Bởi vì không có Pháp thuộc thì làm gì có bác Hồ, làm gì có chú Sam ?), có " ông Tây bà Đầm" ăn trên ngồi trốc. Người dân sanh ra vốn... thấp cổ bé miệng, không ngóc đầu lên được. Văn chương hồi đó hay viết " dân ngu khu đen " nghe thật miệt thị nhưng lại diễn tả rất rõ nét vị-trí... sát đất của người dân (chỉ có ngồi lê dưới đất nên khu mới đen như vậy !) và xác nhận với chính sách ngu dân thời ấy, người dân ngu là cái chắc.

Câu " dân ngu khu đen " cũng từ từ biến thể cho hợp thời trang ngôn ngữ, và trở thành " dân đen " cục lốc. Không... sáng sủa hơn bao nhiêu, nhưng bớt được tiếng " ngu " cũng đã là một... tiến bộ. Không phải nhờ vậy mà người dân khôn ra, lẽ dĩ nhiên. Nhưng hai tiếng " dân đen " nói lên rõ rệt sự khác biệt giữa dân bản xứ da vàng và nhà cầm quyền hồi đó, toàn là dân da trắng !

Người dân hồi đó được thực dân gọi một cách miệt thị : cu-li, nhà quê. Dù anh có ăn học, dù anh có nghề nghiệp, người da trắng vẫn coi anh là cu-li là nhà quê tuốt.

Nhớ lại một hôm, anh tôi và tôi đạp xe đi dạo bên tàu Sạc-ne (sau này gọi là bến Chương Dương và sau này nữa tên là... Tôn Đức Thắng !). Thấy hai tên lính lê-dương (légionnaire) Pháp, to như cái tủ đứng, ngồi chõng lên nhau trên một chiếc xích-lô đạp, làm chổng bánh sau lên. Anh phu xích-lô, ốm tong ốm teo, không biết làm sao để giải thích rằng ảnh không thể nào chở được hai người, vì ảnh nhẹ quá. Ảnh bèn cầu cứu chúng tôi. Có lẽ ảnh thấy chúng tôi có vẻ học sinh sinh viên chắc biết ít nhiều tiếng Pháp nên nhờ thông-ngôn. Anh tôi " ra tay nghĩa hiệp " can thiệp. Một tên lê-dương túm ngực anh tôi, sùng sộ bằng tiếng Pháp : " Đi chỗ khác ! Đồ cu li khốn nạn ! ". Dĩ nhiên chúng tôi không đợi nói thêm một tiếng, vội vã phóng lên xe, đạp đi. Một hồi xa nhìn lại thấy một thằng lê-dương đạp xích-lô chở một thằng lê-dương, chạy vù vù, cười hắc hắc ! Còn anh phu xích-lô thì hỏn hển chạy bộ phía sau, chẳng nói chẳng rằng... Những hình ảnh đó bây giờ nhớ lại, đã sáu chục năm qua mà sao lòng vẫn còn nghe căm phẫn !

Sau hiệp định Genève, Pháp... phú-lơ-căng (Âm tiếng Pháp " Foutre le camp " = đông mắt – rất thông dụng thời đó) Việt Nam bị chia làm đôi, lấy sông Bến Hải làm ranh giới. Người dân miền Bắc sống với cái-gọi-là tự do của miền Bắc. Người dân miền Nam cũng có cái tự do riêng của miền Nam. Cũng là " tự do " cả nhưng trong hình thức có rất nhiều dị-biệt. Bắc Nam bỗng trở thành hai xứ như là lạ hoắc ! Tuy nhiên, dù đất nước bị chia hai, cái " khối " người dân không có gì thay đổi, nghĩa là vẫn còn nguyên là những con cò...

Rồi miền Nam có ông vua Bảo Đại – chuyên sống ở Pháp – vì thương dân nên gởi ông Diệm về Việt Nam tham chánh. (Ông vua này thì người dân biết từ lâu. Ít ra cũng biết... tên !). Rồi có ông Diệm, vì thương dân nên... lật ông Bảo Đại rồi lên làm tổng thống. (Ông này thì người dân chỉ mới biết khi ông trèo lên ghế tổng thống. Cứ nghe ra rả hằng ngày " Toàn dân nhớ ơn Ngô tổng thống ", không biết rồi cũng phải biết !) Rồi có chú Sam, vì thương dân Việt Nam, ra tay giúp đỡ ông Diệm hết mình. Người dân bắt đầu biết đến chú Sam với lá cờ nhiều sao và hình vẽ hai bàn tay nắm lấy nhau được dán lên nhiều món hàng ngoại quốc nhập cảng. Nhìn cái nhãn, người ta hiểu đơn giản là bàn tay chú Sam nắm bàn tay người bạn mà chú giúp đỡ. Chẳng nghe ai thắc

mắc : " Chú Sam muốn nói chú giúp mình hay chú muốn nói tao bắt mày phải đi theo tao ? "
Người dân miền Nam vốn... thiệt thà !

Bây giờ, người dân hết là dân đen. Không phải được... đổi màu như người dân miền Bắc, mà là được tẩy sạch trong từ ngữ miền Nam. Tuy nhiên tùy hoàn cảnh, tùy trường hợp, tùy tâm trạng mà người ta cũng có gọi người dân bằng " thằng dân ", nghe hơi nặng một chút. Nhưng riết rồi " người dân " hay " thằng dân " đều nghe cũng... xem xem (Âm tiếng Mỹ " Same same " = như nhau). Bởi vì, nặng nhẹ gì thì người dân cũng đã quen được coi như không có kí lô nào hết xưa nay !

Lâu lâu người dân cũng nghe các chánh trị gia gọi mình là " khối quảng đại quần chúng " nghe thật... rõ-ràng khó hiểu nhưng lại khoái lỗ tai, hoặc gọi là " toàn thể nhân dân " rất nho-nhã nhẹ nhàn, và lắm khi gọi " đồng bào thân mến " nghe thật là... âu yếm !

Thật tình, người dân vào thời này bắt đầu thấy rằng mình coi vậy mà cũng " có giá ". Hết còn nghe gọi người " dân " cộc lốc, mà lại được ghép vào với tiếng " công " oai vệ để trở thành " công dân ". Không có gì, nhưng mang thêm chữ " công " vẫn thấy quan trọng như " công chức ", " công sở ", " công khổ ", " công an " ...những thứ " công " làm toát ra sự " chẳng có thằng nào dám đụng tới ". Sướng chớ ! Mà thật vậy, có ai dám gọi " thằng công dân " đâu ? Thường thì gọi " người công dân " hay ít lắm cũng gọi "anh công dân ". (Chưa nghe ai gọi " ông công dân". Có lẽ tại vì gọi như vậy, người ta sẽ nghĩ là có " ẩn ý nhạo báng " !)

Từ ngày mang " chức " công dân, người dân được nhà nước chiếu cố..." đậm ". Ngày nào cũng kêu gọi " Này công dân ơi ! Quốc gia đến ngày giải phóng... ". Rồi gần đến ngày bầu cử tổng thống, dân biểu v.v... luôn luôn được nhắc nhở " đi làm bổn phận công dân ".

Nhân nói đến vụ bầu cử, phải thấy lúc đó người dân được... trọng vọng đến mức nào. Các ứng cử viên hay các liên danh ứng cử, trong thời gian vận động bầu cử, đều hết lời " o bế " người dân. Hàng ngày, trên truyền thanh truyền hình, trên báo chí bích chương... họ cúi xuống nâng người dân lên như nâng trứng mỏng, nói ngon nói ngọt để người dân bầu cho họ. Còn khuyên " nên chọn mặt gửi vàng ", làm cho người dân thấy tự nhiên mình... giàu ngang xương ! Cái lá phiếu trong tay người dân - bằng giấy - coi vậy... mà nặng kí !

Sau bầu cử, người dân được trả về cương vị bình thường của người dân, cộng thêm những người bị thất cử. Những người này, không cần hỏi ý kiến ai, cứ " đánh trống thổi kèn" tuyên bố rân lên rằng "Chúng tôi đứng về phe người dân để đối lập với chánh quyền!" Làm như hễ là dân là phải đối lập với chánh quyền vậy ! Cũng chẳng thấy có người dân nào đứng lên phản đối. Đã nói: người dân miền Nam vốn... thiệt thà !

Bỗng một hôm, " người ta " đảo chánh ông Diệm. Người dân ngơ ngác bởi vì, trái với những lần bầu bán, lần này người dân không được ai " hỏi thăm " hết, thậm chí chẳng nghe ai tuyên bố theo... truyền thống rằng " đảo chánh vì dân " ! Thì ra, " người ta " toàn là tướng tá, binh chủng này binh chủng nọ. Họ không phải... dân !

" Họ " đảo rồi, lại đảo nữa. Cuối cùng cũng lật được ông Diệm. Lần này, người dân thấy có vẻ an toàn nên cũng xuống đường hoan hô. Thật ra, trong thời đệ nhất cộng hoà, người dân đâu có bị chèn ép đè đầu cỡi cổ bốc lột tơi bời như thời Pháp thuộc. Người dân chỉ " ngựa con mắt " ở cái lối trích thượng ăn trên ngồi trốc quá lố lăng của gia đình ông Diệm, cộng thêm hành động kỳ thị tôn giáo quá lộ liễu. Vì vậy, khi ông Diệm và gia đình bị lật xuống, người dân thấy như được... nhổ cái gai trong con mắt, cho nên họ cũng vỗ tay hoan hỉ !

Tiếp theo là mấy ông tướng, ông tá đảo chánh nhau, đảo qua đảo lại. Người dân vẫn bị cho ra rìa, nên đứng ở bên ngoài xem như xem tuồng hài hước trên sân khấu. Vờ tuồng đang diễn bỗng bị chú Sam núp ở đâu đó giật giây hạ màn ! Người dân ngẩn ngơ, rồi cũng... xách đít " đi chỗ khác chơi " để " người ta " làm chánh trị.

Thật ra, vào thời điểm đó, miền Nam còn được cái may là có một người trong giới lãnh đạo " biết " nghĩ đến dân : đó là ông tướng tàu bay Nguyễn Cao Kỳ. Khi nắm chánh quyền, ông tuyên bố và cho kẻ khẫu hiệu đầy đường : " Chính phủ Nguyễn Cao Kỳ là chính phủ của dân nghèo ". Thật là ngạc nhiên đến... ngỡ ngàng ! Người dân nào đã lỡ giàu bỗng thấy mình thuộc vào loại... vô chánh phủ nên cứ phập phồng lo sợ, còn người dân nghèo thì lại băng khuâng không dám hoan

hồ vì không biết mình có thuộc vào cái..." típ " nghèo mà ông tướng đã tuyên bố ? Bởi vì có hạng nghèo xơ nghèo xác, có hạng nghèo rớt mồng tơi, có hạng nghèo mặc rệp, có hạng nghèo kiết .v.v... Thành ra, lời tuyên bố rất " nổ " của ông tướng giống như cục đá nhỏ rơi xuống mặc nước hồ, nghe cái chũm rồi... hết ! Tuy nhiên, lần đầu tiên người dân thấy mình được đứng chung với chánh quyền – dù chỉ là trên khẩu hiệu – cũng thấy có chút gì an ủi !

Rồi chú Sam ồ ạt đổ quân và đồ " PX " lên miền Nam mà chẳng thấy có " trưng cầu dân ý ". Người xưa nói " ý dân là ý trời ". Người nay cầm quyền, đã không cần đến ý dân thì đâu có ông nào nói với chú Sam : " Thừa chú, ông bà tôi nói như vậy...như vậy...". Cho dù có ai nói cho chú Sam thì cũng chỉ làm cho chú cười văng... sơ-quynh-gum, bởi vì chú đâu có tin. Chú đã từng bay lên trời, bay lên cung trăng, bay lên bay xuống như ăn hamburger hằng bữa... chú đã gặp ông trời đâu mà tin ! Vả lại xưa nay chú Sam chỉ thấy ý của chú là " năm bờ oan " thì chú đâu cần hỏi ý kiến của ai khác. Vì vậy, chú cứ... nhắm mắt đưa quân vào miền Nam như đi... vào chỗ không người. Chẳng có một người dân nào đứng lên phản đối. " Họ " – người dân – nói : " Mấy ông (ám chỉ nhà cầm quyền) đã ô-kê Salem với chú Sam rồi, mình có la nô-gút nô-gút (no good ! no good !) chỉ có... chó nó nghe !"

Trong " thời chú Sam ", mặc dù đang đánh giặc với Bắc Việt, người dân vẫn đi lại thông thả, miễn là đừng...l ội sông Bến Hải để ra ngoài Bắc. Năm khi mười hoạ mới bị hỏi căn cước. Trong trường hợp vào ra ở các " lãnh địa " của chú Sam thì lúc nào người dân cũng bị chú lính của chú Sam hỏi giấy bằng tiếng Việt bỏ sai dấu : " Cán cước!Cán cước !". Chẳng thấy người dân nào ...cười !

Ngoài ra thì đời sống của người dân rất tự do thoải mái. Tự do buôn bán. Đồ PX (dân gọi là pi-éc – là các mặt hàng nhập vào Việt Nam bán riêng cho quân đội chú Sam, không có thuế nên giá rẻ – lính chú Sam mua ra bán lại cho dân) tràn ngập các chợ trời. Còn hàng hoá sản xuất trong xứ cũng bán đầy các chợ các phố. Tự do ngôn luận, in sách, ra báo. Thật tình, ở đây có... lạm phát : báo đủ loại – báo ngày, báo tuần, báo tháng... khoảng chừng trên 30 tờ ! Người dân đọc... mờ con mắt luôn !

Cuộc sống tương đối dễ chịu, dễ...thờ. Đùng một cái,Việt Cộng tổng tấn công ngay trong ngày Tết Mậu Thân. Chúng tin tưởng rằng " toàn dân miền Nam sẽ nổi dậy lật đổ chánh quyền !". Té ra, người dân, vì sợ, nên chỉ lo bồng bế nhau chạy ! Lần đó, Việt Cộng thất bại nặng. Lần đó, người dân thật sự thấy tận mắt Việt Cộng là ai, để sau đó biến sợ hãi thành căm thù. Chỉ cần một ngòi nổ là nó bùng lên để " quạt " cho Việt Cộng một đòn " chí tử ". Vậy mà không thấy chú Sam... nhúc nhích một ngón tay ! Chú không đánh trả, đã đành. Chú còn ngăn không cho quân đội quốc gia đánh trả. Chú đi một nước cờ mà không ai hiểu gì hết ! Và lần đó người dân nhìn chú Sam bằng một con mắt khác. Họ nói : " Không biết cái thằng cha chú Sam này muốn cái gì ?Thiệt là ngược đời ! Kẻ thù thì mình biết rõ còn thằng bạn đồng minh nhai sơ-huynh-gum này thì mình...mù tịt !".

Từ chỗ nhận định nói trên, người dân bắt đầu nghi ngờ cái ý nghĩa của hai bàn tay nắm lấy nhau dưới lá cờ nhiều sao làm nền cho loại nhãn dán trên các đồ viện trợ. Ai cũng nghĩ rằng cái nhãn đó có...hai mặt. Giống như chú Sam, chú cứ phải nhai sơ-huynh-gum liên tù tì để không ai " bắt gân mặt " mà đoán chú đang nghĩ gì, bởi vì chú muốn giấu " cái mặt bên kia " của chú, không phải giấu với địch mà giấu với thằng bạn đồng minh ! Thế mới đau !

Rồi vì không còn tin tưởng nữa, người dân lo... thủ. Ai cũng dự trữ đồ ăn ! Có tiền thì trữ nhiều, không tiền thì chạy nợ để trữ chút chút. Cho nó " ăn chắc ", bởi vì thằng cha chú Sam này coi vậy mà không phải vậy !

Tình trạng nhập nhằng này kéo dài tới hiệp định gì gì đó ở Paris. Tiếp theo là lính chú Sam " gô hôm " từ từ, trước sự dửng dưng của người dân, bởi vì họ đã lật tẩy " cái mặt bên kia " của chú. Cái nhãn " hai bàn tay nắm lấy nhau " không bị mưa mà nó cũng tróc, giống như đồ thợ mã ! Rồi thì " cơm không lành canh không ngọt " giữa chú Sam và ông Thiệu (tổng thống đệ nhị cộng hoà – xin nhắc lại cho những ai không... muốn nhớ !) Đùng một cái, ông Thiệu ra lệnh bỏ Pleiku/ Kontum rút hết quân về vùng Duyên Hải. Quân đội và dân chúng ngạc nhiên đến bàng hoàng, bởi vì đã bị Việt cộng tấn công đâu mà phải rút ? Còn phía Việt cộng thì... giật mình vội vã " nâng cao

cảnh giác", nín thở bất động, bởi vì không biết "thằng ngụy ác ôn này định dở trò gì đây?". Người ta đồn (Hồi này, tin đồn đi nhanh hơn hỏa tiễn và người dân miền Nam chỉ sống bằng... tin đồn!) rằng ông Thiệu giận lấy thằng bạn đồng minh "xỏ lá" nên chơi một cú cho nó xanh mặt! Không biết chú Sam có xanh mặt hay không chứ thằng dân thì xanh mặt dài dài... Bởi vì không biết không hiểu gì hết. Cứ thấy quân đội tự nhiên rút chạy là cấm đầu chạy! Mà có hỏi quân đội thì – than ôi! – quân đội cũng bù trất! Vậy là kinh hoàng, là hỗn loạn! Vậy là cứ... nhắm mắt chạy. Chạy càng sợ! Chạy sợ càng chạy! Người dân giống như những con cò bị người chơi cò hất trọn bàn cờ xuống đất, văng tung toé khắp nơi, rơi vào hốc vào kẹt, rơi vào lỗ cống đường mương... Ai biết? Ai thêm biết? Nghĩ mà thương cho người dân miền Nam "sanh chẳng gặp thời"...

Từ miền Trung dài vô Sài Gòn, chỗ nào cũng thấy chạy. Dân chạy trước. Phía sau dân là quân đội. Phía sau quân đội, xa thật xa, là Việt cộng. Họ đã mất thời gian "điều nghiên tình hình" để nhận thấy hiện tượng "ngụy quân" rút đi là có thật. Thế là "ta" xua quân chạy theo "toé phờ" nhưng vẫn láo phét rằng "quân ta đuổi chúng nó chạy...toé khói"!

Tình trạng hỗn loạn này được tiếp nối bằng sự ò ạt di tản ra... biển Đông. Cũng là chạy nhưng chạy ra khỏi xứ!

"Thời chú Sam" được hạ màn vào cuối tháng tư năm 1975. Màn không được hạ từ từ theo đúng "điệu nghệ sân khấu" với giàn kèn đồng thổi bản "ò e rô be đánh đu"! Màn bị hạ... cái rẹt như bị đứt giây, bởi vì anh hạ màn... bỏ mẹ nó xuống cho rồi để còn vắt giò lên cổ chạy cho kịp nhảy lên chiếc trực thăng di tản cuối cùng!

Chú Sam "gô hom" để lại miền Nam vô số sơ-huynh-gum đã... nhai rồi và một lô con lai, có trắng có đen... gọi là kỷ niệm!

Đây nói về người dân vào "thời bác Hồ"...

"Thời bác Hồ" được... kéo màn khai diễn bằng một hình ảnh lẽ ra phải hào hùng, nhưng mấy anh Bắc Việt đã dàn cảnh vụng về cho nên đã trở thành ra lỗ bịch. Số là...

Ngày 30 tháng tư năm 1975, cổng vào dinh Độc Lập đã được mở rộng để "đón tiếp các anh em Giải Phóng", sau lời tuyên bố đầu hàng của ông Dương Văn Minh. Thay vì cứ đường hoàng oai vệ tiến thẳng vào dinh – vì là người thắng trận – mấy ông Bắc Việt đã dàn cảnh bằng cách đóng cổng lại để cho một xe tăng mang cờ Giải Phóng ủi sập rồi ngắt ngưỡng... bò vào bên trong như một thằng say. Báo chí, truyền hình chụp ảnh quay phim liên tù tì, cho thế giới thấy rằng "chính quân đội và nhân dân ta đã tiến công ủi sập chính quyền miền Nam". Trong màn diễn xuất đó, họ quên mất người dân nên chỉ thấy có lèo tèo mấy anh Giải Phóng! Trong lúc đó, dân chúng – khá đông – đứng xa xa nhìn một cách bàng quan, không hiểu "tại sao không chạy thẳng cha nó vô cho rồi, chứ đóng cổng làm chi để rồi phải ủi sập mới vô được, thiệt... làm chuyện ruồi bu!"

Tiếp theo là lá cờ Giải Phóng Miền Nam lớn bằng tám chiếu phe phẩy trên nóc dinh giống như người chạy việt dã vừa về tới đích. Và tiếp theo là hai câu đối thoại đáng "đi vào lịch sử": Khi được ông Dương Văn Minh – vị tổng thống... phù du nhứt lịch sử – nói: "Mời các ông ngồi vào bàn để chúng tôi bàn giao", một ông... nón cối Bắc Việt "phang" cho một câu "Bàn giao cái gì? Các anh thua trận, đầu hàng vô điều kiện mà còn cái gì để bàn giao?". Không biết những người miền Nam có mặt lúc đó – tổng thống, tổng bộ trưởng v.v... – có nghe "đau như hoạn"?

Vậy là...giải phóng! Người dân cũng có vỗ tay. Hết chạy loạn là... vui rồi. Hết giặc, con cái hết đi lính... là vui rồi. Một phóng viên miền Bắc phỏng vấn một bà già miền Nam: "Thế... bà má có vui không nào?". Trả lời: "Ờ... vui chứ! Nhờ có mấy ông giải phóng về kịp nên mới yên! Chớ không, tụi Việt Cộng nó pháo kích riết chắc chết quá!". Ở một nơi khác, phỏng vấn một anh xích lô, anh ta trả lời: "Vui chứ sao không vui! Đạp xích lô lúc nào cũng bị tụi nó nghi là Việt Cộng". Rồi anh chỉ vào mặt mình: "Anh coi! Mặt tui vầy mà là Việt cộng à?"

Mà vui thật! Ở Sài Gòn đông lắm. Thiên hạ đi đầy đường. Xe hơi, xe gắn máy, xe đạp... nối đuôi nhau nhích nhích. Vậy mà chẳng thấy ai gây gổ với ai, cũng chẳng nghe ai nóng nảy tin một tiếng kèn! Đó là lần đầu tiên người dân tự động "xuống đường", không phải để đấu tranh mà là để đi coi... bộ đội! Cũng giống như đi coi chợ phiên sở thú. Vui lắm!

Gánh hát mới khai diễn chưa kịp đánh trống thổi kèn quảng cáo mời mọc mà đã được khán giả bốn phương kéo tới xem thật đông như vậy thì thật là..." thành công, thành công, đại thành công !" Người dân cũng thấy khoái bởi vì toàn là đào kép mới – cái gì lạ cũng hấp dẫn – và bởi vì được đi coi... thả giàn.

Sau mấy lớp hài hước mở màn như chuyện mấy anh bộ đội nói dóc nói phét " Hà Nội cái gì cũng có ", chuyện " nhà ỉa nhà đái... trong xô ".v.v... sân khấu bỗng chuyển sang bi hài kịch mà trong đó người dân được kịch tác gia cách mạng đẩy lên đóng vai chánh ! Người dân ngạc nhiên dờ khóc dờ cười... Vai chánh đó có cái tên nghe lạ hoắc : " nhân dân làm chủ " !

Từ một tay ngang bước lên sân khấu, dĩ nhiên là cần được các đạo diễn chăm sóc dạy dỗ tận tình để người dân được... lột xác biến thành kịch sĩ.

Đầu tiên, người dân được mang một cái tên khác cho đúng với điệu nghệ kịch trường: tên " Nhân Dân " (Xưa nay, trong giới cải lương kịch nghệ có... truyền thống là khi đã " đi hát " thì người ta thường lấy một cái tên khác đẹp hơn kêu hơn là cái tên cúng cơm. Vậy mới là nghệ sĩ !) Rồi " cái " nhân dân đó được dạy hô khẩu hiệu – đó là những bài bản... gốc của cách mạng mà ai ai cũng phải biết hát, cũng như trong giới cải lương kép độc hay hề gì cũng phải rành " sáu câu "...Đại khái, chỉ có mấy khẩu hiệu như " vĩ đại, vĩ đại, vĩ đại ", như " muôn năm, muôn năm, muôn năm ", như " sống mãi, sống mãi, sống mãi ". Vậy mà không phải dễ ! Phải hô cùng một lúc và hô cho đúng nhịp. Hô lộn chộn là " có vấn đề đấy nhá !". Tiếp theo là tập võ tay. " Á... võ tay cũng phải tập chứ ! Có phải như thời Mỹ Ngụy đâu mà các anh các chị muốn võ thế nào là võ. Muốn làm chủ, nhân dân phải tập cả võ tay nữa cơ !" Thế là học võ tay : mọi người trong hội trường cùng võ một lúc, không cần khoái tử hay thích thú gì ráo, chỉ cần thấy anh cán bộ đang nói bỗng ngừng lại võ tay là ta võ tay thôi !

Tiếp theo là đi học tập ba hôm về đường lối chủ trương của cách mạng. Thượng vàng hạ cám gì cũng phải học tập ráo. Cùng ngồi chung với nhau – thường thì ngồi dưới đất vì không có đủ băng đủ ghế, và vì không đủ chỗ nên ngồi cả ra hàng ba, ra sân – cùng nghe chung những gì mấy cán bộ nói. Và vì mấy cha cán bộ nói dài quá, lại thay nhau nói cùng một đề tài bằng những lời lẽ y chang như nhau nên người " nhân dân ", kẻ trước người sau, cùng chung nhau... ngáp ! Suy cho cùng, ngáp cũng là một cách... phát biểu. Nó nói lên sự mệt mỏi chán chường. Về sau, khi đã..." quen nước quen cái " với những buổi hội họp học tập, với cái gọi là " Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý "...cách " phát biểu " độc đáo đó đã được người dân " khai triển " rất thoải mái, không phải giơ tay xin phép ai hết và cũng không sợ bị quy tội " bôi bác không khí nghiêm túc của hội trường ". Để thấy " Trong chế độ ta, nhân dân vẫn làm chủ... cái ngáp của mình đấy chứ !".

Tiếp theo (trong " thời bác Hồ ", lúc nào cũng có một sự " tiếp theo " nghĩa là chẳng bao giờ thấy một sự ngưng nghỉ, cứ " học tập tiếp theo học tập ", cứ " đấu tranh tiếp theo đấu tranh ", cứ " khai báo tiếp theo khai báo "...) nhân dân học tập khai lý lịch, học tập báo công báo tội, học tập làm sổ hộ khẩu sổ gạo... Hết học tập ở tổ dân phố thì kéo nhau ra học tập ở phường – cũng như vậy thôi nhưng đông hơn nên... vui hơn – rồi học tập ở quận... Rồi đi mét-tinh, đi đón tiếp phái đoàn này, đi chào mừng phái đoàn nọ, đi làm lễ đón nhận lẵng hoa của bác Tôn (ông già này thay thế bác Hồ, nhân dân đoán như vậy) Ôi thôi ! Rộn rịp, vui lắm !

Khác hẳn với " thời chú Sam ", người nhân dân bây giờ đi đến đâu cũng thấy cái sự làm chủ của mình nó... lòi ra cả đống. Bằng cứ là cái gì cũng thuộc về nhân dân ráo, cái gì cũng thấy dân nhân " nhân dân " mà chẳng cần phải " cầu chứng tại toà ". Sướng như vậy ! Này nhá : Ủy Ban Nhân Dân này, Toà Án Nhân Dân này, Quân Đội Nhân Dân này, Công An Nhân Dân này... đến tờ báo to nhất nước – của Đảng – cũng phải mang tên " Nhân Dân " đấy ! Làm chủ , sướng nhá ! Thế nhưng, có hai cơ quan mà nhân dân không được làm chủ : đó là tổng cục kế hoạch và ngân hàng. Chỉ có hai cơ quan này là đặc biệt mang nhãn " Nhà Nước " nên được gọi là " Tổng cục kế hoạch Nhà Nước " và " Ngân Hàng Nhà Nước ". Nhà Nước nắm cái tổng cục để độc quyền lên kế hoạch... hốt bạc đổ vào ngân hàng của Nhà Nước, vậy là an toàn nhưt rồi ! Người ta nói : " Đồng tiền là huyết mạch, Nhà Nước nắm cái huyết mạch đó là nhân dân... nhãn rằng ! " Nói như vậy là có ý bôi bác chế độ. " Hãy nhớ rằng, trong chế độ ta có sự phân công rõ rệt : Đảng lãnh đạo, Nhà Nước quản lý, Nhân Dân làm chủ. Muốn quản lý, Nhà Nước phải nắm cái... hầu bao

chứ. Không có cái đó thì quản lý cái đéch gì được. Rõ như thế đấy!". Lý luận chắc nịch như đinh đóng cột, nhân dân chỉ còn nước đi chỗ khác chơi.

Dù sao đi nữa, được lên đóng vai chủ trong vở trường kịch của " thời bác Hồ " vẫn thấy khoái hơn ở " thời chú Sam ". Thời đó, người dân chỉ là người dân quen với bộ mặt thật của nó, chưa từng biết thế nào là " vẽ lọ bôi hề ". Còn bây giờ, trên sân khấu cách mạng, người dân được tô son trét phấn để có bộ mặt khác – một bộ mặt không giống ai – vui chớ !

Qua " thời bác Hồ ", cái gì cũng thay đổi hết. Đặc biệt là người dân. Ngoài chuyện " nhân dân làm chủ ", người dân bây giờ nhìn lại mình cũng thấy không còn là mình nữa ! Cả cái thân hình trước đây, chỉ còn lại có... cái miệng. Mỗi một người dân được xem như là một " nhân khẩu " – một cái " miệng người " – Tờ khai gia đình thời trước bây giờ được thay bằng " sổ hộ khẩu " trong đó kê khai có bao nhiêu...cái miệng ! Nghĩ cho cùng, Nhà Nước cách mạng có lý, bởi vì trong công tác " quản lý ", chuyện đầu tiên phải lo là " nuôi ăn ". Vậy, phải biết rõ " ta " có bao nhiêu cái miệng. Thế... Ngoài ra, nếu thấy cái miệng nào đã có ăn mà còn đòi cả quyền " nói " thì " ta " chặn ngay không cho nó ăn. Có nói, đến chừng đói rã ruột ra thì cũng phải câm lại thôi. Đỉnh cao trí tuệ là ở chỗ này đấy !

Sau khi đã học tập tốt, nghĩa là người nhân dân đã rành bài bản để đóng vai " nhân dân làm chủ ", người nhân dân phải biết " đi thưa về trình ". Nói cho văn vẻ chớ thật ra là đi đâu phải xin giấy di chuyển của chánh quyền nơi cư ngụ và về phải trình lại giấy di chuyển có đóng dấu nơi mình đã đến. Nhân dân làm chủ khi dọn nhà qua ở chỗ khác phải làm thủ tục giấy tờ dời địa chỉ – gọi là chuyển hộ – có sự chấp thuận của chánh quyền hai nơi – nơi ở cũ và nơi ở mới – Nhân dân làm chủ phải đi lao động xã hội chủ nghĩa (Thời trước gọi là " đi làm...chùa "). Nhân dân làm chủ " phải " triệt để thực thi quyền làm chủ của mình nghĩa là " phải " làm thế này, " phải " làm thế nọ... toàn là những thứ " phải " mà ở " thời chú Sam " tìm đồ con mắt không có, ví dụ như phải đổi tiền, phải bị đánh tư sản, phải đi kinh tế mới, phải đi tập trung cải tạo... Chánh quyền mới gọi là " một cuộc đổi đời". Họ nói đúng ! Có điều là cuộc đổi đời đó xoay đến 180 độ, làm cho người dân thấy... ngất ngư !

Sau khi miền Nam được giải phóng, mấy cha Giải Phóng Miền Nam còn đang " cờ phát trống khua " trên sân khấu cách mạng bỗng bị... cúp điện hạ màn, đuổi vào hậu trường lãnh " lương cà phê " (Tiếng nhà nghề nói gánh hát không trình diễn, nghệ sĩ chỉ lãnh chút tiền để uống cà phê thôi) Họ bị giải tán một cách êm ru và dễ ợt như người ta liệng một miếng giẻ rách vào đồng rác, trước sự ngạc nhiên của người nhân dân làm chủ. Bởi vì chuyện " đại sự quốc gia " như vậy mà chẳng thấy " lũ đày tớ " nó hỏi qua ý kiến một lần ! Rồi đến vụ thống nhất đất nước, những " công bộc của nhân dân " cũng cứ quyết định một mình ên !

Thật ra, lầy công tâm mà nói, nếu có được hỏi thì cái " nhân dân làm chủ " cũng chỉ gật đầu nhất trí. Cứ xem nhân dân miền Bắc, tính đến năm 1975, họ " làm chủ " đã hai mươi năm, có thấy họ không nhất trí bao giờ ? Người dân chắc nghĩ rằng mình làm chủ nhưng còn thằng khác nó làm chủ cái bao tử và sinh mạng của mình nữa, vậy, cứ luôn mồm nhất trí là...chắc ăn nhứt ! (Một nhà văn lớn thời tiền chiến vào Nam thăm bạn bè sau 1975 đã nói nhỏ : " Tôi còn sống đây là nhờ tôi biết sợ ". Một câu để đời !) Cái ưu việt của chế độ là ở chỗ này đấy !

Tiếp theo là người dân học tập – lại học tập ! – đi bầu. Hồi thời trước, người dân cầm lá phiếu thấy mình... oai ghê lắm. Họ tự do chọn lựa ứng cử viên, họ nhìn ảnh của từng người và còn phê bình " líp ba ga " : ông này dễ thương, giống kếp Hùng Cường , ông này...cha ! coi bậm trợn quá, à ! còn bà này giống Túy Hoa ghê, coi đặng à v.v... Bây giờ thì khác : Đảng chọn, dân bầu. Sợ nhân dân mất thời giờ và mất công nên Đảng chọn dùm cho dân. Nhân dân chỉ còn có... nhắm mắt bầu. Sướng gần chết còn muốn gì nữa ? Có điều là bầu bán bây giờ không còn rầm rộ trống kèn như thời trước nên chẳng thấy có gì hấp dẫn hết.

Sau giải phóng, người dân miền Bắc đưa nhau vào Nam để " cứu trợ đồng bào ruột thịt miền Nam sống trong sự kềm kẹp của bè lũ ác ôn Mỹ Ngụy, đói khổ thiếu thốn vô cùng ". Còn người dân miền Nam, ít lâu sau, cũng lục tục kéo nhau ra miền Bắc, không phải để " tham quan " mà để... thăm nuôi thân nhân bị đưa đi tập trung cải tạo ngoài đó. Kề vô người ra như vậy thật là một sự... giao lưu đáng đồng tiền bát gạo, bởi vì nó " mở mắt " người dân của cả hai miền. Để thấy

rằng dù " ở " với bác Hồ hay " ở " với chú Sam, người dân vẫn là những con cò, không hơn không kém !

Bây giờ, gần ba chục năm sau giải phóng, cuộc sống miền Nam cũng đã ổn định, nghĩa là người dân vẫn... sống nhàn, không phải nhờ khẩu hiệu " dân giàu nước mạnh..." mà nhờ biết xoay sở để sinh tồn. Cũng có hàng hoá đầy chợ. Cũng có quán xá đầy đường. Cũng có vài tờ báo của đảng / đoàn / cơ quan để đọc – vài tờ cũng đủ... chán, đâu cần phải ba mươi tờ như " thời chú Sam " – Cũng có tiểu thuyết lai rai của Hội Nhà Văn – cái hội mà chế độ để ra để " gò " các nhà văn đi cho ngay cho đúng " đường lối chủ trương " – Cũng có nhạc vàng lá lướt đã thông qua sự kiểm tra của Cục Nghệ Thuật Biểu Diễn, một loại " cục " lúc nào cũng thấy... nằm chình ình trên các DVD và băng nhạc dưới dạng con tem, trên đó có ghi rõ tên chương trình, hãng sản xuất, số giấy phép, mã số và hàng chữ đỏ "Nghiêm cấm in sao dưới mọi hình thức ". Đảng vẫn lãnh đạo, Nhà Nước vẫn quản lý và Nhân Dân vẫn... làm chủ, lẽ dĩ nhiên !

Tính ra, " thời chú Sam " chỉ dài có hai mươi năm. Cái " số " như vậy thầy bói gọi là... yếu tử ! Trong lúc " thời bác Hồ " vẫn còn tiếp diễn dài dài, gần ba mươi năm mà chưa thấy hạ màn ! Đó là cái " lô-gích " của thời đại bởi vì bác Hồ lúc nào mà chẳng " sống mãi! sống mãi ! sống mãi ! " ? Chỉ tội cho người dân, với bộ mặt " không giống ai " vì bị tô son trét phấn, có nhãn nhớ vì đau quận ruột người ta cũng vẫn thấy như đang... cười ! Và người ta kết luận : " Tốt đấy chứ !". Ở đây, phải hiểu " người ta " là Đảng và Nhà Nước.

Nói đến "chợ trời" chắc ai cũng biết. Ở đó, người ta bán đủ thứ, không cần xếp "ngành nghề" gì cả, hàm-bà-lằng ! "Thượng vàng hạ cám" gì đều ngang nhau hết. Rất bình đẳng, không "phân biệt giai cấp", không "kỳ thị chủng tộc". "Anh" ti-vi loại "xịn", loại tổ bố, loại "made in Japan", vẫn đứng cạnh "anh" quạt máy nhỏ xíu cỡ bằng bàn tay loại "không made in gì cả". Những món hàng ăn cấp vẫn ngang nhiên... kê vai với những món hàng thuộc diện "bảo đảm có phắc-tuya đảng hoàng". Và cũng đứng rất tự nhiên, không kèn kiệu tự tôn, không tự ti mặc cảm. Thậm chí đến đồ thiết đồ giả cũng... đứng chung với nhau, lẫn lộn một cách rất hài hòa thân thiết ! Cái thế giới "chợ trời" đúng là cái thế giới lý tưởng bởi vì đã san bằng được giai cấp và mọi dị biệt đều được hòa đồng...

Vậy mà sau "ngày cách mạng thành công", chánh quyền cách mạng đã "cách mạng" chợ trời ráo riết. Nay cần quét chỗ này, mai cần quét chỗ kia. Chợ trời rách nát te tua, rồi mất dạng. Rồi hiện trở lại, rồi lại mất dạng... vv nhiều lần. Giống như trò cút bắt.

Chính trong thời gian kể trên, một hôm đi ngang Lăng Ông Bà Chiểu, tôi "được" một anh thanh niên kè theo hỏi nhỏ mà cặp mắt láo liên:

- Chú mua quần tây không chú ?

Thật bất ngờ và cũng thật bất thường làm tôi phải lấy ngay "tư thế cảnh giác". Do bản năng và nhứt là do thói quen sau này – tôi muốn nói sau cuộc đời vĩ đại – lúc nào cũng phải thủ thế, luôn luôn coi chừng lời ăn tiếng nói, luôn luôn coi chừng hành động của mình, luôn luôn coi chừng những người chung quanh... Bởi vì không biết lúc nào trắng lúc nào đen, không biết ai là ai nữa. Thấy chẳng còn ai tin ai nên tôi cũng chẳng dám tin ai. Vậy là lúc nào cũng có ngay một phản ứng rất... thời đại: nghi ngờ !

Tôi nghi gã thanh niên "có ý gì". Bởi vì nói bán quần tây mà đi hai tay không, lại còn phì phà điều thuốc đầu lọc mà chính bản thân tôi – công nhân viên với ngạch trật "kỹ sư bậc hai trên sáu" – không đủ tiền để mua hút ! Tôi vội nhìn quanh: chẳng còn ai hết ngoài tôi và gã. Vậy là ở đây không có loại "chợ trời mi-ni" để gã có lý do bắt mối chào hàng. Tôi nghiêm nghị trả lời:

- Không !

Gã vẫn đeo theo:

- Mua giúp con mà chú. Quần tây thứ tốt, loại đa-cờ-rong nhập cảng đảng hoàng.

Tôi làm thinh, tiếp tục bước đi và vẫn tiếp tục... thủ. Bỗng, gã đổi giọng than thở:

- Chú không biết chớ bây giờ chợ trời bị dẹp hết, còn chỗ đâu mà buôn bán. Dân chợ trời rã ra đi bán chui lẻ tẻ vẫn bị “cum” như thường. Khổ lắm chú ơi ! Bữa nay con lang bang xóm này cầu may mà sáng giờ chưa bán được cái quần nào hết. Chú mua giúp đi chú !

Tôi không cần quần nên không cần mua. Nhưng vẫn thắc mắc:

- Anh nói bán quần mà đi tay không, có thấy hàng họ gì đâu ?

Anh ta nhăn mặt:

- Trời ơi ! Cầm trong tay cho tụi nó thấy đặng mang họa à !

Rồi hắn dùng bước, để điều thuốc lên khoe môi, một tay ôm vạt sơ-mi lên, một tay chỉ vào quần hắn đang mặc:

- Nè ! Quần đây nè ! Thiệt mà ! Chú coi đi !

Tôi thật ngỡ ngàng, không biết phải nói gì làm gì. Gã cầm lấy bàn tay tôi đặt lên hông gã:

- Đây ! Chú rờ coi ! Đa-cờ-rong thứ thiệt mà. Còn mới tinh hà !

Tôi vẫn chưa hết ngỡ ngàng, tay mân mê một cách máy móc chéo vải quần của hắn. Thấy vậy, giọng hắn trở nên dồn dã:

- Để con cời ra cho chú coi nghen !

Gã dọm mở nút quần, tôi cản lại:

- Đừng ! Đừng ! Tôi không mua đâu.

- Hay là chú muốn coi quần màu khác ? Cũng đa-cờ-rong.

Không đợi tôi trả lời, hắn phun mẩu thuốc trên môi, lệ làng kéo phẹt-mơ-tuya xuống. Rồi một tay ôm vạt áo, một tay tuột quần khỏi hông, để lộ bên trong một cái quần khác màu sậm hơn ! Hắn xoay người qua xoay người lại để... bày hàng, rồi nói:

- Cái này “xịn” hơn. Đa-cờ-rong Mỹ mà. Chú rờ coi ! Bảo đảm chưa mặc lần nào hết !

Tôi bỗng thấy tội nghiệp anh ta vô cùng. Và tôi đoán rằng bên trong còn một cái quần thứ ba nữa, bởi vì tôi vừa nhận ra là anh ta ốm tong ốm teo, dư sức để mặc dễ dàng ba cái quần.

Tôi đặt tay lên vai gầy của hắn, thân mật:

- Chú không mua đâu. Đừng mất thì giờ. Tốt hơn cháu nên chào hàng người khác đi !

Trong lúc tôi bỏ đi, hắn còn nói với theo:

- Chú chưa coi hết mà ! Còn một cái nữa nè !

Tự nhiên, hai chân tôi bước nhanh hơn, bước dài hơn. Làm như muốn chạy.

Vẫn còn cái gốc

Tôi sanh ra vào thời Pháp thuộc, lớn lên, ra đời với Mỹ Diệm, Mỹ Thiệu rồi... già trước tuổi sau ngày “ cách mạng thành công ” ! Để thấy tôi đã có cái may mắn biết thằng Tây, biết Chú Sam, biết Bác. Thằng Tây đội nón cối thực dân ngồi trên đầu thằng dân đội nón lá. Chú Sam với cái nhãn bàn tay của chú nắm bàn tay người bạn mà chú giúp đỡ – cái nhãn chưa kịp tróc, chú đã buông rơi thằng bạn như buông rơi một vật vô tri! Trải qua ba trào như vậy mà tôi đã không thành Tây, không thành Mỹ, cũng không thành Bôn-sê-vít, nhờ truyền thống của ông cha: Biết giữ gìn cái gốc. Điều này, tôi rất tự hào.

Bây giờ, tôi xin tự giới thiệu...

Tôi tên là Tư – Lê Di Tư – Theo ông nội tôi kể lại thì tôi thuộc dòng họ Lê Di ở Huế, một dòng họ nổi tiếng khoa bảng. Hồi đó, ông sơ ông sờ gì của tôi đã làm quan lớn trong triều đình. Ông được lệnh vua, đưa dân đi dài vào Nam khai hoang, dựng làng lập ấp, để mở mang bờ cõi. Khi ông vào đến vùng rừng thiêng nước độc mà sau này người ta gọi là Tây Ninh, ông ngã bệnh rồi chết. Sau đó, không nghe ông nội tôi kể tiếp. Điều mà tôi biết là đến đời ông nội tôi, cái gia tài quyền quý chữ nghĩa của dòng họ Lê Di chỉ còn lại đủ để ông nội tôi...bắt mạch hốt thuốc độ nhật! Rồi qua đến đời cha tôi, đời anh chị tôi...chỉ còn làm ruộng dài dài, mà mớ chữ nghĩa thì vừa đủ để ngâm nga mấy truyện thơ bình dân như Chàng Nhái Kiêng Tiên hay Bạch Viên Tôn Các.

Hồi đó, có người thắc mắc tại sao tôi đã mang cái họ Lê Di rất văn vẻ, rất...quí phái mà lại có cái tên Tư nghe quá cục cằn khô khan? Nói cho có vẻ...văn chương, cái họ của tôi như tấm lụa mềm mà sao cái tên của tôi thì như hòn sỏi nhám? Đó là do bản chất thật thà của cha tôi. Ông đặt tên anh em chúng tôi giống như ông đếm bày con! Đầu tiên là anh cả tôi: Lê Di Một. Kế đó là anh Lê Di Hai. Tiếp theo là chị tôi: Lê Thị Ba. À! Chỗ này được cha tôi giải thích...gọn bâng: Tại nó là con gái, mang họ Lê Di sao được, nữ sinh ngoại tộc mà! Cuối cùng là tôi, Lê Di Tư, sanh cách chị tôi đến chín năm. Vì vậy, ở nhà gọi tôi là thằng Út, còn hàng xóm thì gọi tôi là Út Tư, chắc là để khỏi lầm với những thằng Út khác.

Năm đó, tôi đến tuổi vào trường tiểu học. Cha tôi xách xe đạp chạy ra nhà việc (hồi đó, chỗ ban hội tề –là những người chức trách trong làng – làm việc được gọi là nhà việc, cũng có người gọi là nhà vuông bởi vì ngôi nhà đó có bốn cạnh bằng nhau) để trích lục khai sanh của tôi. Khi ông về đến nhà, ông cầm tờ khai sanh vừa chỉ chỗ vừa phàn nàn: “Con mẹ thằng lục bộ! Hồi đó tao khai là Lê Di Tư, nó nghe rõ chớ, lại còn gục gặc đầu nói đũa thứ bốn phải không. Vậy mà nó đánh dấu ư cách xa chữ u đến cả thước lận, thành ra là dấu sắc. Bây giờ thằng chả chết mắt rồi, lấy ai mà đổi chất đây? Còn thằng lục bộ mới này thì nó đọc sao là chép y ra vậy. Con mẹ nó! Làm thằng nhỏ bây giờ tên là Tú. Coi vô duyên không?”.

Vậy là trong khai sanh – và mãi về sau này – tôi tên là Lê Di Tú! Phiền một điều là hồi đó cái tên Tú này tôi nghe không quen lổ tai. Cho nên, ngày đầu trong trường tiểu học, khi thầy giáo điểm danh, gọi đến Tú là tôi vẫn tĩnh bơ ngồi yên. Còn dòm qua ngó lại coi là đũa nào! Cũng may là thầy giáo lớp chót đó là cậu Sáu An – bà con bạn dì với má tôi – nên cậu đã biết qua cái sự trục trặc trong cái tên của tôi. Thấy bèn gọi “ Tư ” làm tôi giật mình dạ một tiếng lớn. Cả lớp cười rộ. Rồi mấy ngày sau đó, khi gọi đến Tú là thầy... chêm ngay tiếng Tư cho xong chuyện. Trẻ con dễ thắm, nên chỉ mấy hôm sau là tôi đã quen với cái tên Tú văn vẻ đó, như đã quen lâu!

Lật bật rồi tôi cũng trèo tới lớp nhứt, rồi đậu xép-phi-ca (certificat). Hồi này, ở nhà trúng mấy mùa lúa, nên cha tôi quyết định cho tôi học tới. Ông nói: “Thằng Út nó lanh lợi, bắt nó làm ruộng cũng uống” (Bây giờ nhớ lại, tôi không khỏi phì cười: ông làm như phải là...cù lần mới đi làm ruộng!) Vậy là tôi được xuống Sài Gòn thi vào trường lớn (hồi đó, bậc trung học đã được gọi là trường lớn, bởi vì nó... lớn hơn trường tiểu học). Tôi thi đậu và ở nội trú. Cha tôi sắm cho tôi cái nón cối hiệu Con Gà Trống và đôi xăng-đan (sandales). Xưa nay, lúc nào tôi cũng đầu trần và đi chân không – đôi guốc chỉ dùng để...rửa chân ban đêm trước khi leo lên ván ngủ. Bây giờ, vào trường lớn phải khác!

Ở trường lớn, người ta gọi tôi là Tú Lê để phân biệt với thằng Tú Phạm học cùng lớp và cũng ở nội trú như tôi. Tôi mang cái tên Tú Lê được hai năm thì trong nước có giặc. Sài Gòn bị đồng minh gì gì đó dội bom. Trường lớp bị đóng cửa, dân chúng thị thành tản cư. Cha tôi vội vã đem tôi về làng. Từ đó, tôi tập tành làm ruộng. Điều này không đi đúng với sự mong muốn của cha tôi. Lâu lâu ông hay nhắc: “Con mẹ nó! Nếu không có giặc thì thằng nhỏ đã không phải về làm ruộng. Giòng họ Lê Di bây giờ chỉ còn có mình nó là khá. Vậy mà...”. Câu nói thường bị bỏ lửng. Để thấy ông cũng hơi phiền trách ông Trời đã không giúp tôi đi theo “con đường chữ nghĩa” cho dòng họ Lê Di được nở mặt, mà đẩy tôi về với ruộng lúa, con trâu, cái cày... Riêng tôi thì lại thích được như vậy. Có lẽ tại vì cái gốc “ruộng” của tôi đã ăn quá sâu vào đất. Tôi sung sướng được trở về với cái tên “Út Tư” bình dị mà hàng xóm dùng để gọi tôi từ thuở ấu thời. Và tôi cũng quên dễ dàng cái tên “Tú Lê” văn vẻ đã bỏ lại ở một góc sân nào đó trong trường lớn...

Vào thời ông Diệm/ông Thiệu, tôi “đi” dân vệ. Để được ở lại làng giúp gia đình làm ruộng ngoài giờ công tác ở đơn vị địa phương. Bởi vì gia đình tôi không có tá điền tá thổ gì hết. Ngoại trừ mùa cấy hay mùa gặt phải mượn thêm người giúp cho “kịp mưa kịp nắng”, kỳ dư đều do người trong gia đình tôi làm lấy, kể cả mẹ tôi, mấy chị dâu anh rể tôi và vợ tôi nữa (hồi này tôi đã có vợ con). Kể lại như vậy để thấy rằng gia đình chúng tôi thuộc loại “tay làm hàm nhai” chớ không phải loại “chỉ tay năm ngón, ngồi không trực lợi”! Và nhờ trời, gia đình tôi làm ruộng mà “lúa ăn không hết”...

Sau biến cố tháng Tư 1975, tôi đi học tập hết ba hôm rồi về nhà tiếp tục làm ruộng. Yên chí rằng mình thuộc giới công nông đem “mồ hôi đổi lấy bát cơm”, lấy sức “lao động làm nên của cải”

(mấy câu này tôi mới học được của mấy cán bộ cách mạng, cha nào cha nấy nói y như nhau, còn lập đi lập lại nữa nên...để nhớ!) Chớ không thuộc loại “Mỹ Ngụy ác ôn” hay “trí thức vong bản” hay “địa chủ phú nông , cường hào ác bá “ gì gì...Tôi đã thật tình tin tưởng rằng mình “không có nợ máu với nhân dân” thì không có gì phải lo âu sợ sệt. Chẳng dè ít lâu sau ruộng bị “sung” vào hợp tác xã, còn chúng tôi thì làm công lại cho họ. Ngang ngược một cách rất...tự nhiên! (May quá! Cha mẹ tôi đã thất lạc trước ngày “cách mạng thành công”. Mừng cho ông bà!)

Vào hợp tác xã chưa đủ. Còn phải đi lao động (làm như đi làm ruộng mỗi ngày chưa phải là lao động!) Rồi đi họp hành, học tập đường lối chủ trương (làm như phải có những thứ đó thì lúa...mới tốt!) Rồi đi mệt tinh, rồi hô khẩu hiệu, rồi khai lý lịch khai tới khai lui...Có đêm tôi nằm trằn trọc, nghĩ tiếc cho cái gốc của ông bà để lại, bây giờ không còn đứng vững nữa. Cái gì không giống cái gì hết ! Lai căn tạp nhạp.

Vậy là sau một thời gian nhần nhục làm một “nhân khẩu” của chế độ, tôi thấy tối ngày cứ hô “sống mãi, sống mãi, sống mãi” chắc... chết quá! Tôi đành liều mạng mang vợ con vượt biên. Nhờ ơn trên phò hộ, chúng tôi đi thoát và tấp lên đảo Pulau Bidong (Mã Lai).

Sau hơn bốn tháng “nằm” đảo, chúng tôi được chánh quyền Pháp nhận cho định cư. Đó là nhờ chút ít tiếng Pháp còn sót lại của thuở thiếu thời xa xưa. Thuở đó, mỗi ngày học trò phải chào cờ “Đại Pháp”, phải hát bài “Maréchal ! Nous voilà !”. Vào lớp phải đứng thẳng, đợi thầy nói “Asseyez-vous” rồi chắm câu với tiếng roi mây hay cây thước báng đập lên bàn. Chừng đó, cả lớp đồng nói “Nous nous asseyons” rồi mới ngồi xuống. Ở cái thời như vậy mà sao cái “gốc” vẫn còn. Có lẽ nhờ truyền thống của ông cha và nhờ mấy quyển Quốc Văn Giáo Khoa Thư đã âm thầm nhen nhúm tình thương quê hương dân tộc.

Chúng tôi được “bốc” về đất liền ở thị xã Trengganu, rồi từ đó về Kuala Lumpur, thủ đô Mã Lai, để làm thủ tục giấy tờ.

Hôm chuẩn bị lên xe để ra phi trường Kuala Lumpur “bay” đi Paris, lòng tôi như mở hội. Ngày mai chẳng biết ra sao, nhưng chân trời mới này đã thấy rộng thênh thang. Không phải cho tôi, mà là cho hai thằng con tôi đang trong tuổi lớn ! Điều này tôi muốn chia sẻ với những người ti. nạn đang đứng chùn nhum ở lãnh sự quán Pháp đợi gọi lên xe ca, nhưng tiếc quá họ toàn là người Tàu Nam Vang và người Miên người Lào. Họ không biết tiếng Việt Nam, thành ra tôi... cụt hứng.

Chính ông phó lãnh sự gọi tên từng gia đình để trao thông hành và mời lên xe. Khi ông gọi đến gia đình “Lơ đi”, chẳng thấy ai nhúc nhích. Ông đưa mắt tìm trong đám đông rồi cái nhìn của ông ngừng lại ở tôi. Ông mỉm cười hỏi bằng tiếng Pháp: “Gia đình ông người Việt phải không?”. Tôi gật đầu “Ủy mong xiừ” mà tự hỏi làm sao ông nhận ra cái gốc Việt Nam của mình? Ông bèn trao tờ thông hành rồi chúc thượng lộ bình an. Lên xe ca, tôi đọc tấm giấy thấy đề: “Nom: Ledi-Prénom: Tu”. Tôi nhồm dậy định xuống xe phân trần, nhưng xe đã rồ máy và tôi cũng nghĩ lại: Cái vốn Pháp ngữ quá ít ỏi của mình không đủ để giải thích những gút mắt của cái họ cái tên Việt Nam, của dấu ê dấu sắc trong tiếng Việt Nam. Tôi đành ngồi xuống, thờ dài... Thân phận lưu vong, bỏ hết mất hết đã đành, chỉ có cái họ cái tên là mang theo được bên mình, vậy mà bây giờ nó cũng không còn nguyên vẹn hình hài và âm thanh của nó nữa ! Nghĩ đến đó, tôi bỗng nghe tủi thân đến ứa nước mắt...

Ở Pháp, tôi không “hành” nghề làm ruộng. Tôi làm thợ nhà in. Chắc tổ tiên dòng họ Lê Di, nhứt là vong hồn của cha tôi, muốn cho tôi -dù sống ở xứ người- cũng vẫn được gần với...chữ nghĩa ! Ở đây, người ta hay gọi tôi bằng cả họ lẫn tên “Ledi Tu”, bởi vì phát âm ‘Lơ đi tuy’ theo tiếng Pháp có nghĩa là “Mày có nói ra không?”. Tôi không thích, nhưng phải chấp nhận, như tôi đã chấp nhận định cư ở xứ này, bởi vì điều quan trọng vẫn là tương lai của hai thằng con. Tuy nhiên, lâu lâu tôi vẫn thèm được nghe gọi “Út Tư”, cái tên có âm thanh hiền lành bình dị, cái tên sao mà gọi nhớ quê cha đất mẹ vô cùng...

Bây giờ tôi đã về hưu. Ngày ngày tôi “chăn” bầy cháu nội, dạy dỗ chúng nó từng chút để chúng nó đừng thành “Tây con”. Khi nói chuyện với cha mẹ của chúng, tôi thường ví von: “Ba giống như cây bần cây đước đã bị cơn bão năm 1975 bứng ra khỏi đất. Trôi nổi bập bênh theo sóng gió đại dương đến khi đụng một bến bờ nào đó, cho dù đất khô đá cứng, cây bần cây đước đó vẫn cố

bám rễ. Để giữ lấy cái gốc. Bởi vì những nhánh nhóc bên trên rồi sẽ đâm chồi nảy lộc. Cái gốc đó – chắc các con còn nhớ – nó tên là Việt Nam“.